

THIỀN SƯ THÍCH TÍNH ĐỊNH DIỄN ÂM  
Cư Sĩ Nguyễn Văn Quyền (Đệ Tử Học Phật)  
Phiên Dịch Chú Thích



# 諸經演音

## CHƯ KINH DIỄN ÂM

### KINH DI ĐÀ

### KINH NHÂN QUẢ



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

CHỮ KINH DIỄN ÂM

KINH DI ĐÀ

KINH NHÂN QUẢ





**XIỂN PHÁP TỰ TÀNG BẢN**

— O —

**KINH CHỮ NÔM CỔ**

**Bồ Tát Giới Pháp Danh Tính Định Diễn Âm**

**Đệ Tử Học Phật Phiên Dịch Chú Thích**

**諸經演音**

**CHỮ KINH  
DIỄN ÂM**

**KINH DI ĐÀ**

**KINH NHÂN QUẢ**



**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**



# MỤC LỤC

|                          |    |
|--------------------------|----|
| Lời Giới Thiệu I .....   | 7  |
| Lời Giới Thiệu II .....  | 9  |
| Lời Giới Thiệu III ..... | 11 |

## KINH VĂN

|                                                                                                                                            |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| ■ Chư Kinh Diễn Âm Dẫn ( <i>Lời tựa</i> ) .....                                                                                            | 15 |
| ■ Di Đà Kinh Diễn Âm:                                                                                                                      |    |
| - Đại Di Đà Kinh Chính Văn Trì Niệm Trích Yếu Diễn Âm ( <i>Trích những phần chính văn trì niệm quan trọng trong kinh Đại Di Đà</i> ) ..... | 23 |
| - Thập Chung Thắng Lợi Diễn Âm ( <i>Mười lợi ích lớn của việc niệm Phật</i> ) .....                                                        | 45 |
| - Lâm Chung Chính Niệm Diễn Âm ( <i>Niệm Phật giữ chính niệm lúc lâm chung</i> ) .....                                                     | 49 |
| - Lâm Chung Niệm Phật Thập Thanh Diệc Đắc Vãng Sinh ( <i>Lúc lâm chung niệm Phật mười câu cũng được vãng sinh</i> ) .....                  | 51 |
| - Ấn Tổng Công Đức Diễn Âm ( <i>Công đức ấn tổng</i> ) .....                                                                               | 53 |
| ■ Nhân Quả Diễn Âm:                                                                                                                        |    |
| - Nhân Quả Chư Kinh Trích Yếu Diễn Âm ( <i>Trích phần quan trọng trong các kinh Nhân Quả</i> ) .....                                       | 55 |
| - Giới Sát Giải Âm ( <i>Răn cấm sát sinh</i> ) .....                                                                                       | 77 |
| - Giới Tham Lận Giải Âm ( <i>Răn tham lam keo kiệt</i> ) .....                                                                             | 79 |
| - Khuyến Ân Ái Giải Âm ( <i>Khuyến những người ruột thịt thương yêu nhau</i> ) .....                                                       | 81 |

|                                                                                                           |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| - Giới Bất Tri Bảo Thân Giải Âm ( <i>Khuyên người không biết lo cho thân mình</i> ) .....                 | 83 |
| - Tam Ác Đạo Giải Âm ( <i>Nói về nỗi thống khổ trong ba đường ác: địa ngục, ngã quỷ, súc sinh</i> ) ..... | 85 |
| - Phạm Tụ Bí Mật Thần Chú .....                                                                           | 99 |

## GIẢI THÍCH RỘNG THÊM NGHĨA KINH

|                                              |     |
|----------------------------------------------|-----|
| ■ Tứ Đế .....                                | 103 |
| 1-Khổ Đế .....                               | 105 |
| 2-Tập Đế .....                               | 116 |
| Thập Nhị Nhân Duyên .....                    | 125 |
| 3-Diệt Đế .....                              | 133 |
| 4-Đạo Đế .....                               | 135 |
| Bát Chính Đạo .....                          | 137 |
| ■ Lục Đạo Luân Hồi .....                     | 152 |
| ■ Đức Phật A Di Đà Và Thế Giới Cực Lạc ..... | 162 |
| ■ Nói Thêm Về Nhân Quả .....                 | 171 |
| ■ Pháp Tu .....                              | 179 |
| ■ Nói Về Pháp Thập Niệm .....                | 195 |
| ■ Hộ Niệm .....                              | 200 |

## KHÓA TRÌNH NIỆM PHẬT HẰNG NGÀY

|                                                    |     |
|----------------------------------------------------|-----|
| ■ Khóa Trình Niệm Phật Hằng Ngày Trước Ban Thờ ... | 218 |
| ■ Khóa Trình Niệm Phật Thông Dụng Hằng Ngày ..     | 230 |
| Lời Tri Ân .....                                   | 233 |

輪迴億劫徐初  
悲除買取特機緣尼  
玉鑽如崗翹台  
空朋惻特經尼群愀

**Luân hồi ức kiếp từ xưa  
Bây giờ mới gặp được cơ duyên này  
Ngọc vàng như núi nhiều thay  
Không bằng mừng được kinh này còn hơn**





# LỜI GIỚI THIỆU

## I

*Nam mô A Di Đà Phật!*

Duyên lành, tôi được Tiến sĩ Bùi Hữu Dực, nguyên Vụ trưởng Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ (giảng viên cao cấp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) đưa đến bản thảo **Chư Kinh Diễn Âm**, do cao tăng Thiền sư Thích Tính Định soạn dịch bằng chữ Nôm theo thể thơ lục bát, hiện lưu giữ tại Thư viện Quốc gia Việt Nam; được Cư sĩ Nguyễn Văn Quyền tâm huyết dịch ra Quốc ngữ.

Xem nội dung, tôi nhận thấy, bản kinh quả thực là di sản văn hóa đặc sắc của Phật giáo nước ta, được dịch giả cẩn trọng chú thích, khiến cho nghĩa kinh càng rõ ràng mạch lạc, có thể dùng làm Pháp bảo tu học cho tất cả mọi người, không kể tại gia hay xuất gia.

Nhân dịp xuất bản **Chư Kinh Diễn Âm**, tôi mượn hai câu trong bản kinh này thay cho lời giới thiệu đến với đông đảo tăng ni, Phật tử, thiện nam, tín nữ xa gần:

“Lời kinh nghĩa sách tỏ bày,  
Ai ai tu lấy, phúc ngày ngày thêm”.



*Ngày lành mùa Đông năm Canh Tý  
Phật lịch 2564*

A handwritten signature in black ink, consisting of the name 'Quang' in a stylized, cursive script, followed by a long horizontal stroke that ends in a small loop.

**Hòa thượng, Tiến sĩ Thích Gia Quang**  
*Phó chủ tịch Hội đồng Trị sự,  
Trưởng ban Thông tin Truyền thông  
Giáo hội Phật giáo Việt Nam*

# LỜI GIỚI THIỆU

## II

**Chư Kinh Diễn Âm** là bộ kinh gồm tám quyển, do Thiền sư Thích Tính Định (1842-1901), một cao tăng thuộc Thiền phái Tào Động, dịch soạn vào cuối Thế kỷ XIX. Từ bộ kinh chữ Hán, Ngài đã chọn những điểm căn cốt để chuyển sang chữ Nôm theo thể thơ lục bát với nghĩa lý cô đọng, dễ hiểu, dễ nhớ cho người có duyên với Phật tu học, không kể tuổi tác và trình độ.

Theo ghi chép, **Chư Kinh Diễn Âm**, được khắc, in và lưu giữ tại chùa Xiển Pháp, thôn An Trạch, Hà Nội xưa (nay thuộc phố Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội). Bộ kinh không chỉ mang giá trị về nội dung Phật giáo, mà còn là di sản văn hóa lịch sử độc đáo của tiền nhân còn được lưu giữ.

Duyên lành vào năm 2020 (Phật lịch 2564), Dịch giả - Cư sĩ Nguyễn Văn Quyền với bút danh **Đệ tử Học Phật** đọc được nguyên bản bộ **Chư Kinh Diễn Âm**, thấy được giá trị và ý nghĩa của bộ kinh quý, đã dành thời gian và tâm huyết, cẩn trọng dịch ra chữ Quốc ngữ, với mong ước bộ

kinh quý được truyền bá rộng rãi trong xã hội, đặc biệt với người tu học Phật.

**Chư Kinh Diễn Âm**, là bộ kinh Phật chọn lọc, được tiền nhân cao tăng Thiền sư tâm huyết dịch soạn, được hậu nhân trân quý dốc lòng chuyển sang Quốc ngữ, với mong ước nội dung và tư tưởng bộ kinh đến được với nhiều người, để con người sống với nhau bằng tâm từ bi, ứng xử với nhau theo đức lục hòa, làm việc hiệu triết lý nhân quả để cuộc sống nhân gian hiện tại là Niết Bàn và tương lai sẽ là Cực Lạc.

Bằng tình cảm và sự trân quý, xin trân trọng giới thiệu bộ **Chư Kinh Diễn Âm** tới quý vị.

*Hà Nội, mùa Thu năm Canh Tý (2020)*

**TS. Bùi Hữu Được**

*Nguyên Vụ trưởng Vụ Phật giáo*

*Ban Tôn giáo Chính phủ*

# LỜI GIỚI THIỆU

## III

Đạo Phật ra đời ở Ấn Độ vào thế kỷ VI trước Công nguyên, truyền bá vào Việt Nam khoảng đầu Công nguyên, đồng hành cùng dân tộc ta suốt hơn hai nghìn năm qua.

Sự ra đời của đạo Phật xuất phát từ lòng từ bi, bình đẳng. Từ là đem lại vui mừng cho đời. Bi là cứu hết đau khổ cho đời. Bình đẳng là không phân biệt giống loài, giai cấp, dân tộc, tôn giáo đều thương yêu giúp đỡ lẫn nhau.

Theo đạo Phật, bởi vì loài người còn sống trong vòng luân hồi sinh tử, cho nên Đức Phật Thích Ca ra đời, tu hành giác ngộ, chỉ dạy rất nhiều pháp môn tu tập, tùy theo hiểu biết và căn cơ, giúp chúng sinh hoàn toàn giải thoát. Trong những pháp môn Đức Phật chỉ dạy, pháp môn Niệm Phật là dễ dàng tu tập nhất. Tất cả mọi người, từ bậc thượng căn đến bậc hạ căn, từ người trí thức đến người bình dân, ai ai cũng đều tu tập được.

Pháp môn Niệm Phật được thực hành ở nước ta từ rất lâu đời. Các bậc cổ đức tiền hiền dịch kinh viết luận rất nhiều. Nhưng do thời gian đã lâu, thời thế thay đổi, đa số bản kinh luận ấy bị

mai một. Đến nay, có lẽ Niệm Phật Luận do vua Trần Thái Tông biên soạn là bản luận lâu đời nhất còn giữ lại được.

Rất may, trong kho tàng Hán Nôm nước ta vẫn còn lưu giữ được những bộ kinh sách Phật giáo quý báu, trong đó có bộ **Chư Kinh Diễn Âm** gồm tám quyển do Thiền sư Thích Tính Định dịch từ chữ Hán sang chữ Nôm theo thể thơ lục bát từ cuối thế kỷ XIX.

Trong quá trình nghiên cứu kinh điển, phát hiện di sản văn hóa trí tuệ đặc sắc của tiền nhân, đặc biệt là giá trị quý báu về nội dung, Cư sĩ Nguyễn Văn Quyền đã phát tâm phiên dịch **Chư Kinh Diễn Âm** từ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ, đồng thời thêm phần chú thích toát yếu nội dung Phật pháp một cách giản dị, dễ hiểu với nguyện ước trợ giúp cho đông đảo Phật tử và thiện tín thêm phần tin, hiểu và hành theo chính pháp nhà Phật.

Tôi trân trọng ghi mấy lời tùy hỷ duyên lành này, nguyện bản kinh lưu thông rộng khắp, đem lại lợi ích cho mọi người đến mãi mãi đời sau.

*Ngày lành mùa Thu năm Canh Tý (2020)*

**TS. Lê Tâm Đắc**

*Phó Viện trưởng Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

諸經演音





諸經演音引

佛降生於諾天竺。祇諾梵少諾經。經旦  
 諾市。沛譯器。省諾諾意。經旦。如漢譯器  
 諾儒。諾儒。諾諾。邊槽。些麻。學沛。學義。器  
 省諾。些時。買別。學固。燭時。買別。塘修。學  
 麻。麻時。空別。夷。勤。世。買沛。譯器。省諾。些  
 諾。諾。南。時。諾。花。紗。埃。埃。掛。易。別。諾。些。悲  
 除。諾。制。浪。諾。南。麻。沛。弄。賴。於。訥。佛。法。况  
 如。諾。些。學。包。易。別。麻。修。吏。特。外。護。訥。佛  
 法。少。柴。拱。賊。巨。功。麻。代。朱。諾。別。時。買。沛

## CHỮ KINH DIỄN ÂM DẪN

Phật giáng sinh ở nước Thiên Trúc, lấy chữ Phạn làm chữ kinh. Kinh đến nước nào phải dịch ra tiếng chữ nước ấy. Kinh đến nhà Hán dịch ra chữ Nho, chữ Nho là chữ bên Tàu, ta mà học phải học nghĩa ra tiếng nước ta thì mới biết. Học có rõ thì mới biết đường tu, học mờ mờ thì không biết gì. Bởi thế mới phải dịch ra tiếng nước ta là chữ Nôm, thì người già trẻ ai ai cũng dễ biết. Người ta bây giờ chớ chê rằng chữ Nôm, mà phải tội lớn ở trong Phật pháp. Huống như người ta học đã dễ biết mà tu, lại được ngoại hộ trong Phật pháp. Làm thầy cũng nên gắng công mà dạy cho người biết, thì mới phải



咒柴。咒護。訥持道法。經國音。尼。瓠卷。  
 咒彰義。經因果。別浪。仍。畏。訥。少。善。時。畏。  
 尼。毀。福。訥。少。惡。畏。尼。毀。苦。底。麻。推。因。經。  
 布施。底。麻。別。昂。償。鬪。訥。經。目。連。底。麻。別。  
 匱。塘。與。苦。經。彌。陀。底。麻。別。充。暢。麤。塊。  
 沛。訥。身。對。壳。經。五。王。底。麻。別。於。畏。苦。對。  
 如。占。包。經。出家。別。浪。修。文。時。麻。功。德。拱。  
 穢。鬪。經。十。六。觀。底。麻。易。修。如。禪。定。智。慧。  
 大。乘。強。庸。彰。群。淨。土。咒。塘。修。悉。鼻。許。臥。  
 拱。庄。平。埃。咒。固。排。不。淨。觀。底。麻。別。法。修。

là thầy, lại là hộ trong được đạo pháp. Kinh quốc âm này tám quyển là nhiều nghĩa. Kinh Nhân Quả, biết rằng những đời trước làm thiện, thì đời này chịu phúc, trước làm ác đời này chịu khổ, để mà suy nhân. Kinh Bố Thí, để mà biết sang hèn giàu nghèo. Kinh Mục Liên, để mà biết ba đường dữ khổ. Kinh Di Đà, để mà biết sung sướng lâu dài, khỏi phải thay thân đổi xác. Kinh Ngũ Vương để mà biết ở đời khổ, đối như chiêm bao. Kinh Xuất Gia, biết rằng tu một ngày mà công đức cũng rộng lớn. Kinh Thập Lục Quán để mà dễ tu, như Thiên định trí tuệ đại thừa càng rõ lắm. Còn Tịnh Độ là đường tu tắt, trăm nghìn người cũng chẳng sót ai. Lại có bài Bất Tịnh Quán để mà biết pháp tu



禪定。夷偈無相真空。底生智慧。隨旦無  
 上菩提。瓊卷尼龔奇法修。夷特易學易  
 少易別固學經。誦經時買別浪。男畝麻  
 少特神聖。丕菩薩佛。能男空修。麻新沛  
 少畜生鬼。尉地獄。無窮苦惱。如畝世間  
 只別安默。錢貼權男。色慾制排。鬻昧麻  
 堆群。戕剝術。劫時空誼。旦黜世買。沛貴  
 經典麻學。佛保浪拆。黜蔑吒。嫉罪。穢空  
 朋畝麻庄敬經典。共買毀壞經典。畝市  
 頤經麻空學女。時多朱畝。恪停固毀壞

Thiền định, lại Kệ Vô Tướng Chân Không, để sinh trí tuệ thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề. Tám quyển này đủ cả pháp tu, lại được dễ học dễ làm dễ biết. Có học kinh, tụng kinh thì mới biết rằng, là người mà làm được Thần Thánh, Trời Bồ Tát Phật, hay là không tu mà sau phải làm súc sinh quỷ đói địa ngục, vô cùng khổ não. Như người thế gian chỉ biết ăn mặc tiền của quyền thế, sắc dục chơi bời, trước mắt mà thôi, còn dài lâu về sau thì không nghĩ đến, bởi thế mới phải quý kinh điển mà học. Phật bảo rằng giết bảy đời cha mẹ, tội nặng không bằng người mà chẳng kính kinh điển, cùng với hủy hoại kinh điển. Người nào lĩnh kinh mà không học nữa, thì đưa cho người khác, đừng có hủy hoại



麻殺罪。剋錢貼時特艾。經策。罪特  
利。閉劫。罪些。賊誼。淩濃。罪。麻空。學經  
罪。罪。罪。罪。可傷。

mà chịu tội lâu dài. Tiền của thì được một đời, kinh sách là được lời muôn kiếp. Người ta nên nghĩ sâu nông, là người mà không học kinh, là người lòa thực là khá thương.

---

**Chú thích:**

Đây là lời tựa của bậc chân tu, đạo hạnh trang nghiêm, đó là Thiền sư Tính Định, tự Tâm Châu, thế danh Hàn Thái Ninh, thuộc thiền phái Tào Động Việt Nam. Ngài tướng mạo hơn người, bản tính thông minh, văn chương chữ nghĩa siêu phàm, tinh thông kinh điển, chuyên tâm truyền bá pháp môn Niệm Phật, từng dịch và cho khắc in nhiều kinh sách xiển dương Tịnh Độ. Ngài chính là vị Tổ Sư khai sáng chùa Xiển Pháp, tên nôm là chùa Trại, được kiến tạo từ năm 1875 tại khu đất thuộc thôn An Trạch, nay thuộc phố Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chùa là cơ sở in ấn kinh Phật nổi tiếng vào khoảng nửa cuối thế kỷ XIX, nhưng rất tiếc hiện nay không còn, do chiến tranh phá hoại.

Trong lời tựa nêu ra, Chư Kinh Diễn Âm gồm tám quyển, đều do Thiền sư soạn dịch. Trong bản này gồm hai kinh quan trọng nhất, đó là kinh Di Đà và kinh Nhân Quả, diễn tả sự vui sướng nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc, kể rõ nỗi khổ trong sáu cõi luân hồi, khổ nhất là ba đường ác địa ngục, ngã quỷ, súc sinh. Kể rõ nhân duyên nghiệp quả kiếp này kiếp trước, khuyên mọi người ăn hiền ở lành, tu nhân tích đức, chăm chỉ niệm Phật cầu vãng sinh về Cực Lạc, để ngay kiếp sống này được yên ổn, sau khi trăm tuổi được về với Phật A Di Đà, thoát khỏi biển khổ sinh tử luân hồi, an vui mãi mãi.

大彌陀經正丈持念摘要演音

南無佛大彌陀  
坦牢寵猥全鑽  
爰藪景氣熙熙  
圖繞紐式甘珍  
珊瑚瑪瑙王鑽  
鼻味咍卒董落  
推罌閉物默用  
吏如城瀾殿臺  
琉璃琥珀鷲蹉

經浪諾佛帝罽西方  
罽皮平滂如瀾盤栖  
空曠空測臍鼎調春  
想夷特意默唆產床  
鉢市意閉常常現甕  
味夷鰾棘酥菱如悉  
物市罽庄如悉適慍  
層連羅網客外松核  
鉅鑽珠寶達排虛空



## DI ĐÀ KINH DIỄN ÂM

### ĐẠI DI ĐÀ KINH CHÍNH VĂN TRÌ NIỆM TRÍCH YẾU DIỄN ÂM

▪ Nam Mô Phật Đại Di Đà,  
Kinh rằng nước Phật đây là Tây Phương,  
Đất sao đỏ ối toàn vàng,  
Bốn bề bằng phẳng như làn bàn tay,  
Một bầu cảnh khí hây hây,  
Không nóng không rét, tháng ngày đều xuân.  
Đồ bông sợi, thức cam trân,  
Tưởng gì được ấy, mặc ăn sẵn sàng,  
San hô, mã não, ngọc, vàng,  
Bát nào ý muốn thường thường hiện ngay.  
Trăm vị ngon tốt đông đầy,  
Vị gì mặn lạt chua cay như lòng,  
Suy ra muôn vật mặc dùng,  
Vật nào là chẳng như lòng thích vui.  
Lại như thành khuyết điện đài,  
Tầng trên là vông, lầu ngoài cối cây,  
Lưu ly hổ phách đúc xây,  
Bạc vàng châu báu đặt bày hư không.

---

**Tây Phương:** chỉ thế giới Cực Lạc, cách thế giới Sa Bà, nơi chúng ta đang sống về phía Tây mười vạn ức (mười tỷ) cõi Phật. Nơi đó là cõi Tịnh Độ có Đức Phật A Di Đà làm giáo chủ. Là thế giới vô cùng trang nghiêm thanh tịnh, mọi thứ được tạo thành từ bảy chất báu (thất bảo), mặt đất, cây, ao, hoa sen, lầu gác, thân thể người tự phát ra ánh sáng, không có bóng tối, thuần thiện không có sự xấu ác, người sống mãi không già, thuần vui không buồn rầu khổ não. (Xem bài Đức Phật A Di Đà Và Thế Giới Cực Lạc trang 162).

|          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 埃欺沁沿身形   | 贅萩瀝汜異奇   | 色撐色觀色鑽   | 勳洶蓮采率誓   | 最号器啗和韻   | 唱和鸚鵡百声   | 種鳩雜色拱殼   | 往生埃特瞋貼   | 浩洶七寶沚器   | 聶疥嗜樂蜚重   |
| 浩瀉陰沫隨輪適於 | 諾冲汭汭恪夷水晶 | 色吊樣意毫光燭爆 | 花蘇如体餽車蟾妹 | 糝分聖道黜分菩提 | 鳩仁頭采鍾駒叉身 | 鳩鳩鳩鵲颺牝率哇 | 自然了悟証少品高 | 涓帑涓拱調界法音 | 空勘廼拭自容曲和 |

Trăm nghìn tiếng nhạc trập trùng,  
Không nhờ tay vỗ tự rung khúc hòa,  
Nước ao thất bảo chảy ra,  
Dòng nào dòng cũng đều là pháp âm,  
Vãng sinh ai được nghe xem,  
Tự nhiên liễu ngộ chứng làm phẩm cao.  
Giống chim tạp sắc cũng nhiều,  
Chim công, chim hạc, cánh mào tốt xinh,  
Xướng hòa anh vũ bách thanh,  
Chim hai đầu mọc chung mình một thân,  
Sớm khuya ra tiếng họa vằn,  
Tám phần Thánh Đạo, bảy phân Bồ Đề.  
Trong ao sen mọc tốt ghê,  
Hoa to như thể bánh xe rõ ràng,  
Sắc xanh, sắc đỏ, sắc vàng,  
Sắc nào dáng ấy, hào quang sáng lòe.  
Thơm tho sạch sẽ dị kỳ,  
Nước trong leo lẻo khác gì thủy tinh,  
Ai khi tắm rửa thân hình,  
Đầy vui ấm mát tùy mình thích ưa,

---

**Vãng sinh** (vãng sanh): Người sống là do Thần thức hòa hợp cùng thể xác, khi thể xác bị hoại diệt thì Thần thức rời khỏi, lúc đó gọi là “tử” (chết). Sau khi chết, Thần thức sẽ tiếp tục hòa vào thân mới, lúc đó gọi là “sinh” (sinh). Người bình thường không niệm Phật sẽ tái sinh đến một trong sáu nẻo luân hồi (Lục đạo), để rồi lại chết rồi sinh, cứ luân chuyển mãi, gọi là “sinh tử” hoặc “luân hồi”. Người tín nguyện niệm Phật được về Cực Lạc, gọi là “vãng sinh”, Thần thức được gửi vào trong hoa sen, sau sẽ hóa sinh ra thành bậc Thánh ở đó, chấm dứt “sinh tử luân hồi”, sống mãi đến khi thành Phật.



沁來神体寬舒  
 花蓮辨占神悉  
 慍共菩薩每座  
 法哪瞋記受傳  
 勦經佛吏固堅  
 連洶七宝坦齡  
 自然奇賴穢  
 安時圖式自然  
 清虛身稟室高  
 爛熳通燄每皮

包饒情慮滅除瀝空  
 愬遙唏弭樂捺曲和  
 共声聞眾抱罽佛前  
 証成佛果慍巧室慍  
 埃勤念佛勤未往生  
 勦花蓮自化生穢  
 空伽乳飯飭馱麻穢  
 形容難卒神仙嚙吊  
 鐵罽穢佛駐數無期  
 埃唏呐孺翁時別証

Tắm rồi thân thể khoan thư,  
Bao nhiêu tình lự diệt trừ sạch không.  
Hoa sen ngồi chễm giữa lòng,  
Gió đưa hơi nhẹ, nhạc đong khúc hòa,  
Vui cùng Bồ Tát mọi tòa,  
Cùng Thanh Văn chúng sắp ra Phật tiền,  
Pháp vâng nghe ký thụ truyền,  
Chứng thành Phật quả, vui miền rất vui.  
▪ Trong kinh Phật lại có lời,  
Ai siêng niệm Phật, sau rồi vãng sinh,  
Trên ao thất bảo đất lành,  
Trong hoa sen tự hóa sinh nên người,  
Tự nhiên cả lớn rộng dài,  
Không nhờ bú mớm sức người mà nên,  
Ăn thời đồ thức tự nhiên,  
Hình dung đẹp tốt, thần tiên ví nào,  
Thanh hư thân bả rất cao,  
Tuổi là tuổi Phật sống lâu vô kỳ,  
Sáng thiêng thông tỏ mọi bề,  
Ai hơi nói nghĩ, mình thì biết ngay.

---

**Niệm Phật:** niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, “A Di Đà Phật”. Khi Đức Phật A Di Đà còn tu nhân, hiệu là Tỷ khiêu Pháp Tạng, Ngài vì thương xót chúng sinh khổ não chìm đắm mãi trong sinh tử luân hồi, mà phát 48 lời thệ nguyện cứu độ chúng sinh, trong đó có một nguyện rằng: “*Khi tôi thành Phật, chúng sinh mười phương, dốc lòng tin ưa, muốn sinh về nước tôi, niệm danh hiệu tôi mười niệm mà không được vãng sinh thì tôi không làm Phật*”. Thế nên hễ ai phát tâm hướng thiện, tin tưởng, nguyện ước về cõi Cực Lạc, chăm niệm câu “A Di Đà Phật” cho thuần thực, cho thuộc lòng, đến lúc lâm mệnh chung niệm được mười niệm, thậm chí một niệm cũng được vãng sinh.



佛習坐也增排

往生法佛埵尼因已

上界苦行出家

持經守戒弥陀念勤

欺妬佛買聖賢

造術自惹花蓮芳艸

魑咒菩薩空翻

宮殿七宝於瀉虛空

在家埵意界中

悉菩提怒役功德尼

誼經持戒安齋

炷炷撩幡施財齋僧

臍和念佛勤能

尤悉面向懔澄往生

命終佛且連躬

蓮花拱特化生增妹

下界埵斷馭常

和近句念願塘往生

茹末佛拱接迎

花蓮托化坦齡合慍

▪ Phật xưa lời đã tỏ bày,  
Vãng sinh nước Phật, bậc này có ba,  
Thượng là khổ hạnh xuất gia,  
Trì kinh thủ giới, Di Đà niệm siêng,  
Khi sau Phật với Thánh Hiền,  
Đưa về từ nụ hoa sen nẩy ngời,  
Ngôi là Bồ Tát không lui,  
Cung điện thất bảo ở vời hư không.  
Tại gia bậc ấy là trung,  
Lòng Bồ Đề nọ, việc công đức này,  
Nghe kinh, trì giới, ăn chay,  
Đốt đèn, treo phướn, thí tài, trai tăng,  
Đêm ngày niệm Phật siêng năng,  
Đem lòng hồi hướng, mong chừng vãng sinh,  
Mệnh chung Phật đến rước mình,  
Liên hoa cũng được hóa sinh rõ ràng.  
Hạ là bậc dưới người thường,  
Ngày mười câu niệm nguyện đường vãng sinh,  
Sau rồi Phật cũng tiếp nghinh,  
Hoa sen thác hóa, đất lành hợp vui,

---

**Hoa sen:** âm Hán là “liên hoa”, thế giới Tây Phương Cực Lạc có vô số hoa sen được chia thành chín phẩm cấp, là chỗ chúng sinh khắp mười phương vãng sinh về. Hễ ai phát tâm niệm Phật cầu vãng sinh thì bên đó liền mọc ra một đóa hoa sen, tu càng chăm chỉ thì hoa sen càng tươi tốt to lớn, phẩm vị càng cao. Sau khi chết, Thần thức vãng sinh về đó, thác vào trong hoa sen ấy, cho đến khi hoa nở sẽ hóa sinh ra thành bậc Thánh là Bồ Tát hoặc Thanh Văn, tự nhiên khôn lớn, tươi đẹp như Phật, có đủ thần thông đạo lực, tu học một kiếp ở đó, tiến thẳng tới khi thành Phật.



宮接連坦濕瀉  
 至經佛庄吽空  
 歌麻貴顯霸昂  
 歌麻傾下飢寒  
 惡捐名利吮扞  
 運終欺旦世市  
 文罽地獄陰司  
 塘箕劫怒銛觥  
 身歌仍咳愚癡  
 法修法拱易揚

罽為德慧劍歌埴中  
 癸歌室苦罽銛塵間  
 文句得失堆塘怙憚  
 鼎常少寸樊難施艱  
 惡時惡報應連空數  
 亡塘惡道墮臥耽誓  
 仁罽餓鬼亡時畜生  
 腴疥閉劫買生劫尼  
 空修牢特茹尼惛惛  
 鼎鼎欺最額柔趨猊

Cung lâu liền đất thấp voi,  
Là vì đức tuệ kém người bậc trung.  
▪ Lời kinh Phật chẳng nói không,  
Cõi người rất khổ là vòng trần gian.  
Người mà quý hiển giàu sang,  
Một câu đắc thất, đôi đàng lo toan.  
Người mà hèn hạ cơ hàn,  
Ngày thường thiếu thốn, phàn nàn dạ riêng.  
Ác quen danh lợi quàng xiên,  
Ác thời ác báo ứng liền không lâu,  
Vận chung khi đến thế nào,  
Ba đường ác đạo đọa vào coi ghê,  
Một là địa ngục âm ty,  
Hai là ngã quỷ, ba thì súc sinh.  
Đường kia kiếp nọ vòng quanh,  
Trải nghìn muôn kiếp mới sinh kiếp này.  
Thân người những hỡi ngu ngây,  
Không tu sao được sau này vẻ vang.  
▪ Pháp tu pháp cũng dễ dàng,  
Ngày ngày khi sớm tảng tang dậy ngồi,

---

**Cõi người rất khổ:** Khổ là một trong bốn sự thật được Đức Thích Ca thuyết giảng. (Xem bài Tứ Đế trang 103).

**Ba đường ác đạo:** Chúng sinh luân hồi hết kiếp này sang kiếp khác, quanh quẩn mãi trong Lục đạo, gồm ba đường thiện đạo là Trời, Người, A tu la, và ba đường ác đạo là Địa ngục, Ngã quỷ, Súc sinh. Mỗi người đều đã từng luân hồi nhiều vô số kiếp, sống trong khắp sáu cõi đó, lúc thì làm thần tiên trên trời hưởng phúc sung sướng, đến khi hết phúc lại bị đọa xuống cõi thấp, đã từng làm ma quỷ, súc vật, v.v... (Xem bài Lục Đạo Luân Hồi trang 152).



執瓶西向禪末  
 各觴念文隨斷  
 文文發願白末  
 誦末跏趺占占  
 論跏趺欺斷  
 明最吏念毖斷  
 袂糲埃拱輒修  
 埃咄功役移皮  
 鼎逝勾念拱罽  
 據夷罽貼費財

阿彌陀佛文唵念連  
 巴勾菩薩念連巴希  
 往生咒吏誦唵毖鼻  
 三皈三叩和南謝醮  
 文勾念佛恆唵落涓  
 文悉信向佛連証朱  
 塘名裊利逋逋罽夷  
 被少被念熒夷役些  
 穀時明眼旺茶麻催  
 信心念佛余罽罽修

Chấp tay Tây hướng lạy rồi,  
“A Di Đà Phật” một lời niệm lên,  
Lần tràng niệm một vài nghìn,  
Ba câu Bồ Tát niệm liền ba hơi,  
Một văn phát nguyện bạch rồi,  
Vãng Sinh chú lại tụng lời vài trăm,  
Tụng rồi đứng dậy chăm chăm,  
Tam Quy tam khấu, Hòa Nam tạ lúi.  
Trọn ngày khi đứng khi ngồi,  
Một câu niệm Phật nhớ lời chớ quên,  
Buổi hôm lại niệm vài nghìn,  
Một lòng tín hướng, Phật liền chứng cho.  
▪ Trẻ già ai cũng nên tu,  
Đường danh nẻo lợi bo bo ra gì.  
Ai dù công việc bận bịu,  
Vừa làm vừa niệm, mất gì việc ta,  
Ngày mười câu niệm cũng là,  
Nhiều thì bữa uống trà mà thôi.  
Cứ gì ra của phí tài,  
Tín tâm niệm Phật mấy lời là tu,

---

**Pháp tu pháp cũng dễ dàng ... Phật liền chứng cho:** đoạn này là Pháp Tu hằng ngày (xem giải nghĩa trang 179). **Buổi hôm:** buổi tối. **Ngày mười câu niệm:** đây là phương pháp Mười Niệm, là pháp đơn giản nhất trong các phương pháp dành cho người rất bận rộn tu trì, được dạy trong Long Thư Tịnh Độ Văn, mỗi sáng sớm lạy về phía Tây, niệm mười câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, niệm bốn câu kệ phát nguyện. Tuy cực kỳ đơn giản, nhưng suốt đời chí thành như thế, thì vẫn được vãng sinh, dù về phẩm thấp nhất cũng đã thoát khỏi sinh tử luân hồi. (Xem bài Nói Về Pháp Thập Niệm trang 195).



據夷按會旦厲

於茹念佛罽修妬末

箕埃錢貼都慍

悉空信念貼催罽夷

箕埃啞會囉越

術末怗翻越時陲功

牢朋慍念信悉

施財勸禪強功果越

夕歌賊最拷噉

身尼也丕身茹世市

霸昂艾戕占包

菟耒芒特拙市宛越

修時最料修越

空修欺鄣陰司惱條

茂歌善惡慕朝

罽身口意業調固匹

身罽躬自少罽

口罽呬吶意罽悉懔

善時生准天宮

惡時地獄訶涓恪饒

Cứ gì đi hội đến chùa,  
Ở nhà niệm Phật là tu đó rồi.  
Kìa ai tiên của đua vui,  
Lòng không tín niệm, của thôi ra gì.  
Kìa ai hè hội nức đi,  
Về rồi khuây lảng, đi thì luống công,  
Sao bằng lăm niệm tín lòng,  
Thí tài, siêng lạy càng công quả nhiều.  
Làm người nên sớm nghĩ sâu,  
Thân này đã vậy, thân sau thế nào,  
Giàu sang một giấc chiêm bao,  
Chết rồi mang được chút nào đem đi,  
Tu thời sớm liệu tu đi,  
Không tu khi xuống âm ty nào điều.  
▪ Đời người thiện ác trăm chiều,  
Là thân khẩu ý nghiệp đều có ba,  
Thân là mình tự làm ra,  
Khẩu là miệng nói, ý là lòng mong.  
Thiện thời sinh chốn thiên cung,  
Ác thời địa ngục, hai dòng khác nhau.

---

**Lăm niệm tín lòng:** chăm chỉ niệm Phật giữ vững lòng tin không thay đổi. **Thí tài:** đem của cải làm từ thiện. **Thân sau:** tức thân kiếp sau. **Âm ty:** cõi âm, chỉ cõi địa ngục, ngã quỷ. **Thân khẩu ý:** gọi là tam nghiệp, tất cả mọi suy nghĩ, nói năng, hành động có chủ ý đều tạo thành “nghiệp”, tốt thì nghiệp thiện, xấu thì nghiệp ác, giữ tâm thiện niệm Phật thì nghiệp thanh tịnh. Nghiệp thiện thì kiếp sau sinh về đường thiện, nghiệp ác thì sinh về đường ác, nhưng đều là cõi luân hồi. Chỉ có nghiệp thanh tịnh mới thoát khỏi luân hồi. Tương lai đều do tự mình tạo ra, không phải do ông Trời sắp đặt.



業已麻善艾條  
 意身西惡伶伶  
 咄陀念佛云爲  
 吝長色正身躬  
 𠂔調色院塘修  
 馱糝修拱料塘  
 平生湓引曠臬  
 下塲結旦曷時  
 牢朋現狀當今  
 切搭伽佛加𠂔

時尼罪獄絆晃特躬  
 咄𠂔念佛時𠂔固欺  
 吏心想佛意之拱𠂔  
 埃浪身業庄𠂔女咄  
 蓮花上品𠂔秋𠂔𠂔  
 𠂔強時積罪強𠂔高  
 𠂔爲𠂔𠂔𠂔𠂔𠂔𠂔  
 𠂔𠂔拖罪打搭埃陰  
 文時𠂔於修心文時  
 𠂔娘固𠂔身尼特安

Nghiệp ba mà thiện một điều,  
Thì nơi tội ngục bận đâu được mình.  
Ý thân dầu ác rành rành,  
Miệng là niệm Phật thời lành có khi,  
Miệng đà niệm Phật vân vi,  
Lại tâm tưởng Phật, ý chi cũng lành,  
Lần tràng đã chính thân mình,  
Ai rằng thân nghiệp chẳng lành nữa ru?  
Ba điều đã vẹn đường tu,  
Liên hoa thượng phẩm nghìn thu rõ ràng.///.

▪ Người già tu cũng liệu dàng,  
Tuổi càng ngày tích, tội càng núi cao,  
Bình sinh bùn diễn nằng kiêu,  
Là vì con phải đắm chiêu đọa đầy,  
Hạ trường kết đến mai ngày,  
Con nào đỡ tội vò đầy cõi âm,  
Sao bằng hiện lúc đương kim,  
Một ngày sống ở tu tâm một ngày,  
Đeo mang nhờ Phật ra tay,  
Tựa nương có chốn, thân này được yên,

---

**Liên hoa thượng phẩm:** hoa sen phẩm thượng. Phẩm sen quy làm chín cấp bậc (cửu phẩm): Thượng phẩm thượng sinh, Thượng phẩm trung sinh, Thượng phẩm hạ sinh, Trung phẩm thượng sinh, Trung phẩm trung sinh, Trung phẩm hạ sinh, Hạ phẩm thượng sinh, Hạ phẩm trung sinh, Hạ phẩm hạ sinh. Vãng sinh về một trong chín phẩm đều thoát khỏi luân hồi, sống mãi không già, nhưng mỗi phẩm khác xa về thời gian hoa nở, càng phẩm cao hoa càng nở sớm, càng mau thành Phật.



修行撥買少年  
 茹訖生特毘𦵏  
 悶朱別狩成身  
 別亮室庫𦵏𦵏  
 或𦵏橫死冤家  
 勸埃毘沛狩床  
 大慈偈拱𦵏𦵏  
 𦵏森𦵏或𦵏勾  
 𦵏𦵏𦵏𦵏開心  
 愆空冤惡之麻

仗咄固姘功連給𦵏  
 𦵏欺𦵏𦵏𦵏𦵏外學文  
 𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏浪艾埃  
 𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏  
 或𦵏宿業未麻破荒  
 𦵏欺別𦵏𦵏𦵏塘南無  
 𦵏生咒拱保朱屬漏  
 𦵏𦵏𦵏𦵏萬度候𦵏𦵏  
 閉除朱學𦵏𦵏𦵏𦵏  
 𦵏修念𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏

Tu hành so với thiếu niên,  
Việc dù có nửa, công liền gấp hai.  
▪ Nhà người sinh được con trai,  
Tuổi khi lên bảy ra ngoài học văn,  
Muốn cho biết chữ thành thân,  
Lòng người cha mẹ há rằng một ai,  
Biết đâu rất khó là người,  
Trẻ thơ đâu đã mấy mươi giắc mà,  
Hoặc là hoạnh tử oan gia,  
Hoặc là túc nghiệp rồi mà phá hoang,  
Khuyên ai, con phải giữ giàng,  
Con khi biết nói dạy đàn Nam Mô,  
Đại Từ kệ cũng dặn dò,  
Vãng Sinh chú cũng bảo cho thuộc lâu,  
Ngày năm trăm hoặc nghìn câu,  
Đủ ba mươi vạn độ hầu vài năm.  
Tuổi lên bảy tuổi khai tâm,  
Bấy giờ cho học siêng chăm cũng vừa,  
Nó không oan ác chi mà,  
Đã tu niệm trước ắt là phúc thêm,

---

**Hoạnh tử**: chết bất ngờ. **Túc nghiệp**: nghiệp từ kiếp trước. **Dạy đàn Nam Mô**: dạy niệm Phật “Nam Mô A Di Đà Phật”. Có nhiều nghĩa, ‘Nam Mô’ là: kính lễ, quy kính, quy y, quy mệnh, tin theo. ‘Phật’ là giác ngộ, là trí tuệ. ‘A Di Đà’ là vô lượng thọ, là vô lượng quang, là vô lượng công đức, nên Phật A Di Đà còn có tên là Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Quang. ‘A Di Đà Phật’ được tôn là Vạn Đức Hồng Danh, thường gọi là Phật hiệu (danh hiệu Phật). Trong tâm luôn nhớ được Phật hiệu gọi là giữ được ‘chính niệm’ (chánh niệm), lại không có tạp niệm xen vào gọi là ‘tịnh niệm’.



咎麻愍固冤嫌

愍陀持念拱淹怙夷

吏馭婦女熬欺

產生母子或時病亡

罪輪買孩兒童

冤家茂黠飢恚報冤

往生咒也計詳

埃持咒意佛常現蓮

冤市群敢報冤

奇茂安穩茹連往生

仁進萬遍也偈

核菩提也乃生罽抹

已進萬遍變末

金身色相現蜚空賒

勸馭媽咳於茄

瀝輪無事孃吒觥斯

畢勾聖號念各

念末吏讀偈文大慈

往生咒拱厲涂

駟森森或旰餘朱熬

Ví mà nó có oan hiêm,  
Nó đà trì niệm cũng êm lo gì.  
▪ Lại người phụ nữ nhiều khi,  
Sản sinh, mẫu tử hoặc thì bệnh vong,  
Là mình với đứa nhi đồng,  
Oan gia đời trước vào lòng báo oan.  
Vãng Sinh chú đã kể tường,  
Ai trì chú ấy, Phật thường hiện lên,  
Oan nào còn dám báo oan,  
Cả đời yên ổn, sau liền vãng sinh.  
Hai mươi vạn biến đã rành,  
Cây Bồ Đề đã nảy sinh ra chồi,  
Ba mươi vạn biến đủ rồi,  
Kim thân sắc tướng hiện ngồi không xa.  
Khuyên người gái hãy ở nhà,  
Sạch mình vô sự, mẹ cha quanh gần,  
Bốn câu Thánh Hiệu niệm lần,  
Niệm rồi lại đọc kệ văn Đại Từ,  
Vãng Sinh chú cũng thuộc dừ,  
Ngày năm trăm hoặc nghìn dư cho nhiều,

---

**Bốn câu Thánh Hiệu:** 1/Nam Mô A Di Đà Phật, 2/Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, 3/Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát, 4/Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. **Kệ văn Đại Từ** (xem trang 185). **Vãng Sinh chú** (xem trang 187). **Oan hiêm:** chỉ mối oán hận từ các kiếp trước. **Mẫu tử:** mẹ, con. **Bệnh vong:** mắc bệnh rồi chết. **Bồ Đề:** đạo giác ngộ. **Kim thân sắc tướng:** chỉ Đức Phật A Di Đà.



已進萬遍庄包  
 最疊欺固胎生  
 容混空拽最初  
 媽咄空固惡因  
 善根賴意匏塤  
 歪經菱冊增排  
 躬修吏拽彈掩  
 共蓮埃佛清台  
 鉅錢齋萬施埒  
 念罪度裍身斲

排辭滿足時消災躬  
 產箕病怒砵撐瀝除  
 旦欺冤債閉除安難  
 斯边吒媿匏潤咒言  
 善緣齋乙罪群添能  
 埃埃修裍福時時添  
 斯賒勸咄共夕共慍  
 座蓮沟室共蚨暢譬  
 空朋躬篤念持愍饒  
 身躬庄度埃候度朱

Ba mươi vạn biến chẳng bao,  
Vài năm mãn túc thời tiêu tai mình,  
Mai ngày khi có thai sinh,  
Sản kia bệnh nọ sành sanh sạch trừ.  
Dong con không dạy mai sơ,  
Đến khi oan trái bấy giờ ăn năn,  
Gái dù không có ác nhân,  
Gần bên cha mẹ đã nhuần chú ngôn,  
Thiện căn lớn ấy đã vun,  
Thiện duyên sau ắt là còn thêm hay.  
▪ Lời kinh nghĩa sách tỏ bày,  
Ai ai tu lấy, phúc ngày ngày thêm,  
Mình tu lại dạy đàn em,  
Gần xa khuyên dỗ, cùng làm cùng vui,  
Cùng lên cõi Phật thanh thoi,  
Tòa sen ao báu cùng ngồi sướng ghê.  
Bạc tiền nghìn vạn thí đi,  
Không bằng mình dốc niệm trì rủ nhau,  
Niệm là độ lấy thân sau,  
Thân mình chẳng độ ai hầu độ cho.

---

**Mãn túc:** đầy đủ. **Dong:** nuôi chiều. **Mai sơ:** từ sớm. **Oan trái:** mối nợ oán thù từ kiếp trước, kiếp này đến đời. Con cái đến với cha mẹ có bốn nhân duyên từ kiếp trước: trả ơn, báo oán, trả nợ và đời nợ. **Ác nhân:** nhân ác, chỉ nghiệp ác từ kiếp trước. **Nhuần:** nhuần nhuyễn, thuộc lòng. **Chú ngôn:** chỉ bài chú Vãng Sinh. **Thiện căn:** căn lành, gốc lành. **Thiện duyên:** duyên lành. **Thí đi:** cho đi.



訥經佛也訥唎  
 枚茹果孰時安  
 边西七宝蓮池  
 馱市雉乃庄專  
 馱市占念最最  
 術茹森鐵托臥  
 郎價藐秒符常  
 十種勝利演音  
 呢功念佛固迺  
 艾咒神相瞻得

念佛持咒底麻結因  
 寔咒輪符特因菩提  
 馱些念佛洵時芥蓮  
 時花剎崗罌沔劍鮮  
 時花鮮卒聖台紅毫  
 成金色相恪市佛王  
 拱輒念佛願塘往生  
 伶伶佛吽保馱些能  
 諸天力士調殄護持

Trong kinh Phật đã dặn dò,  
Niệm Phật trì chú để mà kết nhân,  
Mai sau quả chín thì ăn,  
Thực là mình giữ được nhân Bồ Đề.  
Bên Tây thất bảo liên trì,  
Người ta niệm Phật, ao thì mọc sen,  
Người nào trễ nải chẳng chuyên,  
Thì hoa nhỏ bé ra miền kém tươi,  
Người nào chăm niệm hôm mai,  
Thì hoa tươi tốt, Thánh thai hồng hào,  
Về sau trăm tuổi thác vào,  
Thành kim sắc tướng, khác nào Phật Vương.  
Sang hèn già trẻ giữ thường,  
Cùng nên niệm Phật nguyện đường vãng sinh.

### THẬP CHUNG THẮNG LỢI DIỄN ÂM \*

Này công niệm Phật có mười,  
Rành rành Phật nói, bảo người ta hay.  
Một là thần tướng đêm ngày,  
Chư Thiên lực sĩ đều nay hộ trì.

---

**Thất bảo liên trì:** Ao sen bảy báu.

\* MƯỜI LỢI ÍCH LỚN CỦA VIỆC NIỆM PHẬT.



仁 罽 觀 音 慈 悲  
 已 罽 諸 佛 証 明  
 罽 罽 魔 鬼 座 當  
 罽 罽 水 火 干 戈  
 罽 罽 宿 業 前 爲  
 罽 罽 變 覓 弥 陀  
 罽 罽 顏 色 光 潤  
 罽 罽 罽 罽 世 要 當  
 罽 罽 臨 命 空 迷  
 念 持 據 符 賣 常

共 諸 菩 薩 常 欺 救 躬  
 阿 弥 陀 佛 現 形 放 光  
 惡 蛇 毒 藥 吻 常 另 賒  
 弓 絡 冤 賊 吻 罽 座 之  
 冤 愆 執 對 空 夷 旦 些  
 紫 金 色 相 佛 罽 真 身  
 恣 常 歡 喜 倍 分 吉 祥  
 恭 敬 如 佛 吻 常 信 誼  
 阿 弥 陀 佛 引 術 西 方  
 罽 已 鼻 嗜 燐 麻 飯 依

Hai là Quan Âm từ bi,  
Cùng chư Bồ Tát thường khi cứu mình.  
Ba là chư Phật chứng minh,  
A Di Đà Phật hiện hình phóng quang.  
Bốn là ma quỷ chẳng đương,  
Ác xà, độc dược, vẫn thường lánh xa.  
Năm là thủy hỏa can qua,  
Cung tên oan tặc vẫn là chẳng chi.  
Sáu là túc nghiệp tiền vi,  
Oan khiên chấp đối không gì đến ta.  
Bảy là mộng thấy Di Đà,  
Tử kim sắc tướng Phật là chân thân.  
Tám là nhan sắc quang nhuần,  
Lòng thường hoan hỷ bội phân cát tường.  
Chín là người thế yêu đương,  
Cung kính như Phật, nói thường tin nghe.  
Mười là lâm mệnh không mê,  
A Di Đà Phật dẫn về Tây Phương.  
Niệm trì cứ giữ mãi thường,  
Năm ba trăm tiếng rõ ràng quy y.

---

**Ác xà:** rắn độc. **Độc dược:** thuốc độc. **Thủy hỏa can qua:** các nạn nước lửa chiến tranh. **Oan tặc:** giặc dã. **Túc nghiệp tiền vi:** nghiệp xấu từ kiếp trước. **Chân thân:** chỉ thân tướng Đức Phật A Di Đà. **Người thế yêu đương:** người đời yêu quý. **Lâm mệnh:** nói tắt của từ “lâm mệnh chung”, là lúc Thần thức sắp rời khỏi thể xác, quan trọng nhất lúc này, nhờ giữ được chính niệm, được Đức Phật A Di Đà và các Thánh chúng hiện ra trước mặt, khiến tâm không mê loạn điên đảo, khi mệnh chung (mạng hết), Thần thức thoát ra, liền được theo Phật vãng sinh về thế giới Cực Lạc.



世間功德坤皮

未銜諾佛福時幾數

臨終正念演音

埃求佛憫往生

防欺癢癘旦躺停忤

買停諾相紕蘇

貨財停括底朱毘市

庫霸煖相占包

僇付福僇計牢朱穷

蘇蘇未拱罽空

易矜吻世埃共恪埃

閉除想念清台

座蓮沟室罽尼特銜

未黜証果菩提

於边諾佛罽圭問蔑

噲馭笈伴旦尼

保浪念佛勸碎低穷

暄馭護念從容

買躺共念胞空迷夷

Thế gian công đức khôn bì,  
Rồi về nước Phật, phúc thì dài lâu.

### LÂM CHUNG CHÍNH NIỆM DIỄN ÂM\*

Ai cầu Phật muốn vãng sinh,  
Phòng khi mệt mỏi đến mình đừng lo,  
Với đừng nước mắt nhỏ to,  
Hóa tài đừng nghĩ để cho con nào,  
Khó giàu chớp mắt chiêm bao,  
Nó đành phúc nó, kể sao cho cùng,  
Trăm năm rồi cũng là không,  
Xưa nay vẫn thế, ai cùng khác ai.  
Bấy giờ tưởng niệm thanh thoi,  
Tòa sen ao báu là nơi được về,  
Rồi ra chứng quả Bồ Đề,  
Ở bên nước Phật là quê muôn đời.  
Gọi người bè bạn đến nơi,  
Bảo rằng niệm Phật giúp tôi đây cùng,  
Nghe người hộ niệm thung dung,  
Với mình cùng niệm dạ không mê gì,

---

\* NIỆM PHẬT GIỮ CHÍNH NIỆM LÚC LÂM CHUNG. **Lâm chung**: sắp chết, tính từ lúc hấp hối rồi tắt thở, thân lạnh dần, Thần thức thoát ra dần, kéo dài đến lúc “lâm mệnh chung”. Khi thân lạnh hết, Thần thức thoát ra hẳn gọi là “mệnh chung”, lúc này mới là tử (chết). Thời gian lâm chung mỗi người không giống nhau, có khi một vài tiếng, có khi mười mấy tiếng, chậm nhất là hai ngày, thường từ 8 đến 12 tiếng. **Chính niệm** (chánh niệm): trong tâm luôn niệm được câu ‘A Di Đà Phật’, không bị sao nhãng. **Hóa tài**: của cải. **Chứng quả Bồ Đề**: thành Phật. **Hộ niệm**: (xem giải thích trang 200).



邊西佛覓念持  
 勸眾底施分明  
 身眾苦惱救塘  
 悲除知佛術西  
 莊新閉劫掣包  
 眾希渚念易於  
 閑除佛拱旦尼  
 殺牛業善和銘  
 鍾馗鵠業殺生

金臺音樂幡旗來迎  
 信堅佛吽訥經燴煉  
 冤愆逼迫常常困台  
 如訖襖衽特証黃袍  
 成金剛體逍遙娑婆  
 臨終念佛十聲亦得往生演音  
 旦欺吸晦念証進堅  
 銀臺連連蓮花蓮  
 臨終進念佛連來迎  
 臨終進念佛覓躬養我

Bên Tây, Phật thấy niệm trì,  
Kim đài, âm nhạc, phan kỳ lai nghinh.  
Khuyên người để dạ phân minh,  
Tin lời Phật nói trong kinh rõ ràng,  
Thân người khổ não nhiều đường,  
Oan khiên bức bách thường thường khổn thay.  
Bây giờ nhờ Phật về Tây,  
N như thay áo rách được ngay hoàng bào,  
Sống nghìn muôn kiếp xiết bao,  
Thành kim cương thể, tiêu dao Sa Bà.

LÂM CHUNG NIỆM PHẬT THẬP THANH DIỆC  
ĐẮC VẮNG SINH DIỄN ÂM \*

Người nào chưa niệm xưa nay,  
Đến khi hấp hối niệm ngay mười lời,  
Bấy giờ Phật cũng đến nơi,  
Ngân đài đón rước lên vờ hoa sen.  
Sát ngư nghiệp, Thiện Hòa tên,  
Lâm chung mười niệm, Phật liền lai nghinh.  
Chung Quỷ gà nghiệp sát sinh,  
Lâm chung mười niệm, thấy mình thơm tho.

---

**Kim đài:** đài vàng. **Phan kỳ:** phướn cờ. **Lai nghinh:** đến đón. **Kim cương thể:** thân người cõi Cực Lạc là thân kim cương bất hoại. **Tiêu dao:** ung dung tự tại. **Sa Bà** (Ta Bà): Trái Đất là một trong một tỷ nơi thuộc cõi Sa Bà. \***LÂM CHUNG NIỆM PHẬT MƯỜI CÂU CŨNG ĐƯỢC VẮNG SINH.** **Sát ngư nghiệp:** nghiệp giết trâu bò. Ông Trương Thiện Hòa đời Đường làm nghề giết mổ trâu bò, lúc lâm chung, thấy tướng địa ngục hiện ra, được sư thầy dạy niệm Phật, niệm chưa đến mười câu đã thấy Phật đến đón.



靜文妻病遇怙  
念誠覓佛旦迎  
余歎急旦信堅  
據堅金口勸經

印送功德演音

經尼功果高超  
易修易証罕恢  
係埃功貼施罽  
毖時果証蓮花  
能罷求嗣獲災

默勸浪念佛朱信誠  
花蓮燄炤樂笙駁丕  
臨終進念念未往生  
埃埃修祕時躬賤數

也飲三界吏消輪迴  
俗僧吏奇媽踈秒糲  
供印教毖寔罽福蘇  
教時菩薩蓮麻空觀  
役夷印送稱依停疑

Tĩnh Văn thê, bệnh quá lo,  
Chồng khuyên rằng niệm Phật cho tín thành,  
Niệm thành thấy Phật đến nghênh,  
Hoa sen rực rỡ, nhạc sênh lưng trời.  
Mấy người gấp đến tin lời,  
Lâm chung mười niệm, niệm rồi vãng sinh,  
Cứ lời kim khẩu trong kinh,  
Ai ai tu lấy thời mình dài lâu.

### ẤN TỔNG CÔNG ĐỨC DIỄN ÂM

Kinh này công quả cao siêu,  
Đã hơn Tam Giới, lại tiêu luân hồi.  
Dễ tu dễ chứng hẵn hoi,  
Tục tăng lại cả gái trai trẻ già,  
Hễ ai công của thí ra,  
Cúng ấn nhiều ít thực là phúc to.  
Ít thời quả chứng Liên Hoa,  
Nhiều thời Bồ Tát lên mà không lui.  
Hay là cầu tự, nương tai,  
Việc gì ấn tổng xứng hoài đừng nghi.

---

**Tĩnh Văn thê:** vợ ông Ôn Tĩnh Văn bị bệnh nằm liệt giường, nghe chồng khuyên niệm Phật, được biết trước thời gian vãng sinh. **Kim khẩu:** miệng vàng, miệng Đức Phật Thích Ca nói ra. **Ấn tổng:** in ấn, phát kinh sách tặng cho mọi người. **Tam Giới:** ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc. **Chứng Liên Hoa:** sau khi qua đời, Thần thức được sinh vào một trong chín phẩm hoa sen ở cõi Cực Lạc. **Bồ Tát lên mà không lui:** sau khi vãng sinh về Cực Lạc, trở thành Bồ Tát không còn thoái chuyển, tiến thẳng đến thành Phật. **Cầu tự:** cầu con. **Nương tai:** cầu giải trừ tai họa. **Xứng hoài:** vừa lòng, như ý.



因果諸經摘要演音

佛傳因果諸經  
取市智慧院迤  
若朋菩薩降神  
取市甕瑞寔他  
取市修造厨廛  
取市少館折橋  
烟薪供佛燔罽  
幢幡供佛殿中  
朱毘修於廛伽

掄罽要語分明範陞  
閉調鑪奇意時佛身  
慈悲廣大智仁寬和  
安齋戒殺末陀生天  
特重樓閣於所清高  
馭車柴烟燿飢黜  
特生星宿於座天宮  
末特殘傘樓宮簾伽  
末吒燄特蓮座天宮



# NHÂN QUẢ DIỄN ÂM

## NHÂN QUẢ CHƯ KINH TRÍCH YẾU DIỄN ÂM

Phật truyền Nhân Quả chư kinh,  
Chọn ra yếu ngữ phân minh ghi lời.  
Người nào trí tuệ vẹn mười,  
Muôn điều lành cả, ấy thời Phật thân.  
Nhược bằng Bồ Tát giảng thần,  
Từ bi quảng đại, trí nhân khoan hòa.  
Người nào ngay thẳng thật thà,  
Ăn chay giới sát rồi đà sinh thiên.  
Người nào tu tạo chùa chiền,  
Được trùng lâu các ở miền thanh cao.  
Người nào làm quán sửa cầu,  
Ngựa xe thầy tớ dập dìu vào ra.  
Đèn nhiều cúng Phật thắp ra,  
Được sinh tinh tú ở tòa thiên cung.  
Tràng phan cúng Phật điện trung,  
Rồi được tàn tán lầu cung rườm rà.  
Cho con tu ở chiền già,  
Rồi cha mẹ được lên tòa thiên cung.

---

**Nhân Quả:** nguyên nhân - kết quả. Gieo nhân nào gặt quả nấy, Nhân Quả thông suốt ba thời, có thể báo ứng ngay trong kiếp này hoặc sẽ báo ứng ở những kiếp sau (xem bài Nói Thêm Về Nhân Quả trang 171). **Chư kinh:** các bộ kinh. **Yếu ngữ:** câu quan trọng. **Giới sát:** không giết hại sinh mạng. **Sinh thiên:** sau khi qua đời, Thần thức sinh lên cõi trời. **Lâu các:** Lầu gác. **Chiền già:** chùa chiền. **Thiên cung:** cung trời, chỉ cõi trời.

念佛想佛少惡  
受持五戒生天  
受三皈塊誦經  
修進調善於身  
臨終授伴善飢  
在家菩薩將常  
受八關齋文時  
黿娘貼賤仍取  
昂霸柴舄鞋勤  
油香花果悉能

未術若佛塊紱塵緣  
能界回向術丐西方  
地獄餓鬼共墮畜生  
連天晃率恣情逍遙  
念佛朱共超高天堂  
特證佛果連塘湯還  
茹末成佛計勸買催  
拖進厨供末時結因  
菩提結果成固固得  
供佛供塔旦時臨終

Niệm Phật tưởng Phật làm lòng,  
Rồi về nước Phật, khỏi vòng trần duyên.  
Thụ trì Ngũ Giới sinh thiên,  
Hay là hồi hướng về miền Tây Phương.  
Thụ Tam Quy khỏi phải vương,  
Địa ngục, ngã quỷ, cùng đường súc sinh.  
Tu mười điều thiện ở mình,  
Lên thiên Đâu Suất tứ tình tiêu dao.  
Lâm chung mượn bạn thiện vào,  
Niệm Phật cho cùng siêu cao thiên đường.  
Tại gia Bồ Tát giữ thường,  
Được chứng Phật quả lên đường thang mây.  
Thụ Bát Quan Trai một ngày,  
Sau rồi thành Phật kể rày mới thôi.  
Ruộng nương của cải những người,  
Đem lên chùa cúng rồi thời kết nhân,  
Sang giàu thầy tớ siêng cần,  
Bồ Đề kết quả thành nhân có ngày.  
Dầu hương hoa quả lòng hay,  
Cúng Phật cúng tháp đến ngày lâm chung,

---

**Niệm Phật tưởng Phật làm lòng:** trong tâm luôn nhớ niệm “A Di Đà Phật”. **Thụ trì Ngũ Giới:** giữ gìn không phạm năm điều răn cấm: 1/Sát sinh (giết hại sinh mạng), 2/Thâu đạo (trộm cướp), 3/Tà dâm (quan hệ bất chính ngoài vợ chồng), 4/Vọng ngữ (nói xằng, nói dối) 5/Âm tửu (uống rượu và sử dụng các chất gây nghiện). **Tam Quy:** 1/Quy y Phật, 2/Quy y Pháp, 3/Quy y Tăng. **Mười điều thiện:** Không: 1/Sát sinh, 2/Thâu đạo, 3/Tà dâm, 4/Vọng ngữ, 5/Ỗ ngữ (nói thêu dệt) 6/Lưỡng thiệt (nói đâm thọc) 7/Ác khẩu (nói hung dữ), 8/Tham (tham lam), 9/Sân (cáu giận), 10/Si (mê muội).



白雲化取連空  
 朋友貼仇惡誠  
 寬馭樹渴於兜  
 修行因結緣深  
 據森焚艾安齋  
 吏如惡報術妬  
 鬼魔各橘擾攘  
 飢厨放穢吐糞  
 飢厨鼻嗜輕師  
 調飢地獄數錢

蓮花座寶天龍連翕  
 人間富貴福窮數  
 悲除施文求候特暴  
 施文特萬福悅埃飽  
 特齋森却調於昂霸  
 固厨固像空候烟香  
 災箕禍怒時常冲坡  
 末少餓鬼仍呾安蘇  
 救陳揀喝買如打馭  
 閉花愁苦座懷人身

Bạch vân hóa ngự trên không,  
Liên hoa tòa báu, thiên long rước mình.  
Bằng người của ít lòng thành,  
Nhân gian phú quý, phúc mình dài lâu.  
Thấy người đói khát ở đâu,  
Bây giờ thí một rồi hầu được trăm,  
Tu hành nhân kết duyên thâm,  
Thí một được vạn, phúc thâm ai hay.  
Cứ rằm mồng một ăn chay,  
Được năm trăm kiếp đều nay sang giàu.  
Lại như ác báo về sau,  
Có chùa có tượng không hầu đèn hương,  
Quý ma lần quất nhiều nhương,  
Tai kia họa nọ thời thường xông pha.  
Vào chùa phóng uế nhổ ra,  
Rồi làm ngã quý những là ăn dơ.  
Vào chùa lớn tiếng khinh sư,  
Cởi trần múa hét với như đánh người,  
Đều vào địa ngục lâu dài,  
Muôn đời sầu khổ chẳng hoài nhân thân.

---

[Chú thích tiếp trang 57] **Tứ tình tiêu dao**: thoải mái ung dung. **Mượn bạn thiện**: nhờ bạn lành. **Tại gia Bồ Tát giữ thường**: giữ giới Bồ Tát tại gia, gồm sáu giới trọng (phạm tội nặng) và hai mươi tám giới khinh (phạm tội nhẹ, sơ ý). Sáu giới trọng gồm các giới không được: 1/Sát sinh, 2/Trộm cướp, 3/Tà dâm, 4/Nói dối, 5/Nói lổi của người tại gia và xuất gia, 6/Bán rượu. **Thụ Bát Quan Trai**: Không: 1/Sát sinh, 2/Trộm cướp, 3/Dâm dục, 4/Nói dối, 5/Uống rượu, 6/Trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và xem múa hát, 7/Nằm ngồi giường cao rộng đẹp đẽ, 8/Ăn quá giờ Ngọ.



歌市醺酩安斯  
 托臥地獄灰河  
 歌市座學文經  
 地獄黑暗沛術  
 歌市鼎躺殺生  
 瘡疔失少每塘  
 歌市座敬沙門  
 調臥地獄陷身  
 奸淫妻女歌些  
 安奸吶囉連翕

於厨淫慾或分朶花  
 罪末吏希罽罽畜生  
 座敬善友吏情讒咬  
 生罽僨下吏皮青萌  
 陰官扒秘心翕連陽  
 托臥地獄粧常蕊嫩  
 輕閑吒媿吠群吝巾  
 疎齋問劫空份特他  
 罽臥地獄罽罽畜生  
 諾銅淬咄苦刑強加



Người nào rượu thịt ăn gần,  
Ở chùa dâm dục hoặc phần trắng hoa,  
Thác vào địa ngục Khôi Hà,  
Tội rồi lại phải ra là súc sinh.  
Người nào chẳng học văn kinh,  
Chẳng kính thiện hữu lại rình gièm chê,  
Địa ngục Hắc Ám phải về,  
Sinh ra hèn hạ lại bề thanh manh.  
Người nào ngày tháng sát sinh,  
Âm quan bắt lấy tâm mình trên dương,  
Ốm đau thất thiếu mọi đường,  
Thác vào địa ngục, sống thường chết non.  
Người nào chẳng kính Sa Môn,  
Khinh nhờn cha mẹ, dạy còn lần khân,  
Đều vào địa ngục Hãm Thân,  
Trải nghìn muôn kiếp không phần được tha.  
Gian dâm thê nữ người ta,  
Trước vào địa ngục, sau là súc sinh.  
Ăn gian nói dối liên mình,  
Nước đồng rót miệng, khổ hình càng gia,

---

**Khôi Hà:** sông tro. **Thiện hữu:** cũng gọi là thiện tri thức, chỉ người bạn đạo nắm vững lý thuyết Phật pháp, tu tập tốt, có thể giúp đỡ người khác trên con đường tu học. **Hắc Ám:** tối đen. **Thanh manh:** mù lòa. **Sa Môn:** chỉ người xuất gia tu hành. **Hãm Thân:** vùi thân. **Thê nữ người ta:** vợ hoặc con gái người khác.

末夕鳩狝女麻  
 歌市安湓杪鹽  
 醕醑計豆吏愀  
 黼黻夕福貼瑤  
 歌市耿爵官鼎  
 歌市壽考才詠  
 歌市難難如仙  
 歌市恭敬歌些  
 歌市價下醜名  
 歌市愚訥每墜

歌些吐噉埃罌凡啖  
 黼黻少畜黠皮填閉  
 三十六報末群愚癡  
 悲除霸國貼時滇滇  
 黜初礼拜敬讓佛僧  
 黜初戒行惡恒符專  
 黜初忍辱討賢惶那  
 悲除分事特罌彈英  
 黜初志默能輕易茂  
 黜初庄韶吡歌礼儀

Rồi làm cú cáo nữa mà,  
Người ta chửi rửa, ai là kẻ ưa.  
Người nào ăn trộm lọc lừa,  
Trước đà làm súc, sau vừa đền muôn.  
Rượu say kể lỗi lại hơn,  
Tam thập lục báo rồi còn ngu si.  
Trước mình làm phúc của đi,  
Bây giờ giàu có, của thì chan chan.  
Người nào chức tước quan sang,  
Bởi xưa lễ bái kính nhường Phật tăng.  
Người nào thọ khảo tài năng,  
Bởi xưa giới hạnh lòng hằng giữ chuyên.  
Người nào đẹp đẽ như tiên,  
Bởi xưa nhẫn nhục thảo hiền nét na.  
Người nào cung kính người ta,  
Bây giờ phận sự được là đàn anh.  
Người nào hèn hạ xấu danh,  
Bởi xưa thắc mắc hay khinh rẻ đời.  
Người nào ngu dốt mọi lời,  
Bởi xưa chẳng chịu dạy người lễ nghi.

---

**Tam thập lục báo:** quả báo từ 36 thứ tội lỗi do uống rượu say gây ra. Trong đó, quả báo thứ 35 là: Sau khi xả thân bị đọa vào địa ngục Thái Sơn, thường bị ngục tốt dùng nước đồng sôi rót vào miệng. Lục phủ, ngũ tạng đều bị cháy nát, cầu sống không được, cầu chết cũng khó. Chịu khổ như vậy trải qua nghìn muôn năm. Quả báo thứ 36 là: Khi chịu tội ở địa ngục đã mãn, sinh lên nhân gian làm người tâm trí ám độn không biết gì. **Bởi xưa:** vì từ kiếp trước.



馭市醜廁顛狂  
 馭市暗哄致唾  
 馭市價下於安  
 馭市痲痞飭罌  
 固安惜綺文飭  
 賄經整莽少驢  
 安空了餉庄安  
 多淫時沛少猓  
 占侵祕貼厨塵  
 賄鍾賄榮打虎

黜初恨悔賣時庄催  
 黜初誹謗仍馭沛庄  
 黜初庄者女雄馭些  
 黜初能打冤和衆生  
 未少餓鬼身形伴藤  
 賄經响傳吏皮少鳩  
 穰緣少虎弭緣少猫  
 惡毒少蝮駭調少鳩  
 墮苦地獄罪填群數  
 酬空跋越沛拔蝮蠅

Người nào xấu xí đen sì,  
Bởi xưa hòn dổi mãi thì chẳng thôi.  
Người nào câ, ngọng, nhịu lời,  
Bởi xưa phỉ báng những người phải chắng.  
Người nào hèn hạ ở ăn,  
Bởi xưa chẳng trả nợ nần người ta.  
Người nào chốc lở mình ra,  
Bởi xưa hay đánh oan hòa chúng sinh.  
Có ăn tiếc giữ một mình,  
Rồi làm ngã quỵ thân hình bấn dơ.  
Nghe kinh chênh mảng làm lừa,  
Nghe kinh nói chuyện lại vừa làm chim.  
Ăn không cá thịt chẳng yên,  
Nặng duyên làm hổ, nhẹ duyên làm mèo.  
Đa dâm thời phải làm hươu,  
Ác độc làm rắn, lắm điều làm chim.  
Chiếm xâm lấy của chùa chiền,  
Đọa đầy địa ngục, tội đền còn lâu.  
Nghe chuông nghe khánh đánh đâu,  
Năm không trở vệt phải đầu rắn lươn.

---



穢汚踴躡臥塵  
菓渚獻佛齋  
誣汚淫穢僧禪  
馱帑耽謝恣情  
馱帑燂校燂燂  
姍姍庄敬庄和  
安安王王連連  
覓馱賢善庄所  
毀謗三寶女麻  
貼厨費用過分

馬蹄若意罪汚浴身  
畜生地獄韶份罪愆  
耒耜韶苦墮汚畜生  
耒耜耒沛韶動驚喪塊  
耒耜耒沛韶迷漫曳徠  
耒夕鳩鴿結罪冤愆  
身歎耐渴羸汚病因  
輪廻惡道庄份帑罽  
睢睢噤聊耒陀苦身  
輪廻億劫獄因歎幾



Uế ô guốc dép vào chiền,  
Mã Đề nước ấy là miền đầy thân.  
Quả chưa hiến Phật trước ăn,  
Súc sinh địa ngục chịu phần tội khiên.  
Vu ô dâm uế tăng thiền,  
Rồi sau chịu khổ đọa miền súc sinh.  
Người nào săn bắn tứ tình,  
Sau rồi phải chịu động kinh táng hồn.  
Người nào đốt rừng đốt non,  
Sau rồi phải chịu mê man đại rồ.  
Vợ chồng chẳng kính chẳng hòa,  
Rồi làm curu cấp kết là oan khiên.  
Ăn ăn uống uống liên liền,  
Thân lâu đói khát nhiều miền bệnh nhân.  
Thấy người hiền thiện chẳng gần,  
Luân hồi ác đạo chẳng phần nào ra.  
Hủy báng Tam Bảo nữa mà,  
Đui mù câm điếc lâu đà khổ thân.  
Của chùa phí dụng quá phần,  
Luân hồi ức kiếp, ngục nhân lâu dài.

---

**Chiền:** chùa chiền. **Mã Đề:** móng ngựa. **Tứ tình:** thỏa thích. **Curu:** chim curu, loài bồ câu vụng về. **Cấp:** loài chim bồ câu có trí nhớ tốt.. **Tam Bảo:** ba ngôi báu Phật Pháp Tăng. **Ức** =100.000, ý nói rất nhiều. **Kiếp:** có hai nghĩa: 1/đơn vị thời gian, 2/kiếp sống. Chữ kiếp ở đây chỉ kiếp sống, kiếp sống không riêng ở cõi người, mà khắp sáu cõi luân hồi, trong mỗi cõi đều mang thân hình khác nhau và có kiếp sống riêng. **Ngục nhân:** nguyên nhân phải đọa vào địa ngục.

逆吒憤嫉心依  
 寬歎夕惡隨情  
 斗蘇斗糾能亮  
 仁裾添達朱歎  
 齋壇薦拔先人  
 益圖奢供佛先  
 至誠齋供夕標  
 共生天上登雲  
 能咒眈粧違厨  
 能咒戒殺舒常

茹耒靈罰天災拆胎  
 茹耒苦惱殺澄怙歐  
 哭戮嬰斃強戮輪廻  
 茹耒空裾劍類人倫  
 供齋超黷添份罪愆  
 承朱袂黷亡添罪愆  
 豕茂吒嫉融條宗親  
 解脫苦難獄因三途  
 塔烟撩幡求術西方  
 放生布施每塘善緣

Ngược cha trái mẹ tâm hoài,  
Sau rồi sấm sét thiên tai giết mình.  
Thấy người làm ác tùy tình,  
Sau rồi khổ não nhiều chừng lo âu.  
Đấu to đấu nhỏ hay đâu,  
Tắc dài tắc ngắn càng lâu luân hồi.  
Hai lưỡi thêm đặt cho người,  
Sau rồi không lưỡi, kém loài nhân luân.  
Trai đàn tiến bạt tiên nhân,  
Cúng mặn đi trước thêm phần tội khiên,  
Hay đồ chưa cúng Phật tiên,  
Thừa cho trẻ trước, vong thêm tội nhiều,  
Chí thành trai cúng làm tiêu,  
Bảy đời cha mẹ, năm điều tông thân,  
Cùng sinh thiên thượng đẳng vân,  
Giải thoát khổ nạn ngục nhân tam đồ.  
Hay là lúc sống lên chùa,  
Thắp đèn treo phướn cầu về Tây Phương,  
Hay là giới sát giữ thường,  
Phóng sinh, bố thí, mọi đường thiện duyên,

---

**Tâm hoài:** lòng dạ. **Tùy tình:** đồng tình, hòa theo. **Hai lưỡi:** nói đôi chiều, kích bầy hai bên khiến họ thù nhau. **Trai đàn tiến bạt tiên nhân:** lập đàn lễ cầu siêu độ tổ tiên. **Tam đồ:** ba đường, ba đường ác đạo. **Bố thí:** nghĩa là cho khắp. Bố thí có bốn loại: 1/Tài thí (đem tiền của cho người), 2/Pháp thí (đem đạo lành, đem kiến thức chỉ dạy cho người), 3/Vô úy thí (an ủi giúp đỡ khiến người và động vật thoát khỏi sự sợ hãi), 4/Tâm thí (sức tuy không thể cứu giúp người, nhưng trong lòng luôn muốn cứu giúp). Trong đó pháp thí là hơn cả, khuyên người làm lành niệm Phật là pháp thí lớn nhất.



忍辱証寔符紵  
 世時福慧心生  
 據經因果少信  
 佛初智慧聰明  
 貼齋閉劫初矜  
 增姝善惡每皮  
 固馭福享幾數  
 固馭奸惡排排  
 意罌果黷群蟲  
 固馭賢孝寔他

學經學教朱專悉  
 庄群紅綢罪情連綿  
 埃麻認祕福緣於躬  
 貼逝方界如形盤踞  
 拱如貼寶達排輶車  
 因市果意庄兮差兜  
 曩齋劫女群侯齋催  
 世麻蟲固莢莢風光  
 惡尼齋旦罪塘齋罌  
 世麻困頓共罌龍冬

Nhẫn nhục, ngay thật giữ bền,  
Học kinh học giáo cho chuyên lòng lành,  
Thế thì phúc tuệ tâm sinh,  
Chẳng còn vương buộc tội tình liên miên.  
Cứ kinh Nhân Quả làm tin,  
Ai mà nhận lấy, phúc duyên ở mình.  
Phật xưa trí tuệ thông minh,  
Xem mười phương giới như hình bàn tay,  
Xem nghìn muôn kiếp xưa nay,  
Cũng như xem báu đặt bày trong xe,  
Rõ ràng thiện ác mọi bề,  
Nhân nào quả ấy chẳng hề sai đâu.  
Có người phúc hưởng dài lâu,  
Trăm nghìn kiếp nữa còn hầu chưa thôi,  
Có người gian ác bồi bồi,  
Thế mà giàu có, đời đời phong quang,  
Ấy là quả trước còn sang,  
Ác này chưa đến, tội đang chưa ra;  
Có người hiền hiếu thật thà,  
Thế mà khốn đốn cùng là long đong,

---

**Phật xưa trí tuệ thông minh:** trong vũ trụ có nhiều vô số Phật. Đức Phật nói tới ở đây là Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài đản sinh ở Thiên Trúc (Ấn Độ), là thái tử Tất Đạt Đa, đủ 32 tướng tốt, thông minh trí tuệ từ bi. Trải qua sáu năm tu khổ hạnh, thành Phật dưới cội Bồ Đề, thuyết pháp hóa độ chúng sinh. Tất cả kinh Phật ta thấy đều do Ngài nói ra, tuy dạy đủ cả đạo làm người, nhưng mục đích là dạy đạo giải thoát. Phật dạy nhiều pháp tu, nhưng duy nhất chỉ có pháp môn niệm Phật là dễ dàng và chắc chắn, ai cũng tu được, chỉ cần tin tưởng thực hành là được vãng sinh, thoát khỏi luân hồi.



意罽罪黷渚衝  
 蘇豆特豆徐初  
 蘇稽隔辭隔務  
 隔茂纏也如制  
 吁畎抄吏鬣絲  
 亾塘惡道時斯  
 悲除些符身些  
 心些罽坦蘇蓮  
 歟曷仁明精誠  
 吏添勸保戶行

果齡渚黷底淵術茹  
 渚埃蘇豆特稌包除  
 朋如蘇福沛朱隔茂  
 馭戈剽效旦尼余除  
 身箕也秩色除特身  
 天堂人世固份群賒  
 回心想佛弥陀念勃  
 咀些罽渚濟連卒撐  
 如措債崗如更棟鑽  
 念持印送時強福添



Ấy là tội trước chưa xong,  
Quả lành chưa chín để dùng về sau.  
Trồng đậu được đậu từ xưa,  
Chưa ai trồng đậu được dưa bao giờ,  
Trồng lúa cách năm cách mùa,  
Bằng như trồng phúc phải cho cách đời,  
Cách đời chóng đã như chơi,  
Ngựa qua cửa sổ, đến nơi mấy giờ.  
Xin người nghĩ lại tóc tơ,  
Thân kia đã mất bao giờ được thân,  
Ba đường ác đạo thời gần,  
Thiên đường nhân thế có phần còn xa,  
Bây giờ ta giữ thân ta,  
Hồi tâm tưởng Phật Di Đà niệm siêng,  
Tâm ta là đất trồng sen,  
Miệng ta là nước tưới liền tốt xanh,  
Sớm khuya hai buổi tinh thành,  
Như ôm trái núi, như canh đồng vàng,  
Lại thêm khuyên bảo họ hàng,  
Niệm trì ấn tống thời càng phúc thêm,

---

**Tội trước:** ý nói tội lỗi từ kiếp trước. **Cách đời:** đời ở đây chỉ thân kiếp sau. **Ngựa qua cửa sổ:** hay “bóng câu qua cửa sổ”, “bóng ngựa lướt qua khe hở”, chỉ thời gian trôi qua rất nhanh, con người chẳng mấy chốc mà già chết, mất thân người chuyển sang kiếp khác. Cảnh tỉnh mọi người hãy tranh thủ thời gian vàng ngọc, mau gấp tu trì. **Thiên đường:** chỉ các cõi trời. **Nhân thế:** chỉ cõi người. **Tinh thành:** rất thật lòng, thật tâm chuyên chú.

耒耜特覓聖賢

共逝方佛於西方

三途八難庄王

吏特證果佛堂拌籠

埃麻印送遙接

經尼艾卷朋時齋暮

佛浪施法空澄

閉齋珠寶空朋啞經

扒啞扒默於躬

底麻祕福顯榮數戔

襖紺固限麻催

耒耜貼茂者歇術空

牢朋積福祕功

因緣脫塊丐餒死生

修時閉劫特榮

呵如陽福終躬麻催

箕如舍蠻埃外

經鑽啞王旦聰色除

輪廻億劫徐初

悲除買跋特機緣尼

Rồi ra được thấy Thánh Hiền,  
Cùng mười phương Phật ở miền Tây Phương,  
Tam đồ bát nạn chẳng vương,  
Lại được chứng quả Phật đường trao ghi.  
Ai mà ẩn tống đưa đi,  
Kinh này một quyển bằng thì nghìn trăm,  
Phật rằng thí pháp không chùng,  
Muôn nghìn châu báu không bằng lời kinh.  
Bớt ăn bớt mặc ở mình,  
Để mà lấy phúc hiển vinh lâu dài,  
Áo cơm có hạn mà thôi,  
Rồi ra của đời trả hết về không,  
Sao bằng tích phúc lấy công,  
Nhân duyên thoát khỏi cái vòng tử sinh,  
Tu thời muôn kiếp được vinh,  
Há như dương phúc chung mình mà thôi.  
Kìa như xá mán cõi ngoài,  
Kinh vàng lời ngọc đến tai bao giờ.  
Luân hồi ức kiếp từ xưa,  
Bây giờ mới gặp được cơ duyên này,

---

**Tam đồ bát nạn:** ba đường tám nạn. Bát nạn là tám nạn mà chúng sinh khó gặp được Phật pháp để tu đạo giải thoát, gồm: 1/Sinh vào đường địa ngục, 2/Sinh vào đường súc sinh, 3/Sinh vào đường ngã quỷ, 4/Sinh vào cõi trời Trường Thọ, 5/Sinh vào châu Uất Đan Việt (Bắc Câu Lư), 6/Sinh làm người nhưng căn khuyết (đui điếc câm ngọng), 7/Thế trí biện thông (người thông minh lanh lợi, tài biện bác, hiểu việc đời, nhưng thiếu thiện căn, chỉ thấy những sự việc thường tình, cố chấp, kiêu ngạo, gặp Phật pháp cũng không tin), 8/Sinh vào thời không có Phật, không có giáo pháp của Phật.



王鑽如肉贅台  
經尼聰也瞋珍

戒殺解音

空朋特經尼群愀  
福緣佛果乙群乃因

馭些物庄怙量  
駒駒畜仁格  
共勸至坦共時  
抄浪塊咄異常  
核較棟炤鑊油  
經浪已罪難逃  
拆包填閉買清

殺生害命施常少捐  
軀肢魂魄共丐恪之  
女市搥脾撒脾庄傷  
埃疑結旦冤場術茹  
罪箕冤怒歐愁別包  
地獄餓鬼茹飢畜生  
少馭嫩天仍驚共惶

Ngọc vàng như núi nhiều thay,  
Không bằng mừng được kinh này còn hơn.  
Kinh này tai đã nghe trơn,  
Phúc duyên Phật quả ắt còn nảy nhân.

### GIỚI SÁT GIẢI ÂM

Người ta sao chẳng lo lường,  
Sát sinh hại mạng, dạ thường làm quen,  
Mình người mình súc hai tên,  
Thịt da hồn phách cùng miền khác chi,  
Cùng trong trời đất cùng thì,  
Nỡ nào mổ ruột moi tỳ chẳng thương.  
Nghĩ rằng khỏi miệng là thường,  
Ai ngờ kết đến oan trường về sau,  
Cây dao, đồng lửa, vạc dầu,  
Tội kia oan nọ, âu sâu biết bao.  
Kinh rằng ba tội nan đào,  
Địa ngục, ngã quỷ, sau vào súc sinh,  
Giết bao đền bấy mới thình,  
Làm người non yếu những kinh cùng hoàng.

---

[Chú thích tiếp trang 75] **Trao ghi**: dịch chữ “thụ ký 授記”, nghĩa là được Đức Phật ấn chứng, nói trước cho biết về quả vị Phật sẽ thành trong tương lai. **Vòng tử sinh**: vòng luân hồi, sinh ra chết đi rồi lại sinh ra chết đi, quanh quẩn mãi trong sáu đường. **Xá mán**: vùng sâu, vùng dân tộc xa xôi hẻo lánh.

**Giới sát**: răn cấm giết hại sinh mạng. **Tỳ**: lá lách. **Nan đào**: khó tránh.



悲除戒殺狩麻  
吏添念佛誼經  
加功勸吡呶帑

戒貪吝解音

呶莪甹寔罍坤

謀淩斫碾渚澄

呶夕爰役庄明

強奸強狡心恢

分躰霸固旦晃

自低懣悔修持

發心菩薩施常救生  
時轉九品固躰逍遙  
共念共狩強高品躰

奸貪惜吝咳群罍癡

茹調安奇罪矜爰躰

時歪拱報空情詠埃

吏強困頓藪灾怙愁

拱如渚冲遇侯濶接

加功念佛願術西方



Bây giờ giới sát giữ giàng,  
 Phát tâm Bồ Tát dạ thường cứu sinh,  
 Lại thêm niệm Phật nghe kinh,  
 Thời trong cửu phẩm có mình tiêu dao,  
 Gia công khuyên dạy người nào,  
 Cùng niệm cùng giữ càng cao phẩm mình.

### GIỚI THAM LẬN GIẢI ÂM \*

Người đời ngay thật là khôn,  
 Gian tham tiếc lận hãy còn là ngây,  
 Mưu sâu chước nặng chứa đầy,  
 Nhà đều ăn cả, tội nay một mình.  
 Người làm một việc chẳng minh,  
 Thì trời cũng báo, không tình riêng ai,  
 Càng gian càng xảo tâm hoài,  
 Lại càng khốn đốn, nhiều tai lo sầu.  
 Phận mình giàu có đến đâu,  
 Cũng như nước sông quá hầu tràn đi.  
 Từ đây sám hối tu trì,  
 Gia công niệm Phật nguyện về Tây Phương,

---

麻: giàng (như 床). **Phát tâm Bồ Tát**: phát lòng từ bi, thương yêu giúp đỡ mọi người mọi vật. **Cứu sinh**: cứu giúp người và vật. **Cửu phẩm**: chín phẩm hoa sen. \*KHUYẾN RĂN KẺ THAM LAM KEO KIẾT. **Ngây**: ngu. **Minh**: rõ ràng minh bạch. **Tâm hoài**: lòng dạ. **Sám hối**: ăn năn, sửa lỗi. Ăn năn tội trước, ngăn ngừa lỗi sau. **Tu trì**: giữ giới tu hành, sửa mình giữ đạo.

如佛脫塊罪愆  
懇浪吁証菩提

勸息愛解音

大慈菩薩偈浪  
未盡六道輪廻  
取善時特生天  
能安餓鬼罽干  
涅槃市塘意差殊  
勸取抄吏還絲  
翻斷絛袂共違

吏勸絛袂共緘修持  
九玄七祖共術西方

取些三恩愛固澄麻催  
固亮賣賣於茱團圓  
取惡地獄取賢人間  
能懶少俗能懶少魚  
協摘亮固賣如悲除  
奇茹念佛待除花蓮  
英婉琨韶共汚室家

Nhờ Phật thoát khỏi tội khiên,  
Lại khuyên già trẻ cùng nên tu trì,  
Khẩn rằng xin chứng Bồ Đề,  
Cửu huyền thất tổ cùng về Tây Phương.

### KHUYẾN ÂN ÁI GIẢI ÂM \*

Đại Từ Bồ Tát kệ rằng,  
Người ta ân ái có chừng mà thôi,  
Rồi ra Lục đạo luân hồi,  
Có đâu mãi mãi ở đời đoàn viên.  
Người thiện thì được sinh thiên,  
Người ác địa ngục, người hiền nhân gian.  
Hay ăn ngã quỷ là cơn,  
Hay lừa làm lợn, hay nhòn làm ngư,  
Nết nào đường ấy sai thù,  
So le đâu có mãi như bây giờ.  
Khuyến người nghĩ lại tóc tơ,  
Cả nhà niệm Phật đợi chờ hoa sen,  
Trước sau già trẻ cùng lên,  
Anh em con cháu cùng miền thất gia,

---

**Tội khiên:** tội lỗi lầm lỡ. **Bồ Đề:** đạo, giác ngộ. **Cửu huyền thất tổ:** Có nhiều cách giải thích. Đại khái mang ý nghĩa bao gồm các vị ông bà tổ tiên đã mất. **\*KHUYẾN NHỮNG NGƯỜI RUỘT THỊT THƯƠNG YÊU NHAU.** **Ân ái:** yêu thương, chỉ tình cảm yêu thương giữa cha mẹ, vợ chồng, anh chị em, con cháu trong gia đình. **Lục đạo luân hồi:** sáu đường luân hồi, sáu nẻo luân hồi. **Đoàn viên:** sum họp. **Cơn:** nguồn cơn (nguồn gốc). **Ngư:** cá. **Sai thù:** khác nhau. **So le:** không đồng đều. **Thất gia:** nhà.



粧數問劫在粧  
 取裝吟固最空  
 悲除些沛時常  
 取些吏勸取外  
 共罽說法度生

戒不知保身解音

傳茂計自剽茹  
 嚼圖剽日經營  
 群如性命術斲  
 或臥地獄畜生

耕安襖默隨些如恙  
 暮解霏昧貼共曷霜  
 亘功念佛料塘勸埃  
 爰恩森合清台如躬  
 時些上品分明庄疑

物財田產共和利名  
 蓋金紕紕時躬步歐  
 補捐嚮惻秩亮拱停  
 或罽餓鬼料躬拱催

Sống lâu muôn kiếp chẳng già,  
Cơm ăn áo mặc tùy ta như lòng.  
Người đời nay có mai không,  
Trăm năm chớp mắt, xem cùng hạt sương,  
Bây giờ ta phải ngày thường,  
Gắng công niệm Phật, liệu đường khuyên ai,  
Người ta lại khuyên người ngoài,  
Ai ân sum họp thành thời như mình,  
Cũng là thuyết pháp độ sinh,  
Thời ta thượng phẩm phân minh chẳng ngờ.

GIỚI BẤT TRI BẢO THÂN GIẢI ÂM \*

Truyền đời kể tự cửa nhà,  
Vật tài điền sản cùng hòa lợi danh,  
Dầu đồ nhỏ nhặt kinh doanh,  
Cái kim sợi chỉ thời mình lo âu,  
Còn như tính mệnh về sau,  
Bỏ quên khuấy lãng mất đâu cũng đành,  
Hoặc vào địa ngục, súc sinh,  
Hoặc là ngã quỷ, liễu mình cũng thôi,

---

\*KHUYÊN NGƯỜI KHÔNG BIẾT LO CHO THÂN MÌNH. **Tính mệnh về sau**: chỉ thân kiếp sau.

歎喂坤寔罽罽  
 意罽賢聖也分  
 固罽特餉忘情  
 類罽貪欲爰癡  
 悲除些沛恩勤  
 心中罽坦蘇花  
 寔罽守住性靈  
 三惡道解音  
 勸經地藏吶詳  
 終觥糝萬跋磨

丐身庄符符外丐身  
 箕如桀紂不仁捐躬  
 撻茹捐燔人生恪之  
 心君庄認別夷符身  
 專心念佛符身買罽  
 念純心想弥陀蔓生  
 蓮花上品固翕於勸  
 固獄無間外墻鉄固  
 城全仍鉄高吟閉重



Than ôi! khôn thật là người,  
 Cái thân chẳng giữ, giữ ngoài cái thân.  
 Ấy là Hiền Thánh đã phân,  
 Kìa như Kiệt Trụ bất nhân quên mình,  
 Có người được bánh vong tình,  
 Dọn nhà quên vợ, nhân sinh khác gì,  
 Loài là tham dục ái si,  
 Tâm quân chẳng nhận, biết gì giữ thân.  
 Bây giờ ta phải ân cần,  
 Chuyên tâm niệm Phật giữ thân mới là,  
 Tâm trung là đất trồng hoa,  
 Niệm thuần tâm tưởng Di Đà mầm sinh,  
 Thực là thủ trụ Tính linh,  
 Liên hoa thượng phẩm có mình ở trong.

### TAM ÁC ĐẠO GIẢI ÂM \*

▪ Trong kinh Địa Tạng nói tường,  
 Có ngục Vô Gián ngoài tường sắt vây,  
 Chung quanh tám vạn dặm dày,  
 Thành toàn những sắt cao nay muôn trùng,

**Kiệt Trụ:** tên hai vua ác thời xưa. **Tâm quân:** tâm hồn là chủ của thân. **Ân cần:** siêng năng. **Thủ trụ:** giữ gìn. **Tính linh** (Tánh linh): cũng gọi là: Phật tính (Phật tánh), Chân tính, Tự tính, Bản tính, Chân tâm..., là phần tinh thần sáng láng màu nhiệm vốn có của mỗi chúng sinh. Khi Tính linh bị hoặc nghiệp phiền não che lấp thì trở thành Thần thức, nên phải trôi lăn trong cõi sinh tử luân hồi. Người niệm Phật, sau khi vãng sinh về Tây Phương thì hoặc nghiệp phiền não sẽ tiêu tan, Phật tính được hiển bày. \*NÓI VỀ BA ĐƯỜNG ÁC. **Nói tường:** nói đầy đủ rõ ràng. **Vô Gián:** không gián đoạn, tên một địa ngục, chúng sinh ở đây bị hành hạ không ngớt.

帶連炤質同同  
 咄質<sup>口</sup>布炤炗罌  
 昧躬瞠覓身躬  
 最顛時朧艾牟  
 群鼓獄糾最沁  
 夜义惡鬼罌臥  
 璩廼如果稊長  
 固鬼拾鏢蹠蹠  
 縱連擒鄣同同  
 鳩鷹蝓鉄鉸觥

往銅蝓鉄觥鉸吏戈  
 仍畧浦罪魂陀失驚  
 觥連床鉄身形瘡疔  
 艾時騰鄧越候閑齋  
 每畧艾罪陰沉別包  
 昧市如姚黻市如鎌  
 梅脾掇脾每塘曉瞽  
 或中口鼻或臍腹中  
 或底來鉄或縱火城  
 縉古隸昧攄躬茁昌

Dưới trên lửa chất đùng đùng,  
 Chó đồng, rắn sắt, quanh vòng lại qua,  
 Miệng phun hơi lửa cháy ra,  
 Những người phải tội, hồn đà thất kinh,  
 Mắt mình trông thấy thân mình,  
 Nằm trên giường sắt, thân hình buốt đau,  
 Tối đen ngày tháng một màu,  
 Một ngày đằng đẳng dài hầu muôn năm.  
 Còn nhiều ngục nhỏ tối tăm,  
 Mỗi người một tội, âm trầm biết bao,  
 Dạ xoa ác quỷ ra vào,  
 Mắt nào như chớp, răng nào như gươm,  
 Móng tay như quả dưa trường,  
 Mồi tỳ, mổ ruột, mọi đường coi ghê.  
 Có quỷ cầm móc đứng kề,  
 Hoặc trúng khẩu tỳ, hoặc tề phúc trung,  
 Tung lên ném xuống đùng đùng,  
 Hoặc để giường sắt, hoặc tung hỏa thành,  
 Chim ưng, rắn sắt vòng quanh,  
 Quấn cổ, khoét mắt, tuốt mình, chuốt xương,

---

**Thất kinh:** sợ hãi hết hồn. **Dạ xoa:** chỉ loài ma quỷ. **Khẩu:** mồm.  
**Tỳ:** mũi. **Tề:** sấn vào. **Phúc:** bụng. **Trung:** bên trong. **Hỏa thành:**  
 thành lửa.



鉄牛雷刮每塘  
 又時粧薙閉客  
 獄尼斯歇女麻  
 據夷耜袂廊僧  
 群獄阿鼻女麻  
 樓鉄薙刮憎煉  
 鋸牙火象剝皮  
 吏如胸背吹撞  
 鉄銅炤矻仍時  
 吏添愛拉聖台

銅炊淬呖鉄常纏身  
 疎薙閉劫空份特他  
 遙廊獄恪吏罽苦添  
 或龍神鬼罪愆調罽  
 飛刀火箭鉄車鉄床  
 襖鉄馭鉄吏強憚誓  
 火狼燒脚共時鑊湯  
 糞尿地獄閉塘掣之  
 爲罽罪礮須弥波賊  
 騎少騎紹市埃害騎

Thiết ngư lôi lữ mọi đường,  
 Đồng sôi rót miệng, sắt thường quán thân,  
 Một ngày sống chết muôn lần,  
 Trải nghìn muôn kiếp không phần được tha,  
 Ngục này gần hết nữa mà,  
 Đưa sang ngục khác lại là khổ thêm.  
 Cứ gì già trẻ sang hèn,  
 Hoặc long thần quỷ tội khiên đều là,  
 Còn ngục A Tỳ nữa mà,  
 Phi đao, hỏa tiễn, thiết xa, thiết sàng,  
 Trâu sắt nghìn lữ rõ ràng,  
 Áo sắt, ngựa sắt lại càng sợ ghê,  
 Cứ Nha, Hỏa Tượng, Bác Bì,  
 Hỏa Lang, Thiêu Cước, cùng thì Hoạch Thang,  
 Lại như Hung Bối, Xuy Tràng,  
 Phần Thi địa ngục muôn đàng xiết chi,  
 Sắt đồng lửa đá những thì,  
 Vì người tội nặng Tu Di bể dài.  
 Lại thêm che lấp Thánh thai,  
 Mình làm mình chịu, nào ai hại mình,

---

**Thiết ngư:** trâu sắt. **A Tỳ:** tên một địa ngục, dịch là Vô Gian. **Phi đao:** dao bay. **Hỏa tiễn:** tên lửa. **Thiết xa:** xe sắt. **Thiết sàng:** giường sắt. **Cứ Nha:** cửa răng. **Hỏa Tượng:** voi lửa. **Bác Bì:** lột da. **Hỏa Lang:** sói lửa. **Thiêu Cước:** đốt chân. **Hoạch Thang:** vạc dầu sôi. **Hung Bối:** lưng ngục, **Xuy Tràng:** thổi đánh. **Phần Thi:** phân tiểu. **Tu Di:** tên núi Diệu Cao, ở đây chỉ sự to lớn.



持浪罪糾夕清  
 吒毘末拱恪途  
 後周紮帝世宗  
 末茹地獄火燒  
 秦莊主買張僕  
 劉鍾統紀底夕  
 獄道黜計匱衝  
 貧安惜吝私財  
 時戮深沈炳炳  
 駐輒暮歲朋矜

鬻綵質渚拱成罪蘇  
 否如固跋易朱餓穷  
 毀鍾毀像祕銅罽消  
 割策神應罪調群詭  
 白起王剪婁時群盜  
 朱戡後世指南貼穷  
 群塘餓鬼畧鍾幽墜  
 末夕餓鬼身茂伴藤  
 人間斲歲鬼如艾時  
 咀膿如炤時渴瀉



Nghĩ rằng tội nhỏ làm thình,  
 Tóc tơ chất chứa cũng thành tội to,  
 Cha con rồi cũng khác đồ,  
 Ví như có gặp dễ cho thay cùng.  
 Hậu Chu Sài Đế Thế Tông,  
 Hủy chuông hủy tượng lấy đồng ra tiêu,  
 Rồi sau địa ngục Hỏa Thiêu,  
 Chép sách Thần Ứng tội điều còn ghi.  
 Tần trang chủ với Trương Nghi,  
 Bạch Khởi, Vương Tiễn lâu thì còn giam,  
 Chép trong Thống Ký để làm,  
 Cho người hậu thế chỉ nam xem cùng.  
 ▪ Ngục đạo trước kể đã xong,  
 Còn đường ngã quỷ lược trong vài lời,  
 Tham ăn tiếc lặn tư tài,  
 Rồi làm ngã quỷ thân đời bấn dơ,  
 Ngày dài thăm thẳm mờ mờ,  
 Nhân gian nghìn tuổi, quỷ như một ngày,  
 Sống năm trăm tuổi bằng nay,  
 Miệng nóng như lửa, ngày ngày khát khao,

---

**Đò:** chỉ nơi kiếp sau tái sinh trong sáu đường luân hồi. **Sài Đế Thế Tông:** tên một ông vua thời Hậu Chu bên Tàu. **Hậu thế:** người đời sau. **Chỉ nam:** ý nói làm gương. **Lược:** tóm tắt. **Tư tài:** tiền của riêng. **Sống năm trăm tuổi:** tuổi ở đây là thời gian một năm ở cõi ngã quỷ, một năm 360 ngày, mỗi ngày bằng nghìn năm cõi người, tính ra một kiếp sống của loài ngã quỷ bằng khoảng 180 triệu năm cõi người, chịu khổ đẳng đẳng. Những người tham lam keo kiệt sau khi chết sẽ sinh làm ngã quỷ, thật đáng sợ thay!

喉如金胞如刀  
 鬼時躺剝膝蘇  
 鬼時還縲如蓬  
 鬼時叫哭奔波  
 鬼時痞癰脫胎  
 黜夕善惡庄搗  
 群如畜生每類  
 褒君茹沛夕電  
 杜宇令下時初  
 彭生夕貉計接

啞安啞狂時市特奴  
 叫歌苦惱埃朱安共  
 呌時潯潯聰膿退黜  
 籠勁如鉄馭些庄斯  
 籠加希退如份棟顛  
 安乾於呂旦朱苦殘  
 棲捕雞貉馭茂昧瞢  
 書生夕貉黃公夕蠅  
 夕帝鵲意悲除群籠  
 劉姪夕犬艾時夕棲

Hầu như kim, dạ như đao,  
Dầu ăn dầu uống thời nào được no.  
Quỷ thì mình nhỏ bụng to,  
Kêu ca khổ não ai cho ăn cùng.  
Quỷ thì tóc rối như búng,  
Miệng thì rỏ dãi, tai nùng thối ra.  
Quỷ thì kêu khóc bên ba,  
Lông cứng như sắt, người ta chẳng gần.  
Quỷ thì lở loét quanh mình,  
Lông da hôi thối như phần đông tro,  
Bởi làm thiện ác chẳng so,  
Ăn càn ở rỡ đến cho khổ dài.  
▪ Còn như súc sinh mọi loài,  
Trâu bò gà lợn, người đời mắt trông.  
Bao Quân sau phải làm long,  
Thư sinh làm rắn, Hoàng Công làm rùa,  
Đỗ Vũ lệnh hạ ngày xưa,  
Làm đề quyên ấy bây giờ còn ghi,  
Bành Sinh làm lợn kể đi,  
Lưu Diệt làm chó, Ngải thì làm trâu,



英雄權芳塊亮  
佛共三界逍遙  
馱帑恭敬信陞  
胥天神鬼王都  
三皈惡道塊末  
懇浪吁証菩提  
自然惡道已塘  
聃陞地獄云爲  
怙聃地獄女麻  
轆綾疾也世帑

帑馱固持身黏世帑  
傷爲搥苦累遭輪廻  
皈依三寶塊尼三途  
皈依拱塊況如身馱  
吏添念佛忤陞曩曩  
灾消罪歇末術西方  
化成蓮芥燭妹庄疑  
惘恚信樹紅夷旦些  
時尼地獄末罽帑馱  
拱如密紺蕊包饒蛛

Anh hùng quyền thế khởi đầu,  
 Nào người có nghĩ thân sau thế nào.  
 ▪ Phật cùng Tam Giới tiêu dao,  
 Thương vì dứt khổ là tao luân hồi,  
 Người nào cung kính tin lời,  
 Quy y Tam Bảo khởi nơi Tam đồ,  
 Dẫn thiên thần quý vương đô,  
 Quy y cũng khởi hưởng như thân người.  
 Tam Quy, ác đạo khởi rồi,  
 Lại thêm niệm Phật nhớ lời sớm khuya,  
 Khấn rằng xin chứng Bồ Đề,  
 Tai tiêu tội hết rồi về Tây Phương,  
 Tự nhiên ác đạo ba đường,  
 Hóa thành sen mọc, rõ ràng chẳng nghi.  
 Nghe lời địa ngục vân vi,  
 Mừng lòng tin đổi, vương gì đến ta,  
 Ghét nghe địa ngục nữa mà,  
 Thì nơi địa ngục rồi ra phải vào.  
 Thuốc đắng tật đã thế nào,  
 Cũng như mật ngọt chết bao nhiêu ruồi,

---

**Tam Giới:** còn gọi là Tam Hữu, là ba cõi mà chúng sinh trong Lục đạo luân hồi sinh sống, gồm cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Loài người chúng ta thuộc cõi Dục. Tam Giới là lãnh vực mê khổ của chúng sinh, như biển lớn không có giới hạn, nên được gọi là Khổ Giới (cõi khổ), Khổ Hải (biển khổ). **Quy y Tam Bảo khởi nơi tam đồ:** quy y Phật không đọa địa ngục, quy y Pháp không đọa ngã quỷ, quy y Tăng không đọa súc sinh.



利名罣把連茂  
 皎色譖朱雅斯  
 念佛想佛時時  
 於茂修憎買罣  
 貴高埃拱約沟  
 傳修整莽動恚  
 災戕水火每時  
 據麻括護世情  
 勸埃安分耽丕  
 朋埃空信法言

係埃剝澆意戢戢身  
 若朋戢戢份群能  
 寔罣乳噴身尼戢罣  
 庄修如丐滌戈愈糟  
 競償愁苦戢市固懔  
 叻利時縶如戢絲垂  
 責丕市固埃能任在  
 晒搗罣波戢翰藩催  
 蘇因祕果於茂罣愀  
 據瞠瞞昧几尊戢償



Lợi danh là bả trên đời,  
 Hễ ai nhặt nhẽo, ấy người dài thân.  
 Dao sắc chớ cho trẻ gần,  
 Nhược bằng người lớn ít phần còn hay,  
 Niệm Phật tưởng Phật ngày ngày,  
 Thực là bú bầm thân này lớn ra,  
 Ở đời tu tỉnh mới là,  
 Chẳng tu như cái bọt qua gió ào,  
 Quý cao ai cũng ước ao,  
 Nghèo hèn sâu khổ người nào có mong.  
 Chuyện tu chĩnh mả trong lòng,  
 Nói lợi thì chóng như vòng tơ quay,  
 Tai tường thủy hỏa mỗi ngày,  
 Trách trời nào có ai hay tại mình.  
 Cứ mà nghĩ nghị thế tình,  
 Dầu vợ bốn bề vào mình chưa thôi,  
 Khuyên ai an phận nghe lời,  
 Trồng nhân lấy quả ở đời là hơn,  
 Bằng ai không tín pháp ngôn,  
 Cứ trông trước mắt kẻ tôn người hèn,

---

**Tai tường thủy hỏa:** tai nạn, giết chóc, nước lụt, lửa cháy. **Nghĩ nghị thế tình:** suy ngẫm sự đời. **Pháp ngôn:** lời kinh pháp. **Tôn:** cao sang. **Hèn:** thấp kém.

餓渴罟餌鬼緣  
愚癆罟畜生份  
每道觀於世常

躡跼銓駒  
粵丐獄因  
歡喜閔雅  
粵身天堂  
聃墜法語  
每塘每能

梵字秘密神咒人各宜佩

[illegible]

Đói khát là ngã quý duyên,  
Què mù câm điếc là miền ngục nhân,  
Ngu si là súc sinh phần,  
Hoan hỷ nhàn nhã là thân thiên đường,  
Mỗi đạo đủ ở thế thường,  
Nghe lời pháp ngữ, mỗi đường mỗi hay.

PHẠN TỰ BÍ MẬT THẦN CHÚ  
NHÂN CÁC NGHI BỘI \*

*(Gồm 83 chữ Phạn)*

---

**Mỗi đạo:** mỗi đường trong sáu nẻo luân hồi. **Thế thường:** đời thường.

\* THẦN CHÚ BÍ MẬT CHỮ PHẠN, MỌI NGƯỜI NÊN ĐEO.

(Bản thần chú này đóng khung in riêng tại trang 102. Có thể viết ra hoặc in trên giấy màu vàng, treo hoặc dán trong nhà, công dụng trấn trạch rất tốt lành. Xem phần dịch nghĩa <sup>(1)</sup> trang 101).



此是最上秘密神咒書之或帶或誦或  
觀或粘家中眼見之處以之自然除一  
切邪魔消一切病苦滅一切罪障生一  
切福德及一切所求必皆稱遂直至成  
佛決定無疑

隨時隨處讀誦亦可

唵藍

唵齒臨

唵麼尼鉢訥銘吽

南無颯哆南三藐三菩默俱脰喃怛你  
也他唵折隸主隸準提娑婆訶部林

誦滿一百八遍或五百遍或千遍已至心回向無量菩提

菩薩戒法名性定演音

河內監門安宅村闡法寺藏板

Thử thị tối thượng bí mật thần chú, thư chi, hoặc  
đới, hoặc tụng, hoặc quan, hoặc niệm gia trung  
nhân kiến chi xứ, cửu chi, tự nhiên trừ nhất thiết  
tà ma, tiêu nhất thiết bệnh khổ, diệt nhất thiết tội  
chướng, sinh nhất thiết phúc đức, cấp nhất thiết  
sở cầu tất giai xứng toại, trực chí thành Phật,  
quyết định vô nghi. <sup>(1)</sup>

Tùy thời tùy xứ đọc tụng diệc khả. <sup>(2)</sup>

*Án Lam Án Xỉ Lâm*

*Án Ma Ni Bát Nột Minh Hồng*

*Nam Mô Táp Đá Nẫm Tam Diệu Tam Bồ Đà  
Câu Chi Nẫm Đát Nễ Dã Tha Án Chiết Lệ Chủ Lệ  
Chuẩn Đề Sa Bà Ha Bộ Lâm*

Tụng mãn nhất bách bát biến, hoặc ngũ bách  
biến, hoặc thiên biến dĩ, chí tâm hồi hướng Vô  
Thượng Bồ Đề. <sup>(3)</sup>

Bồ Tát giới Pháp danh Tính Định diễn âm.

Hà Nội, Giám môn, An Trạch thôn, Xiển Pháp tự  
tàng bản. <sup>(4)</sup>

---

**Dịch nghĩa:** <sup>(1)</sup> Đây là thần chú bí mật tối thượng, viết ra, hoặc  
đeo, hoặc tụng, hoặc ngắm nhìn, hoặc dán chỗ mắt nhìn thấy trong  
nhà, lâu rồi tự nhiên trừ tất cả tà ma, tiêu tất cả bệnh khổ, diệt tất  
cả tội chướng, sinh ra tất cả phúc đức, và tất cả sở cầu đều được  
như ý, thẳng đến thành Phật, quyết định không nghi ngờ. <sup>(2)</sup> Tùy lúc  
tùy nơi đọc tụng cũng được. <sup>(3)</sup> Tụng đủ 108 biến, hoặc 500 biến,  
hoặc 1000 biến xong, dốc lòng hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. <sup>(4)</sup> Bồ  
Tát giới Pháp danh Tính Định diễn âm. Chùa Xiển Pháp, thôn An  
Trạch, cổng Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội cất giữ ván in.

美々々々々々  
 合用々々々々  
 比々々々々々  
 人々々々々々  
 我々々々々々  
 五五五五五五



# TỨ ĐẾ

Nền tảng căn bản của Đạo Phật là “Tứ-Bi-Bình Đẳng”, dạy người “không làm việc ác, làm các việc lành, thanh tịnh tâm ý”, thực hành Giới-Định-Tuệ để diệt trừ Tham-Sân-Si, khiến cho “phá mê khai ngộ” mà “thoát khổ được vui”. Phật Giáo chính là nền Giáo Dục Giác Ngộ, Đạo Phật là Đạo Giải Thoát.

Giáo chủ Đạo Phật là Đức Thích Ca Mâu Ni. Ngài vốn là thái tử Tất Đạt Đa, đản sinh tại Thiên Trúc (Ấn Độ) cách đây hơn 2600 năm. Vì lòng từ bi thương xót chúng sinh mà bỏ cung vàng điện ngọc, tu đạo giải thoát, chứng quả Vô Thượng Bồ Đề, thành bậc toàn giác, trí tuệ siêu việt. Sau khi thành Phật, Ngài thuyết pháp giáo hóa độ sinh suốt 49 năm, dạy đủ các pháp thế gian và pháp xuất thế gian, để lại cả kho tàng kinh điển rộng lớn, bao quát đủ loại kiến thức. Ngày nay các nhà khoa học, triết học, thiên văn học, văn học, y học, giáo dục, tôn giáo, v.v..., ai cần khám phá bất cứ lĩnh vực gì đều có thể tìm thấy trong kinh Phật.

Những điều Phật nói là chân thật, là chân lý chính xác do Ngài thực chứng bằng Phật trí, không phải do Ngài phát minh. Có những điều

con người dùng trí giác thấy được, có những điều ngoài tầm hiểu biết của loài người. Ví như Phật nói, trong không gian bao la có vô số thế giới, thời đó chỉ những bậc chứng Thánh quả có Thiên nhãn thông mới thấy được phần nào, còn người bình thường khó tin nổi, mãi đến những năm gần đây nhờ khoa thiên văn học tiến bộ, tuy mới khám phá được một phần không gian theo kinh Phật, nhưng đủ khiến cho loài người biết lời Phật nói là sự thật.

Chúng ta nhìn thấy nhờ đôi mắt thịt (nhục nhãn), còn Phật có đủ năng lực của năm loại mắt (nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn), nên quan sát không còn hạn chế, nhìn qua vật cản, thông suốt không gian, thấy mọi thứ siêu hình, xem khắp vũ trụ như trong lòng bàn tay; chúng ta nghe nhờ đôi tai thịt, còn Phật có Thiên nhĩ thông nghe thấy đủ loại tần số âm thanh, xa gần đều thấy, hiểu tiếng của mọi loài. Phật có ba thân, chứng được bốn trí, đắc sáu thần thông, trí tuệ Phật là trí tuệ vô lậu, chẳng có gì mà Phật không rõ. Tuy trên đời này có nhiều bậc tu đạo có thể đắc thần thông, nhưng chỉ đạt cấp độ thấp trong năm loại: Thần túc thông, Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mệnh

thông. Riêng Phật mới chứng được Lậu tận thông, trừ sạch phiền não. Lời Phật nói là Thánh ngôn lượng, là chân lý tuyệt đối chính xác.

\*\*\*

Tứ Đế còn gọi là Tứ Diệu Đế, Tứ Thánh Đế, là bốn sự thật, bốn chân lý đúng đắn nhiệm mầu mà Đức Phật Thích Ca thuyết giảng để giúp cho chúng ta hiểu rõ chân tướng cuộc đời và có đường lối tu tập giải thoát. Tứ Đế hàm chứa toàn bộ giáo lý Phật Giáo, gồm: Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

## **1-Khổ Đế**

Khổ Đế là chân lý chắc thật, trình bày rõ ràng về sự thật tất cả những nỗi đau khổ trên thế gian này mà mỗi người đều phải chịu đựng. Có trăm nghìn sự khổ, Khổ khổ, Hoại khổ, Hành khổ, Nội khổ, Ngoại khổ, Cộng khổ, khổ sinh già bệnh chết, khổ thương yêu chia lìa, khổ oán ghét gặp nhau, khổ mong cầu không được, khổ năm ấm sung thịnh, và những nỗi khổ đầy rẫy trên thế gian, bao vây chúng ta, giống như nước biển làm chìm đắm chúng ta. Do đó, Đức Phật ví cõi đời là một biển khổ mênh mông.



Tạm sơ lược về Tam Khổ, Bát Khổ và Luân Hồi Khổ như sau:

**A - Tam Khổ** (ba nỗi khổ):

1/**Khổ khổ**: Là những sự trái ngược, bức bách. Con người lãnh nhận cái thân có sinh, già, bệnh, chết (thân là quả khổ). Đã thế còn thêm những nỗi khổ như: oán ghét mà phải gặp gỡ, ân ái biệt ly, sở cầu chẳng thỏa, đói rét, nóng bức, thiên tai bão lụt, nhân họa chiến tranh, dịch bệnh, tai nạn, khổ vì tự mình giày vò mình, khổ vì người khác ức hiếp, nhục mạ, châm chọc, khích bác, khinh khi, áp bức, khổ vì mất tự do và vô vàn các nỗi khổ khác. Đã khổ lại càng thêm khổ.

2/**Hoại khổ**: Là tất cả mọi sự vui sướng cuối cùng đều tan rã. Vui sướng càng nhiều, đến khi tan rã càng thâm, giống như tòa nhà lớn bị đổ nát, quan cao bị cách chức, quốc gia bị diệt vong, thật điêu tàn thâm lương, khiến cho người ta không khỏi sứt sùi. Cõi Sa Bà rốt cuộc sẽ hoại diệt, không có gì là vĩnh cửu cả, không có sự vui chân thật, dù có vui đi nữa, chỉ là vui giả tạm.

3/**Hành khổ**: Là cái khổ chuyển biến chẳng yên định. Hành là dời đổi không ngừng, sinh diệt trong mỗi sát na. Các pháp biến đổi vô thường, sinh ra khổ não.

**B - Bát Khổ** (tám nỗi khổ):

Bát khổ là tám thứ quả khổ mà chúng sinh trong Lục đạo luân hồi phải lãnh chịu. Loài người có vô số nỗi khổ, tuy nhiên, trong “Khổ Đế” Đức Thế Tôn dạy có tám điều đau khổ căn bản.

1/**Sinh khổ**: Khi Thần thức gá vào thai mẹ, ở trong thai đã có tình thức. Do có tình thức nên có sự cử động cảm xúc. Khi mẹ ăn thức lạnh vào, cảm thấy như ở trong giá băng; lúc ăn thức nóng vào, cảm thấy như bị nung đốt. Thai nhi sống trong chỗ chật hẹp tối tăm, đến khi vừa lọt lòng mẹ, gió lạnh gió nóng thổi vào thân mình, quần áo cọ xát vào da mỏng, đau rát như đâm như cắt, kêu khóc oa oa. Khổ nhất là gặp phải sản nạn khó sinh, mẹ con đều chết. Phật thấy rõ những chi tiết ấy, nên Ngài xác nhận sinh là khổ.

2/**Lão khổ**: Từ trẻ thơ đến trai tráng cho đến lúc già cả, tế bào cơ thể lão hóa dần, sức lực yếu dần, tinh thần hao mòn. Khi đến tuổi già, cảm quan con người thường hết nhạy bén: mắt không còn trông rõ nữa, tai không còn thính nữa, lưng đau, chân run, ăn không ngon, trí nhớ không còn linh mẫn, da mồi, tóc bạc, răng long, lực bất tòng tâm. Lắm người tuổi già lú lẫn, khi ăn mặc, lúc đại tiểu tiện đều như nhóp, con cháu dù thân,

cũng sinh nhàm chán. Kiếp người dường như kiếp hoa, luật vô thường chuyển biến khi đã đem đến cho hương sắc, nó cũng đem đến cho vẻ phai tàn. Xét ra cái già thật không vui chút nào, thân người thật không đáng luyến tiếc chút nào! Vì thế nên Đức Phật bảo già là khổ, và Ngài khuyên mọi người nên tu tập để có khả năng bình thản chịu đựng cái đau khổ của tuổi già.

**3/Bệnh khổ:** Có thân là có bệnh, vì thân có được do sự kết hợp tạm thời của Tứ Đại (đất, nước, gió, lửa). Khi Tứ Đại không điều hòa thì mọi thứ bệnh tật phát sinh, vì vậy bệnh khổ là không tránh khỏi. Có những bệnh nhẹ thuộc ngoại cảm, đến các bệnh nặng do nội thương, lại có bệnh ở tâm, trong lòng khổ não, lo buồn thương đau. Nhiều người lại mắc phải những bệnh nan y như ung thư, tai biến, v.v... Trong hoàn cảnh ấy, tự thân đã đau đớn, lại tốn kém, hoặc không có tiền thuốc thang, chính mình bị khổ lụy, lại gây thêm khổ lụy cho gia đình.

**4/Tử khổ:** Tức là sự khổ trong lúc chết. Thân do Tứ Đại giả hợp, ắt có lúc phải phân ly. Mọi người đều muốn sinh thuận tử an, nhưng việc ấy rất khó được, hoặc chết vì tận số ốm đau mà chết, hoặc vì ác duyên gặp các tai nạn mà chết, chết bất



cứ lúc nào không kể tuổi già hay tuổi trẻ. Đa số khi chết bị bệnh khổ hành hạ đau đớn. Thân đã như thế, tâm thì hãi hùng lo sợ, tham tiếc của nhà của cải, buồn rầu phải lìa bỏ người thân, muôn mối dập dồn, quả thật là khổ. Đề cập đến chữ “chết” mấy ai muốn nghe, nhưng nó là sự thật không ai tránh khỏi. Chỉ còn cách tu tập để có thể đương đầu với nó bằng sự bình thản.

**5/Ái biệt ly khổ:** Là sự khổ khi phải xa lìa người thân yêu. Hoặc vì hoàn cảnh xã hội, mỗi người một phương, muốn bên nhau mà không được, nên phải sinh ly. Hoặc người thân yêu qua đời mà phải tử biệt. Cảnh sinh ly tử biệt với người thân yêu quả là đau khổ.

**6/Oán tăng hội khổ:** Là sự khổ về oan gia hội ngộ. Những kẻ đối nghịch thù oán, gièm pha nói xấu, phá phách mưu hại, làm cho ta phải bức tức khó chịu, lo sợ không yên, chỉ muốn tránh xa, nhưng ngược lại cứ tụ tập ở gần, hoặc trở thành thông gia quyến thuộc nhưng chẳng thể hợp nhau, hoặc trở thành đồng nghiệp, hàng xóm cận kề, cứ phải gặp mặt nhau. Lại còn nhiều gia đình, cha mẹ anh em hoặc vợ chồng không đồng ý kiến, thường có sự tranh cãi giận ghét buồn phiền lẫn nhau. Đó khác nào sự gặp gỡ trong oan gia.

**7/Cầu bất đắc khổ:** Tức sự khổ về mong cầu không như ý. Trong đời sống, con người có rất nhiều ước vọng, đại khái như nghèo muốn cho giàu, xấu muốn cho đẹp, không con muốn có con, có con muốn cho nó nên người thông minh hiểu thuận, muôn nghìn ước vọng như thế, hết thấy sự vật trong thế gian, lòng mình ưa thích, mà cầu mong không được, đó là nỗi khổ.

**8/Ngũ Âm xí thịnh khổ:**

Ngũ Âm hay còn gọi là Ngũ Uẩn (Âm là che lấp, Uẩn là tích chứa), đó là năm nhóm tổ hợp thành thân tâm con người, gồm: sắc (vật chất), thụ (cảm nhận), tưởng (tư tưởng), hành (hành vi và sự biến đổi), thức (phân biệt nhận thức).

Sắc Âm là phần vật chất thuộc về thân, bao gồm da, xương, máu, thịt, ngũ tạng, lục phủ, ngũ căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), v.v..., đều do Tứ Đại (bốn yếu tố): địa (đất: chất rắn), thủy (nước: chất lỏng), hỏa (lửa: nhiệt độ), phong (gió: chất khí) kết hợp mà thành; bốn Âm kia là phần tinh thần thuộc về tâm, trong đó “thức” là chủ của tâm.

Thức có tám loại: Năm thức trước là “Nhãn thức (nhận thức từ mắt), Nhĩ thức (nhận thức từ tai), Ty thức (nhận thức từ mũi), Thiệt thức (nhận thức từ lưỡi), Thân thức (nhận thức từ cơ thể)”; thức thứ sáu là “Ý thức” (nhận thức từ ý nghĩ);

thức thứ bảy là “Mạt Na thức” (tư lường: suy xét); thức thứ tám là “A Lại Da thức” (hàm tàng: tàng chứa).

Ý thức và năm thức trước chuyên về phân biệt nhận thức. Ý thức chỉ huy năm thức trước, làm chủ tất cả mọi suy nghĩ, rồi thông qua miệng nói, thân hành động mà tạo ra “nghiệp”. Ý nghĩ, lời nói, việc làm tốt thì tạo ra nghiệp thiện, xấu thì tạo ra nghiệp ác.

A Lại Da thức (cũng gọi là Tàng thức) là nơi tàng chứa tất cả chủng tử thiện, ác, vô ký, được Mạt Na thức thu nhập từ thức thứ sáu lãnh đạo năm thức trước làm ra đều chứa trong đó, tích lũy trong đó. A Lại Da thức là thức chủ, là thức căn bản của mọi hiện tượng, chứa đựng mọi kinh nghiệm của đời sống mỗi con người và nguồn gốc tất cả các hiện tượng tinh thần. Tất cả nghiệp được tạo ra trong đời hiện tại và đời quá khứ đều được tàng chứa trong A Lại Da thức.

A Lại Da thức được gọi là “Thần thức”.

Năm Ám tụ tập thành thân tâm, như lửa cháy rừng rực thiêu đốt. Bảy thứ khổ trước đều do đây mà phát sinh, nó là đầu mối then chốt của mọi đau khổ. Sắc Ám thịnh thì Tứ Đại không điều hòa mà sinh ra bệnh khổ. Thụ Ám thịnh thì cảm nhận



phân biệt, khiến các khổ càng tăng thêm. Tưởng Ấm thịnh thì tư tưởng theo đuổi nhiều ước vọng, mà sinh ra các nỗi khổ mong cầu không toại ý, oán ghét gặp gỡ, ân ái biệt ly. Hành Ấm thịnh thì tâm chí càng mưu tính nhiều mà tạo ra các nghiệp, làm thành cái nhân để sau này chịu quả báo, năm tháng trôi đi không dừng tạo nghiệp, khiến cho nỗi khổ suy già càng lớn. Thức Ấm thịnh thì khởi lên phân biệt sai lầm mê hoặc tạo nghiệp, càng thêm che lấp Chân tính (Phật tính), khiến cho ta mãi lưu chuyển trong sinh tử luân hồi khổ não.

Bảy nỗi khổ đầu là Biệt, khổ thứ tám là Tổng, nó bao trùm mọi nỗi khổ của kiếp người.

### **C - Luân Hồi Khổ** (nỗi khổ luân hồi):

Rất đáng thương thay! Người chết chẳng phải là hết. Vì thân tuy chết đi nhưng Thần thức chẳng diệt mất. Khi chết, chỉ là cái thân vô thường chết, thân thể hủy hoại, nhưng Thần thức vẫn còn. Thần thức chẳng phải là linh hồn bất tử, cũng chẳng phải kiếp sau sẽ được đầu thai làm người mãi mãi, mà phải theo nghiệp thiện hay ác do chính mình đã tạo ra khi sống mà tái sinh vào bất kỳ đường nào trong Lục đạo (sáu đường: Trời, Người, A tu la, Súc sinh, Ngã quỷ, Địa ngục),

mang thân kiếp sau, hoặc được thân trời, thân người, hoặc mang thân thú vật côn trùng, hoặc hóa thành thần tiên, ma quỷ, v.v..., rồi khi nghiệp duyên hết lại tiếp tục chết và tái sinh; cứ sinh rồi lại tử (chết), tử rồi lại sinh, sống trong khắp Lục đạo từ bao nhiêu kiếp đến nay, lúc làm người trời hưởng phúc, lúc vào Địa ngục chịu cực khổ, thay hình đổi xác, lưu chuyển mãi trong Lục đạo, giống như dòng nước chảy mãi không ngừng, kinh Phật gọi là “sinh tử”, hoặc gọi là “luân hồi”, hoặc “sinh tử luân hồi”.

“Sinh tử” ở đây là sinh đến và chết đi, ví thân thể như ngôi nhà, thì tử (chết) nghĩa là ta đi ra khỏi ngôi nhà cũ, sinh là ta đến ở ngôi nhà mới, “ta” ví như Thần thức mỗi người. Luân hồi là trôi dạt, nổi lên chìm xuống trong Lục đạo, như người bị đuối nước giữa biển, lúc ngóc đầu lên, lúc chìm xuống, lúc ngóc đầu lên ví như sinh về đường lành Trời, Người, chìm xuống ví như sinh về đường ác Súc sinh, Ngã quỷ, Địa ngục. Kiếp người ở nhân gian tuy khổ, nhưng cái khổ ở địa ngục còn lớn gấp nghìn vạn lần.

Bản chất Thần thức là gì? Thần thức chính là Phật tính (Phật tánh) của mỗi chúng sinh, nhưng Phật tính ấy đang bị mê tối do vô minh che phủ.

Lấy tấm gương để tỷ dụ: Phật tính giống như tấm gương sáng không dính bụi; vẫn tấm gương Phật tính ấy, khi bị bụi bẩn che phủ thì trở thành Thần thức, bụi là vọng nghiệp tham sân si vô minh. Vẫn thể tính ấy, khi ô nhiễm là Thần thức, khi thanh tịnh là Phật tính. Thần thức thì chìm đắm trong thân chúng sinh, Phật tính thì hiển hiện trên thân Phật. Chúng sinh và Phật chỉ khác nhau ở “mê” và “ngộ” (tỉnh). Chúng sinh là Phật đang mê ngủ, Phật là chúng sinh đã tỉnh thức. Phật tính mãi mãi là Phật tính, không thêm không bớt, không tăng không giảm, mê thì vào cõi Sinh Tử khổ đau, ngộ thì về cõi Niết Bàn an tịnh. Vì mỗi chúng sinh đều sẵn có Phật tính nên đều có thể thành Phật, chỉ cần nương theo Phật pháp tu hành sẽ dần xóa tan vọng nghiệp vô minh, đạt đến tỉnh thức giác ngộ, trở về diện mạo vốn có, hiển bày Phật tính thanh tịnh đồng với chư Phật, giống như tấm gương bụi bẩn kia được tẩy rửa sạch sẽ, trở lại trong sáng rạng ngời vốn có. (Phật tính cũng gọi là Tự tính, Bản tính, Nhất tính, Chân tính, Chân tâm, Chân như, Như Lai tạng, v.v..., hoặc chỉ gọi là Tính).

- Cõi người có trăm nghìn sự khổ, nhưng tóm lại như sau:

- Già, bệnh, chết là ba thứ khổ về thân.



- Tham (tham lam), sân (nóng giận), si (mê muội) là ba thứ khổ về tâm.

- Địa ngục, ngã quỷ, súc sinh là ba thứ khổ về kiếp sau.

Mỗi người đều cảm nhận được các nỗi khổ về thân tâm trong đời hiện tại, còn nỗi khổ luân hồi kiếp trước kiếp sau thì hầu như không nhận biết được. Mọi người sinh ra trên thế gian này đều không thể tránh được khổ, nên chúng ta cần biết là có khổ như thế để: gặp cảnh khổ không sợ hãi, sẵn sàng đối diện với nó, không tham cầu sẽ khỏi bị hoàn cảnh chi phối, và gắng sức tu hành để thoát khổ.

▪ Đến nay, tuy khoa học chưa chứng minh được về luân hồi, nhưng trên thực tế có nhiều chứng cứ luân hồi từ những người nhớ được kiếp trước nói ra. Kiến thức về luân hồi vô cùng giá trị, nếu Phật không nói về luân hồi, không nói về phương pháp thoát khỏi luân hồi, thì loài người chúng ta không thể biết mà có hướng tu học đạo giải thoát. Tuy khoa học chưa chứng minh được, nhưng ta chỉ nên tin theo lời Phật dạy, cũng như tin rằng Trái Đất quay là sự thật như lời các nhà khoa học đã nói.

## 2-Tập Đế

Tập là tích chứa, dồn thêm mỗi ngày mỗi nhiều hơn lên. Tập Đế là sự thật đúng đắn, vững chắc về nguyên nhân của những nỗi khổ đã tích chứa lâu đời lâu kiếp trong mỗi chúng sinh. Đó là sự thật về cội gốc sinh tử luân hồi, sự thật về nguyên nhân của biển khổ trần gian.

Cội gốc sinh tử luân hồi do các phiền não mê làm là những dục vọng, những ý niệm sai, làm não loạn thân tâm chúng ta. Phiền não rất nhiều, nói rộng thì đến tám vạn bốn nghìn, nói hẹp thì có mười Phiền Não gốc, gọi là Căn Bản Phiền Não, đó là:

1/**Tham**: nghĩa là tham lam, còn gọi là Ái (thích) và Dục (muốn). Do ưa thích, như tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, miếng ngon, đồ quý, chỗ ở, đất đai, v.v... khiến con người tìm đủ cách để có được những thứ thích ấy. Điều tai hại nhất là lòng tham không đáy, có bao nhiêu cũng không vừa ý. Vì tham mà tình người xung đột, mưu kế hại nhau, người thân trở mặt, lừa thầy phản bạn, chiến tranh tiếp diễn, giết hại vô số sinh linh, chúng sinh chịu vô vàn thống khổ.

2/**Sân**: nghĩa là nóng giận. Do không ưa thích, khi gặp cảnh trái ý, như lòng tham không được

toại nguyện thì sân nổi lên. Sân như ngọn lửa dữ đốt cháy tâm can. Tham và Sân là hai tâm thái đối ngược nhau, nhưng hậu quả thì gây ra thống khổ tương tự nhau.

3/**Si**: nghĩa là ngu muội, si mê, mờ ám. Si như một tấm màn dày đặc, đen tối trùm lên trí tuệ, khiến người ta không thể nhìn thấy được sự thật, không phán đoán được hay dở tốt xấu. Do đó gây ra không biết bao nhiêu tội lỗi, làm hại mình, hại người mà không biết. Vì Si mà lòng tham trở thành không đáy, vì Si mà lửa sân tự do bùng cháy. Tổ sư đã dạy: “Bất úy tham sân khởi, duy khủng tự giác trì”. Nghĩa là “không sợ tham và sân nổi lên, mà chỉ sợ mình giác ngộ chậm”, tức là: không sợ tham và sân, mà chỉ sợ si mê. Nếu tham sân nổi lên mà có trí sáng suốt ngăn chặn lại, thì tham sân không thể tồn tại được, như khi đã có ánh sáng mặt trời thì bóng tối tự tan biến.

Phật gọi Tham, Sân, Si là Tam Độc (ba độc tố), vì ba độc tố này mà chúng sinh phải chịu khổ nhiều kiếp sinh tử luân hồi, đọa lạc vào ba đường ác.

4/**Mạn**: nghĩa là tự nâng cao mình lên và hạ thấp người khác xuống; tự cho mình là quan trọng mà khinh rẻ mọi người; cậy mình có tiền



của, tài trí hay quyền thế mà dương dương tự đắc, mục hạ vô nhân, khinh người già cả, hỗn láo với người đức hạnh, chà đạp người dưới, lấn át người trên. Vì lòng ngã mạn cho mình là hơn hết, nên chẳng chịu học hỏi thêm, không nghe lời nói phải. Do đó, làm nhiều điều lầm lẫn sai trái, tổn phúc, tăng tội, phải chịu mãi cảnh sinh tử luân hồi. Có bảy thứ mạn, trong đó người tu tà đạo được chút ít thần thông, hoặc biết đôi chút việc quá khứ, tương lai rồi khinh lướt người, gọi là “tà mạn”; tu chưa chứng Thánh quả mà cho mình đã chứng là “tăng thượng mạn”.

5/**Nghi**: nghĩa là nghi ngờ, không có lòng tin. Người nặng nghi ngờ không làm nên được việc gì hết. Họ không tin cậy giao phó công việc cho ai, kể cả người thân. Họ nghi ngờ tất cả mọi thiện chí, không tự tin với ngay chính mình, gây hoang mang cho người xung quanh, khiến người khác ngã lòng, thoái chí. Đối với đạo lý chân chính cũng không hăng hái tin theo. Những pháp tu giải thoát và các điều phúc thiện, họ do dự không làm. Nghi có ba phương diện:

- Tự nghi: chẳng hạn như nghe chư Tăng bảo “tu hành sẽ được giải thoát”, nhưng lại tự nghi rằng “chẳng biết mình tu có được không?”. Vì do

dự nghi ngờ nên không tu.

- Nghi pháp: nghĩa là nghi phương pháp mình tu. Chẳng hạn như nghe kinh nói “người chí tâm niệm Phật, đến khi lâm chung sẽ được Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sinh về Cực Lạc”, nhưng lại nghi ngờ “phương pháp ấy không biết có kết quả đúng như thế không?”. Do sự nghi ngờ đó mà không tu.

- Nghi nhân: là nghi người dạy mình, như có người bảo “làm lành sẽ được phúc, làm ác sẽ chịu tội”, nhưng lại nghi rằng “chẳng biết người này nói có thật không”. Do sự nghi ngờ ấy mà không làm.

**6/Thân Kiến:** hay Ngã Kiến, nghĩa là chấp thân Ngũ Âm, Tứ Đại giả hợp này làm ta. Vì cái chấp sai lầm ấy, nên thấy có một cái “ta” riêng biệt, chắc thật không biến đổi, thấy cái “ta” ấy là riêng của ta, không dính líu đến người khác, và là một thứ rất quý báu. Vì tưởng lầm như thế, nên kiếm món ngon, vật lạ cho “ta” ăn, may sắm quần áo sang trọng cho “ta” mặc, lo xây dựng nhà cao, cửa lớn cho “ta” ở, thu gom thật nhiều của cải, danh vọng để cho “ta” hãnh diện với mọi người. Do quý chuộng phụng sự cho cái “ta” ấy, mà tạo ra lắm điều tội lỗi, chà đạp lên bao nhiêu người khác, làm cho họ đau khổ vì “ta”. Thế giới trở thành một bãi chiến trường cũng vì cái “ta”.

**7/Biên Kiến:** nghĩa là chấp một bên, nghiêng về một phía, có một thành kiến cực đoan. Có hai lối chấp sai lầm lớn nhất là:

- Thường Kiến: chấp thường, nghĩa là chấp rằng khi chết rồi, cái “ta” vẫn tồn tại mãi, người chết sẽ trở lại làm người, thú chết sẽ trở lại làm thú, thánh nhân chết trở lại làm thánh nhân; chấp có một linh hồn vĩnh hằng bất tử. Do chấp thế nên cho rằng tu cũng vậy, không tu cũng vậy, không sợ tội ác, không làm việc thiện. Lối chấp này, kinh Phật gọi là “Thường kiến ngoại đạo”.

- Đoạn Kiến: chấp đoạn, nghĩa là chấp rằng chết rồi là mất hẳn, không còn gì tồn tại nữa; tội cũng không mà phúc cũng chẳng còn. Do họ chấp vậy nên không tin nhân quả luân hồi, mặc tình làm các điều tội lỗi. Họ cho rằng, tu nhân tích đức già đời cũng chết, hung hăng bạo ngược tất thờ cũng không còn. Có người gặp phải những cảnh buồn lòng, ngược ý, những chuyện tình duyên trắc trở, tưởng rằng chết là hết khổ đau, là giải thoát tất cả, nên họ không ngần ngại mượn chén thuốc độc, hay dòng sông sâu để kết liễu đời mình. Họ đâu có ngờ rằng chết rồi vẫn chưa hết, vì sân hận tự sát mà thân sau rơi vào ba đường ác, chịu thêm đau khổ vô cùng! Những lối chấp này,

kinh Phật gọi là “Đoạn kiến ngoại đạo”.

8/**Kiến Thủ Kiến**: nghĩa là chấp chặt sự hiểu biết sai lầm của mình. Kiến thủ có hai phương diện:

- Kiến thủ vì không ý thức được sai lầm của mình: hành vi của mình sai trái, ý kiến của mình sai lầm, nhưng vì không đủ sáng suốt để nhận thấy, nên cứ bảo thủ hành vi, ý kiến của mình, tự cho là giỏi, ai nói cũng không nghe.

- Kiến thủ vì tự ái hay cứng đầu cố chấp: biết mình làm thế là sai, nói như vậy là dở, nhưng vì tự ái cứ bảo thủ cái sai cái dở của mình, không chịu thay đổi. Như ông bà trước đã lỡ theo tà đạo, nay con cháu vẫn biết là tà, nhưng cứ theo như thế mãi không chịu đổi; hay như cha mẹ trước đã lỡ làm nghề tội lỗi, đến đời con đời cháu vẫn cứ bảo thủ nghề ấy không chịu thay nghề khác; v.v... Họ cứ nói cùn: “Xưa sao nay vậy” hay “Xưa bày nay làm”. Nói rộng ra trong thế giới, có một số đông người, mặc dù thời thế đã thay đổi, tiến bộ mà họ vẫn cứ giữ lại những lề thói, cổ tục hủ bại mãi. Chẳng hạn như ở Việt Nam ta, đến bây giờ mà vẫn có những Phật tử, hễ trong nhà có người chết là giết lợn gà để cúng lễ; mỗi khi tuần thất hay giỗ chạp, thì đốt áo quần giấy tiền vàng mã;



mỗi năm phải hội họp để cúng tế tà thần, ác quỷ, v.v... Chấp chặt những hủ tục như thế, đều thuộc về “Kiến thủ” cả.

**9/Giới Cẩm Thủ Kiến:** nghĩa là làm theo lời răn cấm của ngoại đạo tà giáo. Nhưng sự răn cấm này nhiều khi thật vô lý, mê muội, dã man, không làm sao đưa người ta đến sự giải thoát được, thế mà vẫn có nhiều người tin và làm theo. Chẳng hạn như ở Ấn Độ, có phái ngoại đạo lấy đá dẫn bụng, đứng một chân giữa trời nắng, nằm chỗ bắn thủ, leo lên cao nhảy xuống, gieo mình vào lửa, hay nhảy xuống sông trầm mình để được phúc. Có đạo, mỗi năm lại bắt tín đồ giết một người để tế thần. Những thứ cuồng tín như thế, không làm cho cuộc đời sáng sủa, mà còn làm đen tối, khổ đau thêm.

**10/Tà Kiến:** tà là sai lầm, không đúng, nghĩa là chấp theo lối tà, không chân chính, trái với sự thật, trái với luật nhân quả. Nói một cách khác, Tà kiến nghĩa là mê tín dị đoan, như thờ đầu trâu, đầu cọp, bình vôi, ông táo, xin thẻ, bói quẻ, xem sao, cúng hạn, đốt vàng mã, v.v... Nói rộng ra, cả bốn món chấp trên (Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cẩm Thủ Kiến) đều thuộc vào Tà kiến cả.

▪ Mười thứ Căn Bản Phiền Não này còn gọi là

Thập Sử hay Thập Kết Sử vì chúng có sức mạnh trói buộc (Kết) loài hữu tình không cho ra khỏi Tam Giới (ba cõi) và khiến cho (Sử) chúng sinh phải quay lộn trong vòng sinh tử luân hồi, từ đời này đến kiếp nọ, và phải chịu không biết bao nhiêu điều khổ não; cũng gọi là Thập Hoặc vì chúng là những nhận thức mê lầm (Hoặc) gây ra phiền não, làm che mờ tâm thức.

Nếu rút gọn lại thì còn sáu loại là: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Kiến, gọi là Lục Hoặc hay Lục Phiền Não.

Trong đó Kiến bao gồm năm thứ Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến, Tà Kiến, gọi là Ngũ Lợi Sử, là những món phiền não rất lạnh lẽ, dễ sinh khởi mà cũng dễ trừ bỏ (lợi là lạnh lợi). Năm thứ Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, gọi là Ngũ Độn Sử, là những món phiền não nặng nề, chậm chạp, sinh khởi một cách ngấm ngấm, sâu xa, nhưng mãnh liệt, khó dứt trừ (độn là chậm lụt).

Mười thứ Phiền Não trên tạo thành 88 món Kiến Hoặc, là loại mê lầm do vọng chấp của ý thức sinh ra, thuộc loại mê lầm cạn cợt, dễ phá trừ. Riêng bốn thứ Độn Sử: Tham, Sân, Si, Mạn, lại tạo thành 81 phẩm Tư Hoặc, là loại mê lầm ăn

sâu gốc rễ từ kiếp vô thủy, rất khó diệt trừ. Ngoài ra còn có hai thứ Hoặc nữa là Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc: Trần Sa Hoặc là cái mê lầm như cát bụi của chúng sinh; Vô Minh Hoặc là cái mê lầm không rõ được bản chất Chân tâm (Phật tính), nó rất vi tế, là gốc của tất cả mọi mê lầm, nên được gọi là Căn Bản Vô Minh (Vô Minh gốc rễ). Như thế nên Kiến Hoặc, Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc cũng được gọi là Chi Mạt Vô Minh (Vô Minh cành ngọn), tất cả mọi Phiền Não đều có thể gọi chung là Vô Minh. (Bốn loại Kiến Hoặc, Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, Vô Minh Hoặc được gọi là Tứ Hoặc).

Nguyên nhân của khổ là nghiệp báo của chúng ta tự làm ra, nghiệp báo đó tự chúng ta phải chịu, nó bắt nguồn bởi Vô Minh từ thời vô thủy đến nay, do bị Vô Minh mê hoặc mà khiến thân miệng ý tạo tác gây ra Nghiệp, do có tạo nghiệp mà chịu khổ, rồi lại do Khổ mà sinh mê hoặc (Hoặc). Ba khâu Hoặc-Nghiệp-Khổ kết lại với nhau thành vòng sinh tử luân hồi lưu chuyển mãi không thôi.

Vòng sinh tử luân hồi được Phật nói tới trong giáo lý Duyên khởi gồm mười hai chi phần nhân duyên (Thập Nhị Nhân Duyên).

## Thập Nhị Nhân Duyên

Người đời, vì không hiểu sự vật trong vũ trụ này từ đâu mà có, cho nên sinh ra nhiều quan niệm sai lầm. Có người nghĩ rằng vũ trụ do tự nhiên sinh. Có người lại nghĩ vũ trụ do một vị thần toàn trí, toàn năng tạo ra, v.v...

Theo đạo Phật thì vũ trụ là vô thủy, nghĩa là không có điểm khởi đầu, và mọi sự mọi vật trong vũ trụ không thể đứng riêng một mình mà có được; trái lại, phải nương nhờ nhau mà thành. Nói một cách khác, từ vật lớn cho đến vật nhỏ, từ vật hữu hình cho đến vô hình, đều không ngoài nhân duyên mà có. Vì thế, trong kinh Phật thường nói: “*Chư pháp tòng duyên sinh*”.

Khi Đức Thích Ca thành đạo, đã chứng được đạo lý rất tinh vi, rất xác thực. Đó là đạo lý, trong vũ trụ không kể là loài có mạng sống hay không có mạng sống, đều do “nhân” trong “duyên” ngoài hợp lại mà thành, không có một đáng siêu hình nào đứng ở đằng sau làm chủ cả. Chính bản thân của vạn vật cũng không có bản thể bền vững mãi không tan. Tất cả đều do nhân duyên sum họp thì sinh, nhân duyên phân tán thì diệt. Sinh diệt diệt tiếp nối nhau không cùng tận, đó là tướng trạng chung của vạn vật trong vũ trụ. Đức



Phật nói rõ về nhân sinh quan, chỉ rõ nguồn gốc sinh tử, chưa có một học thuyết nào sánh kịp.

“Nhân duyên” là thế nào? Nhân là nguyên nhân, chỉ cho những sự vật chính nó làm nhân, trực tiếp sinh ra một vật khác. Duyên là trợ duyên, chỉ cho những vật gì có tính cách trợ giúp trực tiếp hay gián tiếp cho vật khác được thành.

Ta lấy một đồ vật ra làm thí dụ, như muốn có cái chén uống nước, phải dùng đất làm “nhân”, nước, lửa, nhân công làm “duyên”; khi đủ nhân duyên thì thành cái chén (cái chén là “quả”). Cái chén ấy dùng lâu hoặc lỡ tay rơi xuống đất vỡ mất, đó là nhân duyên tan.

Như hạt lúa làm “nhân” sinh ra cây lúa; phân, nước, ánh sáng, nhân công... là trợ “duyên” giúp cho hạt lúa được thành cây lúa. Vậy nhân duyên là chỉ cho các vật làm nhân cho nó mà cũng vừa là trợ duyên cho tất cả vật xung quanh nó.

Chữ “nhân duyên” lại có nghĩa thứ hai: Các vật đều là “nhân”, các “nhân” đó “duyên” với nhau mà thành ra các vật khác. Như vôi, gạch, ngói, gỗ, v.v... là nhân, các nhân này duyên nhau (nuôi giúp) mà thành ra cái nhà. Vì các pháp trùng điệp nhiều lớp làm duyên cho nhau, mà thành ra vật thể này hay thể khác, nên trong kinh

chép: “*Chư pháp trùng trùng duyên khởi*”.

Bất cứ cái gì cũng có thể lấy lý nhân duyên mà giải thích được. Vật không có mạng sống là như thế, đến mọi vật có mạng sống cũng vậy, như con người chúng ta cũng là do nhân duyên hợp lại mà có.

Các pháp do nhân duyên hòa hợp sinh. Những nhân duyên sinh tử luân hồi của loài người chúng ta có mười hai loại, tức là chia làm mười hai đoạn để xem xét. Có thể gọi là quan niệm về nhân sinh của Phật giáo, cũng chính là đem Khổ Đế và Tập Đế ra phân tích cho rõ ràng. Mười hai nhân duyên gồm: 1.Vô Minh, 2.Hành, 3.Thức, 4.Danh Sắc, 5.Lục Nhập, 6.Xúc, 7.Thụ, 8.Ái, 9.Thủ, 10.Hữu, 11.Sinh, 12.Lão Tử.

Mười hai nhân duyên cũng gọi là “mười hai duyên khởi” hay “mười hai chi”.

1/**Vô Minh**: là không sáng, tối tăm, mờ ám, si mê, v.v..., cũng gọi là Phiền Não. Trong mười hai nhân duyên, Vô Minh này là Căn Bản Vô Minh (Vô Minh gốc rễ), là gốc sinh ra các Vô Minh sau; còn “Ái, Thủ, Hữu” là Chi Mạt Vô Minh (Vô Minh cành ngọn).

2/**Hành**: là hành động, tạo tác. Do Vô Minh phiền não nổi lên, làm cho thân miệng ý tạo tác.

Khi làm việc thiện, khi làm việc ác, khi làm việc không thiện không ác (vô ký), có chủ ý đều tạo thành “nghiệp” cả. Hành là gốc của Nghiệp.

Vô Minh và Hành, hay nói cách khác, Hoặc và Nghiệp là hai cái “nhân” của mỗi người đã tạo ra từ kiếp quá khứ, tức là nói rõ về Tập Đề.

3/**Thức**: là sự phân biệt tác dụng của tâm, là khởi vọng niệm. Thần thức bị Hoặc Nghiệp dẫn dắt, khi gặp cha mẹ giao hợp thì đầu thai. Con người là do Thức làm nhân, cha mẹ làm duyên; nhân duyên ấy sum họp mà thành người.

4/**Danh Sắc**: là thân tâm. Trong thân thể người có hai phần:

- Phần tinh thần (tâm) chỉ có tên gọi, chứ không có hình sắc nên gọi là Danh. Danh là bốn Vô Sắc Ấm (bốn Uẩn): thụ, tưởng, hành, thức.

- Phần vật chất do Tứ Đại kết hợp, có hình sắc nên gọi là Sắc, tức Sắc Ấm.

Khi Thần thức đầu thai rồi, tinh thần và vật chất dần dần kết hợp thành hình thai nhi, lúc đó tâm thức rất mờ tối mà hình thể cũng chưa đầy đủ. Vì vậy không gọi là Thân Tâm mà gọi là Danh Sắc.

5/**Lục Nhập**: nghĩa là sáu chỗ vào, chỉ cho sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) là chỗ của sáu

trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) phản ảnh vào. Mắt thấy được hình sắc, tai nghe được âm thanh, mũi ngửi được mùi, lưỡi nếm được vị, thân thể cảm giác được sự tiếp xúc nóng lạnh đau ngứa..., ý suy nghĩ được mọi sự. Thai nhi trong bụng mẹ được vài tháng, dần dần hình thành sáu căn, tuy cũng đã cảm nhận được đôi chút, nhưng chưa được tác dụng hoàn toàn, nên gọi là Lục Nhập.

6/**Xúc**: là tiếp xúc. Sau khi ra khỏi bào thai, sáu căn (giác quan) thường gặp gỡ tiếp xúc với sáu trần (ngoại cảnh), như mắt tiếp xúc với sắc (mọi thứ có hình dáng, màu sắc), tai tiếp xúc với tiếng, mũi tiếp xúc với mùi, lưỡi tiếp xúc với vị, thân tiếp xúc với ấm lạnh, trơn nhám, ý tiếp xúc với các pháp (mọi sự). Đây là nói khi sinh ra khỏi bụng mẹ được hai ba năm rồi, tiếp xúc với cảnh ngoài, phát khởi sự nhận biết đơn giản, chưa phân biệt được khổ, sướng, chưa có cảm tình yêu ghét, nên gọi là Xúc.

7/**Thụ** (Thọ): là lãnh nhận. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, rồi lãnh nhận những cảnh vui hay buồn, sướng hay khổ, hay cảnh bình thường. Đây là nói từ bốn năm tuổi đến mười bốn mười lăm tuổi, tâm thức dần dần phát huy, biết



thích đồ ăn đồ uống đồ chơi, gặp cảnh thuận ý thì biết vui sướng, gặp cảnh trái ý thì biết đau khổ, tùy lúc mà phát sinh tình cảm yêu ghét, nên gọi là Thụ.

Từ Thức đến Thụ, cộng thành năm giai đoạn, tức là đem Khổ Đế nói rõ ra, cũng là năm “quả” kết thành thân người ở kiếp này.

8/Ái: là ưa muốn. Khi gặp cảnh vui thì sinh lòng tham, muốn làm sao cho được; khi gặp cảnh khổ thì sinh tâm sân hận, buồn rầu, muốn xa lìa; gặp cảnh bình thường thì si mê. Đây là cái động cơ thúc đẩy thân, miệng, ý, tạo tác các nghiệp. Ái là thời kỳ từ mười sáu mười bảy tuổi đã khởi lên ý thích tiền của, sắc đẹp, danh tiếng, ăn ngon, sinh ra mọi thứ ham muốn, tham mến không cùng, dính mắc trong tâm không chịu buông bỏ.

9/Thủ: là giữ lấy, tìm cầu; nói rộng ra là các hành động tạo tác. Do gặp cảnh thuận thì tham cầu, gặp cảnh nghịch lại sân, si muốn xa lìa; mục đích là muốn tìm phương này kế nọ để bảo thủ cho được bản ngã của mình. Do đó mà tạo ra các nghiệp sinh tử. So với Ái thì Thủ tiến hơn một bậc nữa, khi đã thành nhân rồi, cái tâm tham muốn tăng mãi lên, quyết lấy cho được mới thỏa lòng tham muốn, vì thế mới gây ra ba nghiệp

“thân, miệng, ý”.

10/**Hữu**: là có. Vì kiếp hiện tại đã gây nghiệp, tạo nhân lành hay dữ do mình làm ra, thì kiếp sau quyết định phải “có” quả khổ hay vui mà mình phải lãnh nhận.

Ái và Thủ tức là cái Hoặc ở kiếp hiện tại, Hữu là cái Nghiệp ở kiếp hiện tại. So với Vô Minh và Hành ở kiếp quá khứ cũng cùng một dạng, đó là đem Tập Đế phân tích rõ ra, cũng là ba cái “nhân” mà kiếp hiện tại đã gây nên.

11/**Sinh**: là sinh ra. Do “Ái, Thủ, Hữu” làm nhân hiện tại tạo ra các nghiệp, cho nên kiếp sau phải sinh ra để lãnh nhận quả báo.

12/**Lão Tử**: suy biến gọi là Lão, hoại diệt gọi là Tử, nghĩa là già, chết. Đã có sinh ra, tất nhiên phải chịu các khổ già và chết, v.v...

Sinh và Lão Tử, đó là đem Khổ Đế mà phân tích rõ ra, cũng là hai “quả” ở kiếp sau. Nhưng kiếp sau có thể sinh làm người, có thể sinh làm thân khác trong Lục đạo luân hồi, tùy theo Nghiệp mà nhận Báo.

Mười hai nhân duyên liên quan mật thiết với nhau thông cả kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai, vừa làm quả cho nhân trước, vừa làm nhân cho quả sau. Do hai nhân kiếp quá khứ sinh ra năm quả

kiếp hiện tại, lại do ba nhân kiếp hiện tại, sinh ra hai quả kiếp vị lai. Vô Minh khởi sinh Hành, Hành khởi sinh Thức, Thức khởi sinh Danh Sắc, Danh Sắc khởi sinh Lục Nhập, Lục Nhập khởi sinh Xúc, Xúc khởi sinh Thụ, Thụ khởi sinh Ái, Ái khởi sinh Thủ, Thủ khởi sinh Hữu, Hữu khởi sinh Sinh, Sinh khởi sinh Lão Tử. Mười hai nhân duyên nối tiếp không dứt theo thời gian và làm cho chúng ta phải mãi mãi bị sinh sinh tử tử, xoay vần không ngớt, như thế gọi là luân hồi.

Nguồn gốc của luân hồi không ngoài Hoặc (mê lầm) làm “duyên” và Nghiệp (hành động) làm “nhân” gây ra “quả khổ” sinh tử. Có thể tóm lược như sau:

1.Vô Minh (Hoặc), 2.Hành (Nghiệp): là hai “nhân duyên” kiếp quá khứ. Tập Đề.

3.Thức (Khổ), 4.Danh Sắc (Khổ), 5.Lục Nhập (Khổ), 6.Xúc (Khổ), 7.Thụ (Khổ): là năm “quả khổ” kiếp hiện tại. Khổ Đề.

8.Ái (Hoặc), 9.Thủ (Hoặc), 10.Hữu (Nghiệp): là ba “nhân duyên” kiếp hiện tại. Tập Đề.

11.Sinh (Khổ), 12.Lão Tử (Khổ): là hai “quả khổ” kiếp vị lai. Khổ Đề.

Chung quy, Hoặc Nghiệp Khổ đều do gốc từ sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Vì sáu căn

tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) mà khởi lên tham sân si mạn nghi kiến (Hoặc), rồi khiến cho ý nghĩ, miệng nói, thân hành động mà tạo ra Nghiệp, do nghiệp mà phải chịu quả Khổ, trôi lăn mãi trong vòng sinh tử luân hồi.

### 3-Diệt Đế

Diệt Đế là chân lý chắc thật, trình bày rõ ràng hoàn cảnh quả vị an lành tốt đẹp mà chúng sinh sẽ đạt đến khi đã diệt trừ hết những nỗi khổ và những nguyên nhân của đau khổ, nói chung Diệt Đế tức là Niết Bàn.

Nghe pháp Tứ Đế nhận rõ Khổ Tập, bằng tự lực đoạn trừ phiền não, người tu trong địa vị Kiến Đạo phá trừ được Kiến Hoặc thì chứng Sơ quả Tu Đà Hoàn. Tu đến địa vị Tu Đạo sẽ phá trừ dần Tư Hoặc, chứng các quả vị Nhị quả Tư Đà Hàm, Tam quả A Na Hàm, và khi đoạn hết Tư Hoặc thì chứng Thánh quả cao nhất của Thanh Văn là Tứ quả A La Hán. Chứng đến A La Hán thì không còn sinh tử luân hồi trong Tam Giới nữa, không còn khổ não, được vào cảnh giới Niết Bàn.

Tu theo pháp Quán Nhân Duyên, đoạn sạch Kiến Tư Hoặc thì chứng quả Duyên Giác (Bích Chi Phật). Người không tu đạo thì thuận theo



mười hai nhân duyên mà trôi lăn mãi trong sinh tử luân hồi, gọi là Lưu Chuyển Sinh Tử Môn. Còn Duyên Giác thì ngược lại, nhờ tu pháp Quán Nhân Duyên, diệt trừ Ái Thủ Hữu, chặt đứt móc xích mười hai nhân duyên, giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, gọi là Hoàn Diệt Niết Bàn Môn. (Thanh Văn thuộc Tiểu Thừa, Duyên Giác thuộc Trung Thừa, gọi chung là Nhị Thừa).

Nhưng, đoạn được Kiến Tư Hoặc mới chỉ thoát khỏi Phân Đoạn Sinh Tử của phàm phu trong Tam Giới, vẫn còn Biến Dịch Sinh Tử ngoài Tam Giới. Phải tu Đại Thừa Bồ Tát Đạo mới phá hết được Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc, khi phá hết sạch Vô Minh mới thoát khỏi Biến Dịch Sinh Tử, chứng quả Diệu Giác thành Phật. Nhiều bậc A La Hán và Duyên Giác, sau khi đắc quả lại phát tâm quay về Đại Thừa rộng lớn chứ không tự mãn ở quả vị đã chứng.

A La Hán, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật đều chứng cảnh giới Niết Bàn, nhưng phạm vi rộng hẹp và sự rốt ráo của mỗi bậc khác nhau xa.

Niết Bàn có nhiều nghĩa, ngôn ngữ không thể diễn tả trọn vẹn được, hiểu sơ lược là “ra khỏi rừng mê”, “không dật ra sinh tử”, “bất sinh” (không sinh ra, không sinh các thứ mê lầm tội lỗi), “giải thoát” (thoát ra ngoài sự ràng buộc), “tịch diệt” (vắng lặng

an lành, dứt sạch nguồn gốc mê lầm), “diệt độ”, “viên tịch”. Niết Bàn chia ra Hữu Dư Y Niết Bàn, Vô Dư Y Niết Bàn, Vô Trụ Xứ Niết Bàn và Tính Tịnh Niết Bàn.

Niết Bàn mà Phật chứng đắc là Tính Tịnh Niết Bàn thuộc loại Vô Dư Y Niết Bàn. Đó là sự thể nhập vào bản thể sáng suốt, thanh tịnh, đầy đủ bốn đức: Thường (không biến đổi), Lạc (không còn khổ não, luôn an vui), Ngã (hoàn toàn tự chủ, không bị nội tâm hay ngoại cảnh chi phối), Tịnh (không còn ô nhiễm, luôn thanh tịnh, trong sáng). Bản thể ấy không phải hư vô tịch diệt, không phải chết lặng, mà là sống động, có đầy đủ công năng, một sự sống động vắng lặng, mà trong kinh thường gọi là “tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch” (vắng mà thường soi, soi mà thường vắng). Cảnh giới Niết Bàn phải thực chứng mới cảm nhận được, sự diễn tả Niết Bàn bằng ngôn ngữ thế gian còn cách xa muôn trùng.

## 4-Đạo Đế

Đạo Đế là con đường đúng đắn, là những phương pháp đúng đắn, chắc thật để diệt trừ đau khổ. Đó là chân lý chỉ rõ con đường quyết định đi đến cảnh giới Niết Bàn. Nói một cách giản dị, đó

là những phương pháp tu hành để “thoát khổ được vui”.

Đạo Đế gồm 37 đạo phẩm, chia ra làm bảy khoa, gồm: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chính Cần, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phận, Bát Chính Đạo Phận.

Trong đó, Bát Chính Đạo (Bát Chánh Đạo) được coi là pháp môn chính trong bảy khoa của Đạo Đế, vì pháp môn này rất đầy đủ, có thể bao gồm được các pháp môn khác. Vì chẳng thiên lệch, tà vạy nên gọi là Chính; vì đó là những đường lối để đạt đến Niết Bàn nên gọi là Đạo. Chính Đạo là những con đường lớn giúp ta siêu phàm nhập Thánh, là phương pháp để thành tựu Thánh quả nên còn gọi là Bát Thánh Đạo, Bát Thánh Đạo Phận (tám phần Thánh Đạo). Thường được gọi theo nghĩa Việt là Phương Pháp Tám Đúng, Chính Đạo Tám Ngành.

Phương pháp này phù hợp với mọi căn cơ, mọi thời đại, mọi nơi; đối với Tiểu Thừa cũng như Đại Thừa, người phương Đông, người phương Tây, ai cũng có thể áp dụng tu tập. Bát Chính Đạo bao gồm hai phương diện: pháp lành thế gian và pháp giải thoát xuất thế gian. Từ pháp thế gian mà nói, đó là một loại luân lý học, hướng

dẫn con người bỏ ác hướng thiện, dựa vào Bát Chính Đạo thể gian thực hành thì sẽ thành thiện nhân quân tử; từ pháp xuất thế gian mà nói, dựa vào Bát Chính Đạo thực hành thì sẽ được giải thoát sinh tử luân hồi mà vào cảnh giới Niết Bàn.

## **Bát Chính Đạo**

1/**Chính Kiến** (Chánh Kiến): nghĩa là sự hiểu biết, nhận thức đúng đắn, cách nhìn hay quan điểm đúng đắn, kiến giải chính xác, nhận thức đúng chính pháp, nhận xét sự vật không bị tập quán, thành kiến, dục vọng ngăn che hay làm sai lạc, phân biệt được cái nào giả, cái nào thật, cái nào hơn, cái nào kém một cách rõ ràng. Chính Kiến là trung tâm của Đạo Đế, đứng đầu Bát Chính Đạo, nó là con mắt trí tuệ để dẫn dắt mọi người, nhất là người tu đi đúng đường.

Đối với pháp thế gian, làm người phải nhận thức nghiệp báo thiện ác, nhân quả ba đời một cách chính xác, “trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu”, làm việc thiện chắc chắn sẽ được quả báo tốt, làm việc ác chắc chắn sẽ bị quả báo xấu, không báo ứng ở kiếp này sẽ báo ứng ở kiếp sau; nhận thức rằng, kính tín Tam Bảo, hiếu thuận cha mẹ, giữ giới làm lành là việc cần làm. Đó là Chính Kiến. Ngược lại là Tà Kiến.



Đối với pháp xuất thế gian, Chính Kiến là trí tuệ nhận thức rõ trong cuộc đời này tất cả đều vô thường, không có gì là thật của mình cả, ngay thân tâm mình cũng chỉ là sự kết hợp tạm thời của Tứ Đại Ngũ Uẩn, cuối cùng sẽ tan rã, mọi sự vui trong kiếp người rất ngắn ngủi, chung quy đều là giả tạm; tin chắc theo lời Phật dạy, có mười pháp giới, có sáu nẻo luân hồi, có cõi này cõi khác, có kiếp này kiếp khác, ta không chỉ có một kiếp sống này, mà đã từng luân hồi từ nhiều kiếp trước, và sẽ còn có kiếp sau. Đời sống hiện tại chịu cảnh Tam Khổ, Bát Khổ, tuy đã là khổ, nhưng nỗi khổ luân hồi trong Địa ngục còn khủng khiếp biết bao.

Có thể thoát khổ được không? Có! Rất nhiều bậc hiền nhân tu sĩ đã được thoát khỏi mọi nỗi khổ nhờ tu tập đạo giải thoát. Nhận ra được khổ từ Khổ Đế rồi, biết nguyên nhân của khổ từ Tập Đế rồi, biết nhờ tu tập đạo giải thoát mà được thoát khổ rồi, vậy thì tại sao chúng ta không tu để được thoát khổ? Muốn thoát khổ luân hồi thì không thể nhờ vào sự tiến bộ của khoa học, hoặc bất kỳ một tôn giáo, một tín ngưỡng, một môn phái hay một đạo nào khác, mà chỉ nương nhờ giáo pháp của Đức Phật Thích Ca dạy mới giúp cho chúng ta tu tập được thật sự giải thoát.

Vì căn cơ chúng sinh muôn vàn sai khác, thời đại thay đổi, nên Phật dạy nhiều môn tu. Người tu phải tùy theo căn cơ và thời đại để chọn cách tu cho phù hợp. Thời Chính pháp, chúng sinh căn cơ nhạy bén, người tu tự lực trì Giới, tham Thiền, phá trừ được Kiến Tư Hoặc, chứng quả A La Hán ngay trong khi còn là thân người rất nhiều, đến thời Tượng pháp chỉ còn người tu Thiền đặc đạo. Nay cách xa Phật, đã là thời Mạt pháp, chúng sinh căn cơ chậm lụt, Phật dạy trong kinh Đại Tập: *“Mạt pháp ực ực nhân tu hành hãn nhất đặc đạo, duy y niệm Phật đặc độ sinh tử”*, nghĩa là: *“Thời Mạt pháp, chục tỷ người tu hành, hiếm có một người đặc đạo, chỉ nhờ niệm Phật mà thoát sinh tử luân hồi”*. Nên hiện nay các pháp dùng tự lực tu hành như các môn Thiền Quán, dù có đem lại cho hành giả tâm thái khinh an, tuy có thể nhập định, nhưng chỉ đạt ở tầng thấp, chưa thể phá trừ Kiến Tư Hoặc để được giải thoát như các bậc A La Hán thời Phật tại thế. Mấy trăm năm nay rất hiếm hoi có người thật sự chứng đắc. Bậc căn cơ cao tự lực tu hành, dầu có thể chứng sơ quả Tu Đà Hoàn, nhưng còn phải sinh trở lại nhân gian hoặc cõi trời Dục Giới bảy lần nữa để tu mới đắc quả A La Hán, rồi phát tâm tu Bồ Tát đạo trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp mới thành Phật, thời gian lâu vô cùng.

Thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Nay được thân người, gặp được Phật pháp, dầu rằng tu theo pháp môn nào của Phật cũng tốt, đều mang đến sự an lạc trong cuộc sống, nhưng nếu tu theo pháp môn không hợp thời, tự lực tu chưa chứng quả, thì sau khi chết vẫn trở lại Lục đạo luân hồi, biết kiếp sau có được gặp Phật pháp để tu tiếp nữa hay không? Vô cùng khó! Chính vì thế mà xưa nay có rất nhiều bậc Thiên sư căn cơ cao, sau khi chứng đạo thì quay về chuyên tu Tịnh Độ, thương xót chúng sinh, làm gương mẫu khuyến khích mọi người niệm Phật. Các sư nước ta từ xưa đến nay đa số niệm Phật tu Tịnh Độ.

Pháp môn Niệm Phật được Đức Phật Thích Ca dạy trong ba kinh Tịnh Độ (kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà) và trong nhiều bộ kinh Đại thừa, chính là pháp môn căn cứ theo nguyện lực của Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc. Tất cả chúng sinh từ Bồ Tát Đẳng Giác trở xuống đều được nhờ Phật lực cứu độ. Nói thực tế ở thế gian này từ các bậc xuất gia tu hành cho đến tất cả mọi người trong xã hội ai cũng được Phật A Di Đà cứu, không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng, trình độ, giai cấp, cho dù người trong đời đã từng gây ra nhiều tội ác chỉ cần quay

đầu hướng thiện tu trì đều được cứu.

Phương pháp tu rất dễ thực hành, chẳng phiền phức, chẳng tốn tiền, dù không có thầy trực tiếp truyền dạy, chỉ cần học từ kinh sách, thành thật tiếp nhận lời của các Thầy Tổ, những bậc chân tu chỉ dạy, cốt sao trong lòng thật sự thành kính, tin tưởng vững vàng, giữ tâm lành niệm Phật, nguyện được vãng sinh, thì hiện đời được Phật Bồ Tát thiện thần bảo hộ, tuy chẳng cầu phúc báo thế gian mà tự nhiên vẫn được phúc báo, thân tâm an vui, tăng phúc tăng thọ, yên ổn thuận lợi. Sau khi xả bỏ báo thân, dù chưa chứng Tam Muội, chưa phá trừ được Nghiệp Hoặc, chưa chứng đắc Thánh quả, vẫn nhờ Phật lực tiếp dẫn mà được “đổi nghiệp vãng sinh” (mang theo nghiệp vãng sinh), thoát ngay ra khỏi Lục đạo luân hồi, chấm dứt sinh tử. Vãng sinh về thế giới Cực Lạc thác hóa trong hoa sen, nhập định tu hành đến khi Hoặc Nghiệp tiêu trừ, hoa nở sẽ hóa sinh ra thành bậc Thánh, được sống trong môi trường thanh tịnh, đầy đủ điều kiện tu học tốt nhất, gặp Phật A Di Đà, nghe Ngài thuyết pháp tiến tu, lúc đó bao nhiêu Vô Minh đều được tiêu trừ, minh tâm kiến tính, chỉ trong một kiếp sống mà được thành Phật. Đây là pháp môn Phật Lực (Tha Lực), là pháp



đặc biệt trong nhà Phật, là con đường tắt vượt thoát luân hồi, giải thoát dễ dàng và chắc chắn nhất, nhanh chóng thành Phật đạo nhất. Quan trọng là phải có lòng tin sâu sắc, tâm nguyện tha thiết, thực hành niệm Phật chuyên cần, ba tư lương Tín-Nguyện-Hành đầy đủ kiên cố là được.

Người vãng sinh từ xưa đến nay nhiều vô kể, được các bậc đạo cao đức trọng ghi chép thành sách lưu truyền. Ngày nay các gương tiêu biểu như Hòa thượng Hải Khánh vãng sinh năm 1991, Hòa thượng Hải Hiền vãng sinh năm 2013, các Ngài đều không biết chữ, cả đời chỉ giữ tâm lành niệm câu “A Di Đà Phật” mà sau khi vãng sinh, lưu lại nhục thân xá lợi, thân xác còn nguyên với tư thế ngồi kết già trong môi trường tự nhiên, hiện đang thờ tại chùa Lai Phật, tỉnh Hà Nam, Trung Hoa; Hòa thượng Thích Minh Đức ở nước ta vãng sinh năm 1985, lưu lại nhục thân xá lợi trong tư thế nằm, hiện thờ tại tháp Long Bửu; Đại sư Ân Quang vãng sinh năm 1940, Lão cư sĩ Lý Bình Nam vãng sinh năm 1986, mỗi ngài vãng sinh lưu lại hàng nghìn viên xá lợi ngũ sắc; Hòa thượng Thích Quảng Đức lưu lại trái tim xá lợi năm 1963; Hòa thượng Thích Thiện Tâm lưu lại răng xá lợi năm 1992; Hòa thượng Thích Giác

Khang là sư Nam tông tu Tịnh Độ, vãng sinh năm 2013 lưu lại rất nhiều xá lợi; v.v... Từ xưa đến nay còn biết bao nhiêu người biết trước ngày giờ vãng sinh, đứng vãng sinh, ngồi vãng sinh; người vãng sinh lưu lại tướng lành, sau mười mấy tiếng, khi thân thể lạnh giá mà vẫn mềm mại tươi nhuận thì quá nhiều, khác thường với quy luật tự nhiên, chết sau khi lạnh thì thân cứng đơ. Trong số những người được vãng sinh có đủ mọi tầng lớp, xuất gia, tại gia; có rất nhiều người dân thường, ông già bà lão chẳng có trình độ, chẳng biết Giáo là gì, Thiên là gì, Mật là gì, chỉ thật thà niệm Phật, mà khế hợp với nguyên lực của Phật được vãng sinh.

Nhận thức rõ, sinh tử luân hồi là khổ, trong thời Mạt pháp này chỉ có pháp môn Niệm Phật là con đường tắt duy nhất chắc chắn đưa chúng ta đến Niết Bàn. Đó mới là sự nhận thức đúng chính pháp, mới là Chính Kiến.

**2/Chính Tư Duy:** Tư duy là suy nghĩ phân biệt, Chính Tư Duy là do Chính Kiến đưa đến suy nghĩ phân biệt chính xác, đây là chỉ ý nghiệp. Thường suy nghĩ các thiện pháp chính đạo, không nghĩ đến tham lam tiền tài, đồ đẹp, danh tiếng, ăn ngon, ngủ nhiều (ly dục); không nghĩ đến giận

tức, ghen ghét (vô sân); không nghĩ đến các việc làm tổn hại người và các loài vật (vô hại). Xa lìa hết thấy loạn tưởng, suy nghĩ xằng bậy, trụ trong suy nghĩ trong sạch, chân chính, nghĩ đến điều gì cũng hợp với đạo lý chân chính. Đó gọi là Chính Tư Duy.

Đối với pháp xuất thế gian, khi đã có Chính Kiến, nhận thức được ta là phàm phu sinh tử trong thời Mạt pháp, căn cơ thấp kém, chỉ có thể nhờ vào pháp môn Niệm Phật để thoát ly sinh tử luân hồi, thì chẳng còn mãi mê tham đắm dục vọng thế gian, không còn chần chừ do dự gì nữa, phát tâm Bồ Đề kiên cố, quyết lòng niệm Phật cầu sinh Cực Lạc, giữ ý nghiệp thanh tịnh, tâm chuyên tưởng cõi Tịnh Độ, chuyên chí nơi Tây Phương.

**3/Chính Ngữ:** là nói chính xác, nói đúng chính pháp, đây là chỉ khẩu nghiệp. Tiết chế trong lời nói, thường nói lời ái ngữ, chân chính, hiền thiện, không nói sai sự thật, không thiên vị, không thấy dở nói hay, không xuyên tạc, không nghe một đường nói một ngả, không mắng nhiếc người, không nói lời khiến người khác bị tổn hại.

Người niệm Phật giữ khẩu nghiệp thanh tịnh, ngày đêm niệm danh hiệu Phật, không nói lời ác

khẩu, thị phi, không tranh hơn thua nhân ngã, luôn nói lời hòa nhã, khích lệ nhau tu hành.

**4/Chính Nghiệp:** nghĩa là hành động, làm việc chân chính, đúng với lẽ phải, phù hợp với chân lý, đúng chính pháp, có lợi cho người và vật. Giữ không phạm ba nghiệp của thân: sát sinh, trộm cướp, tà dâm. Luôn thận trọng giữ gìn mọi hành động của mình, để khỏi làm tổn hại đến quyền lợi, nghề nghiệp địa vị, danh giá, hạnh phúc, tính mạng của người khác. Đề cao lương tâm, chấp hành đúng pháp luật, luôn hành động có lợi cho mọi người, mọi vật, thương yêu bảo vệ sinh vật, bố thí tiền của, tuyên dương chính pháp.

Người niệm Phật giữ thân nghiệp thanh tịnh, ngoài việc tu niệm Phật ra, chẳng những không tạo các điều ác mà còn siêng năng thực hành việc thiện.

**5/Chính Mệnh (Chánh Mạng):** Mệnh là sự sống, đời sống, Chính Mệnh là sinh sống một cách chân chính bằng nghề nghiệp lương thiện, trong sạch của mình. Sống một cuộc đời ngay thật, không gian tham, không làm giàu trên mồ hôi nước mắt của người khác, sống một cuộc đời có ý nghĩa lợi mình lợi người.

Người xuất gia không phạm năm Tà Mệnh, đó



là năm việc dùng sự lừa dối làm thủ đoạn mưu sinh, gồm: giả hiện tướng mạo khác lạ khiến người kính ngưỡng; tự khoe tài năng công đức để được người kính trọng; xem tướng tốt xấu, bói toán lành dữ để người tin theo cung phụng; cao giọng lớn tiếng, giả dạng oai nghiêm khiến người kính sợ; dùng lời hoa mỹ nói về lợi ích của việc cúng dàng khiến người động lòng. Còn người tại gia phải tránh các nghề nghiệp không chính đáng, trái lương tâm, trái pháp luật, trái đạo, gây mê tín dị đoan và làm hại chúng sinh, như nghề giết mổ, thợ săn, buôn bán vũ khí, chất gây nghiện, thuốc phiện, rượu, cờ bạc, trộm cướp, mại dâm, dùng thuật bói toán gạt người, buôn thần bán thánh, lợi dụng các việc tâm linh để kiếm tiền, v.v... Giữ lối sống thanh tịnh, chân chính, đúng như cổ đức đã dạy: “Thà giữ chính đạo mà chết, chứ chẳng trái đạo để sống”.

Người niệm Phật cam sống đạm bạc, chẳng làm việc trái đạo để cầu lợi dưỡng.

**6/Chánh Tinh Tiến** (Chánh Tinh Tấn): là siêng năng, nỗ lực đúng chính pháp. Đối với pháp thế gian như nghiên cứu học vấn, kinh doanh sự nghiệp, ngăn trừ việc ác, làm các việc thiện, lợi lạc cho mình cũng như cho người và vật đều phải

ting tiên không lười biếng. Đối với pháp xuất thế gian, ngày đêm siêng năng niệm Phật không gián đoạn, trên cầu Phật đạo, dưới giúp chúng sinh.

**7/Chính Niệm:** là nghĩ nhớ đúng đắn. Đối với pháp thế gian thì nghĩ nhớ đến những điều hay lẽ phải, những điều lợi lạc cho mình cho người, những đạo lý chân chính cao quý. Nghĩ nhớ đến các điều lỗi lầm để thành tâm sám hối; nghĩ nhớ đến bốn ơn nặng: ơn Cha Mẹ, ơn Thầy Tổ, ơn Tam Bảo và ơn Tổ Quốc để lo báo đền. Dùng tâm từ bi xét nghĩ cuộc đời là khổ não, tật bệnh, mê mờ mà chúng sinh đang mắc phải, để mở rộng lòng thương yêu và quyết ra tay giúp đỡ.

Đối với pháp xuất thế gian thì khi niệm Phật luôn quan sát tâm của mình, theo dõi câu Phật hiệu không để quên mất. Luôn nhớ được câu “A Di Đà Phật” tức là giữ được Chính Niệm. Giữ được Chính Niệm là việc quan trọng trong pháp môn Niệm Phật, nhất là đến khi lâm chung.

**8/Chính Định:** Định là tập trung tư tưởng vào việc đang nghĩ, đang làm để thấy cho rõ ràng. Chính Định là tập trung tư tưởng vào vấn đề chính đáng, đúng với chân lý, có lợi ích cho mình và người. Để làm tốt mọi công việc cần có sự tập trung cao độ.

Đối với pháp xuất thế gian, Chính Định là tập trung tinh thần và tâm cảnh bình tĩnh, dùng trí vô lậu để trừ tán loạn, thân tâm tịch tĩnh, nhập vào Thiền Định thanh tịnh vô lậu, xa lìa hết thấy Tà Định (chẳng hạn như thứ Thiền Định vô tâm của ngoại đạo), an trụ tịch tĩnh thì gọi là Chính Định. Người niệm Phật chuyên chí nơi Tây Phương, duyên chặt nơi Đức Phật A Di Đà, chẳng bị cảnh sắc lay chuyển. Khi niệm Phật đến mức thuần thực, niệm mà không còn đối tượng niệm, tuy niệm Phật mà không chấp vào danh hiệu Phật. Đến lúc buông câu Phật hiệu tâm được vắng lặng, chỉ thuần trong suốt thanh tịnh thì đạt được Niệm Phật Tam Muội, đó là Chính Định. Niệm Phật đạt đến cảnh giới này là Vô Thượng Thâm Diệu Thiền, hành giả giác ngộ các pháp vô thường, khổ và vô ngã, phá trừ Hoặc Nghiệp, chứng được Thánh quả, thành tựu giải thoát ngay trong kiếp này. Ngộ được Tự Tính vốn thanh tịnh, đó là Tự Tính Di Đà; lúc đó sẽ thấy được cõi Cực Lạc theo ý của mình, đó là Duy Tâm Tịnh Độ. Các bậc này khi xả bỏ báo thân về Cực Lạc đã “tiêu nghiệp vãng sinh” rồi.

Tam Muội cũng gọi là Tam Ma Địa, Tam là Chính, Muội hay Ma Địa là Định, đó là cảnh giới

đạt được do “tịnh niệm tương kế” như Bồ Tát Đại Thế Chí dạy trong chương Niệm Phật Viên Thông kinh Lăng Nghiêm: Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc Tam Ma Địa, tứ vi đệ nhất (Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối liền, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất).

Thực ra căn cơ con người thời nay, tu bất cứ môn Thiền Định nào, kể cả Niệm Phật Tam Muội cũng vô cùng khó thành tựu. Các môn tu tự lực khó hòng giải thoát. Nhưng với môn Niệm Phật, dù không đạt Chính Định, chưa phá được Hoặc Nghiệp, chỉ cần lúc lâm chung giữ được Chính Niệm, luôn nhớ đến danh hiệu A Di Đà Phật là được vãng sinh, giải thoát khỏi sinh tử luân hồi nhờ thần lực của Đức Phật A Di Đà.

Như pháp “Thiền Tịnh song tu” là muốn hướng người tu Thiền tu thêm Tịnh Độ để có thể nhờ niệm Phật mà được giải thoát sinh tử luân hồi, trong khi tu Thiền là môn tự lực rất khó giải thoát, chứ không phải tu cả Tịnh cả Thiền cho chắc chắn. “Mật Tịnh song tu” hay “Thiền Mật Tịnh tam tu” cũng thế. Người tu Tịnh Độ chỉ *“nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật”*, tu Thuần Tịnh, không tu xen tạp.



▪ Như vậy, Bát Chính Đạo là pháp môn thông dụng, có lợi ích thiết thực và quý báu đối với đời sống của cá nhân người tu hành, đối với xã hội, và đối với đời sống tương lai, có thể tóm tắt như sau:

- Cải thiện tự thân: Nếu người chuyên tu theo Bát Chính Đạo, thì sửa đổi được tất cả mọi sự bất chính, mọi tội lỗi trong đời sống hiện tại của mình, như ý niệm mê mờ, ngôn ngữ điên đảo, hành vi sai trái, đời sống vô luân. Khi những điều này đã được cải thiện, thì cả cuộc đời của mỗi người sẽ chân chính, lợi lạc và thiện mỹ.

- Cải thiện hoàn cảnh: Nếu trong xã hội ai cũng chuyên tu theo Bát Chính Đạo, thì cảnh thế gian sẽ an lành, tịnh lạc, không còn chiến tranh xâu xé giết hại lẫn nhau.

- Sẽ chứng quả Bồ Đề: Người chuyên tu theo Bát Chính Đạo, không những có nhiều lợi lạc trong cuộc đời hiện tại mà còn gây tạo cho mình một tương lai tươi sáng, gieo trồng cho mình hạt giống Bồ Đề, để ngày sau gặt hái quả vô thượng Niết Bàn, đầy đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

▪ Bát Chính Đạo có đủ thứ tự tăng tiến của ba môn học Giới, Định, Tuệ:

- Chính Ngữ, Chính Nghiệp, Chính Mệnh là Giới học, giúp loại bỏ những ác nghiệp, phát huy làm các việc lành. Đối trị Tham. Trong đây bao gồm đủ Ngũ Giới (năm giới, không: sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu), Thập Thiện (mười nghiệp lành: thân không sát sinh, trộm cướp, tà dâm; miệng không nói dối, nói hai chiều, nói thêu dệt, nói lời độc ác; ý không tham lam, sân giận, mê si) và các Giới khác.

- Chính Niệm, Chính Định là Định học, giúp làm yên tĩnh những nhiễu loạn tinh thần. Đối trị Sân.

- Chính Kiến, Chính Tư Duy, Chính Tinh Tiến là Tuệ học, giúp loại trừ ảo vọng để đạt được chân lý. Đối trị Si.



*Không làm các điều ác  
Nên làm các việc lành  
Thanh tịnh tâm ý mình  
Là lời chư Phật dạy.*

(Kinh Pháp Cú)

# LỤC ĐẠO LUÂN HỒI

Vũ trụ bao la vô tận, có vô vàn thế giới, có thế giới thanh tịnh (tịnh độ), có thế giới ô nhiễm (uế độ), mỗi thế giới có một Đức Phật làm giáo chủ giáo hóa chúng sinh, nên một thế giới gọi là một Phật Độ (cõi Phật). Trái Đất ta đang sống chỉ là một nơi rất bé nhỏ trong thế giới Sa Bà, thuộc phạm vi giáo hóa của Đức Phật Thích Ca. Tuy vô số thế giới có đa dạng môi trường sinh sống trong nhiều chiều không gian, nhưng tất cả được quy nạp về Mười Pháp Giới, gồm Tứ Thánh (bốn pháp giới Thánh, gồm: Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn) và Lục Phàm (sáu pháp giới phàm, gồm: Thiên, Nhân, A tu la, Súc sinh, Ngã quỷ, Địa ngục). Nói rộng thì có mười, nói gọn chỉ có hai, đó là: Phật và chúng sinh (Phật-Sinh).

Chúng sinh hay còn gọi là chúng hữu tình, chia ra Thánh Phàm khác nhau. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát là chúng sinh bậc Thánh, các Ngài là chúng sinh ngoài cõi luân hồi. Từ chư thiên trở xuống là chúng sinh phàm phu, đều là chúng sinh trong cõi luân hồi.

Chữ Thánh trong Phật giáo chỉ chung các bậc Thánh xuất thế gian, đã thoát ly sinh tử luân hồi,

còn chữ Thánh trong các tôn giáo tín ngưỡng hay các đạo là từ tôn xưng các vị thần linh hoặc những bậc có nhân cách lớn trong xã hội, đều là chúng sinh trong cõi luân hồi. Tuy dùng chữ Thánh, nhưng đạo quả cũng như trí tuệ khác nhau một trời một vực.

Tất cả chúng sinh phàm phu được quy nạp thành sáu loại, sống trong sáu môi trường lớn, gọi là Lục đạo hay Lục thú, nghĩa là sáu đường hoặc sáu nẻo, hoặc gọi là sáu cõi, gồm: Thiên đạo, Nhân đạo, A tu la đạo, Súc sinh đạo, Ngã quỷ đạo, Địa ngục đạo.

**1- Thiên đạo** (cõi trời): Mỗi Đại Thiên Thế Giới chia ra Tam Giới (ba cõi). Thiên đạo gồm: sáu tầng trời Dục Giới, mười tám tầng trời Sắc Giới và bốn tầng trời Vô Sắc Giới.

Dục Giới là thế giới cư trú của chúng hữu tình đầy dâm dục, tình dục, sắc dục, tham dục, v.v... Cõi này bao gồm: trên là sáu tầng trời, giữa có bốn châu lớn của con người và dưới đến Vô Gian Địa Ngục, v.v... Do vì nam nữ cùng sống chung với nhau, nhiễm các mong muốn, nên gọi là Dục Giới, càng lên cao mức dục càng giảm nhẹ.

Chúng sinh cõi trời Dục Giới thân thể cao lớn, đời sống vui vẻ, thọ mạng dài lâu, có năm



loại thần thông, y phục, thức ăn, châu báu, cung điện tự nhiên hóa thành, tùy theo ý muốn, tiêu dao tự tại.

Siêng năng thực hành Thập Thiện, hiếu dưỡng cha mẹ, bố thí rộng rãi, tạo phúc điền lớn; quy y Chính Pháp, tin Phật, tin nhân quả, trai tăng, cúng Phật, sửa tháp xây chùa, đọc tụng kinh Đại thừa, trang nghiêm tượng Phật, v.v... sẽ được sinh về cõi trời Dục Giới.

Tu Thiện định sẽ tùy theo mức độ đắc định mà sinh về cõi trời Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Sắc Giới, sắc ở đây có nghĩa là thị hiện (hiện rõ), là thế giới cư trú của chúng hữu tình đã xa lìa được dâm dục, thực dục và có đầy đủ sắc chất thanh tịnh. Cõi này nằm trên Dục Giới, không có dục nhiễm, cũng chẳng có hình nữ; chúng sinh ở đây đều do hóa sinh mà có. Cung điện tại đây cao lớn, do sắc hóa sinh, nên hết thảy đều đặc biệt, khác thường. Do vì cõi này có sắc chất nên được gọi là Sắc Giới. Căn cứ vào Thiện định sâu cạn, thô tế mà cõi này được chia thành bốn cấp khác nhau ở trong 18 tầng trời.

Vô Sắc Giới là thế giới cư trú của chúng hữu tình không có vật chất, mà chỉ có bốn tâm là: thụ, tưởng, hành và thức. Cõi này không có vật chất,

thân thể, cung điện, quốc độ gì cả, chỉ lấy tâm thức mà trú trong Thiên định sâu xa vi diệu, nên có tên gọi như vậy. Gồm bốn tầng trời nằm trên Sắc Giới.

Về thời gian thì một ngày đêm ở cõi trời Tứ Vương (tầng trời thấp nhất, ở ngay phía trên cõi nhân gian) bằng 50 năm ở nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Đao Lợi (tầng trời thứ hai) bằng 100 năm ở nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Dạ Ma (tầng trời thứ ba) bằng 200 năm ở nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Đâu Suất (tầng trời thứ tư) bằng 400 năm ở nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Hóa Lạc (tầng trời thứ năm) bằng 800 năm ở nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại (tầng trời thứ sáu) bằng 1.600 năm ở nhân gian, v.v...

Về tuổi thọ thì chư thiên cõi trời Tứ Vương thọ 500 tuổi (bằng 9 triệu năm ở nhân gian), chư thiên cõi trời Đao Lợi thọ 1.000 tuổi (bằng 36 triệu năm ở nhân gian), cứ lên tầng trên lại tăng gấp lên, cho đến chư thiên cõi trời cao nhất là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thọ 84.000 đại kiếp.

Sắc Giới và Vô Sắc Giới chỉ có chúng sinh cõi trời thuộc Thiên đạo cư trú. Năm đường còn lại được nói tới sau đây đều thuộc Dục Giới.

**2- Nhân đạo** (cõi người): Cư trú ở bốn châu quanh núi Tu Di, dưới trời Tứ Vương. Người ở Diêm Phù (Trái Đất chúng ta) vui ít khổ nhiều, tâm luôn chứa đầy phiền não; có các hoạt động tư duy phức tạp, giỏi về phát minh sáng tạo; có sức ý chí mạnh mẽ, có năng lực tạo tác nghiệp nhân thiện và ác, có nhu cầu nội tâm tìm kiếm sự giải thoát.

Muốn tái sinh trở lại cõi người cần phải giữ trọn Ngũ Giới, hiếu dưỡng cha mẹ, lương tâm công bằng, cung kính Tam Bảo.

**3- A tu la đạo** (cõi A tu la): Dịch là “phi thiên” (chẳng phải trời) vì tuy có phúc trời nhưng không có đức trời, lại dịch là “vô đoan” (xấu xí) vì nam rất xấu, nữ rất đẹp, đặt tên theo hình nam. Tuy có phúc của trời, thần thông tự tại, nhưng lại kiêu mạn, sân hận, đồ kỵ, thường thích đấu tranh, chịu khổ không dứt.

Những người dùng tâm bất tịnh để tu Thập thiện nghiệp, không thể nhẫn nhục, tranh cường háo thắng, tính dễ nóng giận, kiếp sau thường sinh về cõi A tu la.

A tu la đạo có khi được gọi là đường lành, có khi được gọi là đường dữ. A tu la có nhiều dạng, cư trú trong bốn đường: Trời, Người, Súc sinh và Ngã quỷ. Ở cõi trời thì thường gây chiến tranh với vua trời Đế Thích. Trên Trái Đất, bọn hay gây gỗ chiến

tranh, cho đến những người tính nóng giận, dù tâm tốt hay xấu đều là A tu la trong loài người.

Cho nên có kinh không nói đến A tu la, chỉ kể năm đường còn lại gọi là Ngũ thú. Ngoài ra còn một loại nữa là Tiên cũng cư trú trong bốn đường: Trời, Người, Súc sinh và Ngã quỷ. Trong kinh Hoa Nghiêm kể thêm cõi Tiên thành bảy đường gọi là Thất thú. Thông thường chỉ nói đến Lục đạo, là sáu pháp giới phạm phu.

**4- Súc sinh đạo** (đường Súc sinh, cũng đọc là Súc sanh): Nói rộng là Bàng sinh, có nhiều loại, phúc phận khác nhau, cư trú cả trên các cõi trời Dục Giới và cõi người. Cõi người chúng ta thấy đa dạng các loài động vật cho đến các loài côn trùng bé nhỏ đều là súc sinh, đa số là những loài vô phúc, tính ngu độn, tranh giành, cấu xé, ăn thịt lẫn nhau, thường bị sai khiến, bị giết thịt.

Những người tham ăn rượu thịt, tìm cầu hoan lạc, mượn nợ không trả, trộm lừa người khác; náo hại chúng sinh, hủy nhục người khác; tính tình tà vạy, ngu si, kiếp sau thường sinh về đường Súc sinh.

**5- Ngã quỷ đạo:** Cũng đọc là Nga quỷ, nghĩa là “ma đói”, đây chỉ là cách gọi riêng về loài ma quỷ chịu khổ do ác nghiệp đời trước. Thực ra đường này gọi là “Quỷ thân” mới đủ nghĩa, vì trong đường này



có rất nhiều loại, có loại có uy phúc, có loại không có uy phúc, đây là do những nghiệp nhân thiện ác bất định từ kiếp trước. Loại có uy phúc cũng có cung điện, thân tướng trang nghiêm, hoặc được dùng những trân vị cam lộ, hoặc được người thờ cúng. Có chính thần, có tà thần. Các bậc thánh thần trong tín ngưỡng dân gian như các vị thần thành hoàng, thần miếu, đền, điện, phủ, thổ công chúa đất, táo phủ thần quân, v.v... được dân thờ cúng, đều là chính thần, luôn hộ trì giúp đỡ nhân gian.

Phần nhiều là loại không có uy phúc, khổ sở, ở chỗ âm u, đa số là các loài ma đói phải cậy nhờ người khác cho ăn, đói khát bức bách, hình dáng thấp hèn, nhiều điều sợ hãi, cô đơn rét lạnh, suốt ngày mê loạn. Những người sống keo kiệt tham lam, ghen ghét đố kỵ, gian tà, nịnh bợ, lầy công làm tư, chỉ toan tính cho mình no ấm, không thương kẻ khác đói rét, không cứu giúp người hoạn nạn nghèo khổ, kiếp sau sẽ chuyển sinh làm loài ngã quỷ.

Quỷ thần dù ít dù nhiều đều có linh thông, nhớ được kiếp trước, biết được ý nghĩ, biết được những việc quá khứ của người khác, v.v...

**6- Địa ngục đạo:** có tên là Nê lê, Nại na ca, dịch là “khổ cụ”, ý là dụng cụ để cho chúng sinh làm việc ác chịu khổ. Nhân vì vị trí nơi này thường ở tầng dưới Địa Cầu, lại là nơi chịu khổ như ngục tù

nên gọi là Địa ngục. Nhưng Địa ngục không phải đều ở dưới, mà có khi ở trên mặt đất, hoặc dưới nước, hoặc trên hư không, rất nhiều dạng khác nhau. Chúng sinh ở đó, thân chịu nhiều cực hình, tâm chịu khổ tột cùng. Hoặc bị lửa thiêu nướng, hoặc bị rét lạnh, hoặc bị dao chặt, bị cưa xẻ, hoặc bị giường sắt nướng thân, bị bỏ vào chảo dầu nấu, chiên, hoặc nhiều kiểu giết chóc, chết đi sống lại nhiều lần, khổ cực vô cùng, nhưng tuổi thọ ở Địa ngục lại rất lâu dài, không biết ngày nào thoát ra được. Các bậc chứng Thánh quả, có Túc mệnh thông, khi nhớ lại kiếp quá khứ ở trong Địa ngục mà các Ngài thoát ra mô hôi máu.

Những người không tin nhân quả, sát hại chúng sinh, tuân lệnh tà giáo, mê hoặc lòng người, ngũ nghịch thập ác, phỉ báng Chính Pháp, kiếp sau khó thoát khỏi địa ngục. (Ngũ nghịch: Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng).

Dân gian thường nói đến “cõi âm” hoặc “âm ty”, “âm phủ”, là chỉ hai đường Ngã quỷ, Địa ngục; nói “dương gian” hay “cõi dương” là chỉ hai đường Người và Súc sinh; nói “thiên đường” hay “thiên đàng” là chỉ cõi Trời.

Ba đường Trời, Người, A tu la, mỗi loài đều có trí tuệ, ít nhiều đều được hưởng phúc báo, gọi là

“tam thiện đạo”, nghĩa là “ba đường lành”. Ba đường Súc sinh, Ngã quỷ, Địa ngục u mê hôn ám không có trí tuệ, chịu khổ vô cùng, gọi là “tam đồ ác đạo” hay “tam ác đạo”, nghĩa là “ba đường ác”, gọi tắt là “tam đồ” hoặc “ba đường”.

▪ Khi Thần thức đi vào một đường nào đó là “sinh”, khi thoát khỏi đường đó là “tử”. Mỗi chúng sinh được sinh ra theo một trong bốn cách: thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh, gọi là “tứ sinh”. Như sinh làm người hoặc sinh làm một số loài vật như trâu, bò, ngựa, dê, thì theo cách thai sinh mà đầu thai chuyển kiếp rồi sinh ra từ bào thai; noãn sinh là sinh ra từ trứng như gà, chim; thấp sinh là sinh ra từ nơi ẩm ướt như muỗi và các côn trùng khác; hóa sinh là do biến hóa mà sinh ra do sức mạnh của nghiệp, như chư thiên các cõi trời, ma quỷ ở cõi ngã quỷ, địa ngục, hoặc những vật cõi lột đời hình như loài bướm hóa sinh ra từ sâu.

▪ Quả báo khổ vui trong Lục đạo tuy có khác nhau, nhưng tất cả đều thuộc vào cõi mê lầm, chúng sinh trong đó dù có sung sướng như các cõi trời, nhưng đều phải chịu sự chi phối của quy luật sinh tử, đến khi tuổi thọ hết vẫn phải chết, lại phải luân hồi, hưởng hết phúc có khi phải đọa vào ba đường ác. Bất cứ chúng sinh nào, nếu còn trong Lục đạo luân hồi thì trước sau rồi cũng bị đọa vào Địa ngục.

Tam Giới như nhà lửa thiêu đốt chúng sinh, Lục đạo luân hồi trong Tam Giới là lãnh vực mê khổ của chúng sinh, như biển lớn không có giới hạn, nên được gọi là Khổ Giới (cõi khổ), Khổ Hải (biển khổ).

Cho nên, làm người nếu chỉ tu Phúc, giữ giới làm lành, trọn vẹn luân thường đạo lý, làm được rất nhiều việc tốt, mà không biết tu Tuệ, thì tuy có tâm tốt, tuy kiếp sau được phúc báo, nhưng chỉ là phúc báo thế gian, được tái sinh vào cõi trời cõi người hưởng phúc cũng chỉ là khách luân hồi. Thế nên ngoài việc tu Phúc, cần phải biết tu Tuệ, và lấy việc tu Tuệ làm cốt yếu thì mới thoát ra khỏi luân hồi. Niệm Phật chính là một phương pháp tu Tuệ để thành tựu nhất.

Thêm nữa, người niệm Phật vì đức hiếu sinh mà ăn chay được là rất tốt. Nếu không ăn chay được thì cố gắng tránh sát sinh (tự giết hoặc nhờ người giết), mua thịt cá ngoài chợ đã làm sẵn về chế biến là được. Niệm Phật là tu Tuệ, ăn chay là tu Phúc.



*Sông Ái nghìn thước sóng  
Bể Khổ muôn trùng sa  
Muốn thoát luân hồi khổ  
Gấp gấp niệm Di Đà.*



# **ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ VÀ THẾ GIỚI CỰC LẠC**

Trong quá khứ lâu xa, tiền thân của Đức Phật A Di Đà từng làm vị quốc vương, lúc bấy giờ có Phật trụ thế hiệu là Thế Tụ Tại Vương Như Lai. Quốc vương sau khi nghe Phật giảng pháp nhiệm mầu vô thượng, Ngài liền từ bỏ ngôi vua, phát tâm xuất gia, hiệu là Tỷ khiêu Pháp Tạng.

Tâm lòng rộng lớn của Tỷ khiêu Pháp Tạng, vì muốn cho mười phương chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử mà Ngài bạch với Đức Phật Thế Tụ Tại Vương về chí nguyện mạnh mẽ muốn xây dựng một cõi nước thanh tịnh, Phật Thế Tụ Tại Vương đáp ứng tâm nguyện của Tỷ khiêu Pháp Tạng, giảng thuyết cảnh giới và chúng sinh trong hai trăm mười ức cõi nước chư Phật.

Tỷ khiêu Pháp Tạng sau khi nghe Phật giảng, trải qua năm kiếp tư duy, Ngài đã phát 48 nguyện thù thắng vô thượng.

Trong 48 nguyện, có nguyện thứ 18 là vĩ đại nhất và có liên quan mật thiết với chúng ta:

“Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sinh, chí tâm tín nhạo, dục sinh ngã quốc, nãi chí thập

niệm, nhược bất sinh giả, bất thủ Chính Giác. Duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng Chính Pháp”.

*(Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, dốc lòng tin ưa, muốn sinh nước tôi, cho đến mười niệm, nếu chẳng vãng sinh, thì tôi chẳng trụ ở ngôi Chính Giác. Trừ kẻ ngũ nghịch, phỉ báng Chính Pháp).*

Nghĩa là: Nếu khi Pháp Tạng tôi thành Phật, bất kỳ chúng sinh nào trong thế giới mười phương, chỉ cần thật tâm hoan hỷ tin nhận sự cứu độ của tôi, muốn sinh về cõi nước tôi, và suốt đời xưng niệm danh hiệu của tôi, ngay cả những chúng sinh đến giây phút cuối đời mới nghe danh hiệu và tin nhận sự cứu độ của tôi, chỉ xưng danh hiệu mười tiếng, tôi chắc chắn đón người đó vãng sinh. Nếu chúng sinh niệm Phật không được vãng sinh, tôi thề không làm Phật! Ngoại trừ chúng sinh phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng Chính Pháp. (Hai tội cực nặng này, đối với chúng sinh nào chưa phạm, Ngài ngăn chặn mà nói nếu tạo tội thì không cứu; đối với chúng sinh đã phạm, mà chịu hồi tâm, Phật cũng sẽ từ bi cứu độ).

Nguyện thứ 18 được gọi là “Thập Niệm Tất Sinh Nguyện” hay “Niệm Phật Vãng Sinh Nguyện”, được tôn là “Bản Nguyện Vương” (vua

của các bản nguyện), là nguyện cốt lõi trong 48 nguyện, là việc làm vĩ đại của Phật A Di Đà nhằm cứu độ chúng sinh phàm phu một cách chủ động, bình đẳng và vô điều kiện. Việc làm này vĩ đại ở chỗ, lấy chúng sinh tội chướng, không có sức tu hành để làm đối tượng cứu độ, bất luận chúng sinh trí tuệ hay ngu si, thiện hay ác, đều có thể nương vào nguyện vương này mà niệm Phật vãng sinh; cho dù những ông ngu bà dốt không hiểu sâu giáo lý Phật pháp, chỉ cần *nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật*, thì có thể ngầm thông trí Phật, thâm hợp đạo mầu, nương vào đại nguyện này chắc chắn vãng sinh.

Sau khi Tỷ khiêu Pháp Tạng ở trước Phật phát khởi siêu thế hoằng nguyện, trải qua triệu tải vĩnh kiếp tu hành, chuyên chí một lòng, dũng mãnh tinh tiến, mỗi một phạm hạnh Ngài đều hồi hướng cho mười phương chúng sinh, để tất cả chúng sinh đều được thành tựu công đức. Sau khi công đức tu hành vì mười phương chúng sinh được vãng sinh đã viên mãn, Tỷ khiêu Pháp Tạng đã đạt được chí nguyện, thành tựu Phật quả, thành tựu Vạn Đức Hồng Danh, thành tựu cõi nước Cực Lạc trang nghiêm.

\*\*\*

Từ thế giới Sa Bà hướng về phía Tây qua mười vạn ức (mười tỷ) cõi Phật là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc ở Tây Phương là thế giới do nguyện lực từ bi của Đức Phật A Di Đà hiển hiện ra, là cõi vô vi, bất sinh bất diệt, không có Lục Phàm, không có sáu nẻo luân hồi, chỉ có Tứ Thánh gồm Đức Phật A Di Đà và chúng sinh bậc Thánh từ Đại A La Hán trở lên.

Trong không gian bao la vô biên, có nhiều vô số cõi, trong đó có cõi Tịnh (sạch sẽ), có cõi Uế (ô nhiễm). Thế giới Sa Bà, là một trong các cõi Uế Độ. Thế giới Cực Lạc là một trong các cõi Tịnh Độ. Nghĩa chữ Tịnh là “sạch sẽ”, “thanh khiết”, chữ Độ là “cõi vực”, “thế giới”. Tịnh Độ là “cõi sạch” là “thế giới sạch sẽ”. Thường dùng Tịnh Độ để chỉ thế giới Cực Lạc. Cực nghĩa là “rất”, Lạc nghĩa là “vui”, Cực Lạc nghĩa là “cực vui”, “rất vui”, tiếng Phạn là Tu Ma Đề, còn dịch là An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái...

Phương pháp niệm Phật cầu vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc gọi là “Pháp môn Tịnh Độ”, cũng gọi là “Pháp môn Tây Phương” hoặc “Pháp môn Niệm Phật”. Tông phái tu theo Pháp môn Tịnh Độ gọi là “Tịnh Độ tông” hoặc “Liên tông”, tông này được thành lập đầu tiên tại Trung



Hoa năm 402, do Đại sư Tuệ Viễn đề xướng.

Tuy có nhiều phương pháp tu để được vãng sinh, nhưng phương pháp niệm danh hiệu “A Di Đà Phật” là phương pháp dễ tu, ai cũng tu được và chắc chắn thành tựu, cũng là pháp cốt yếu của Phật pháp.

Vãng sinh (vãng sanh) là chỉ cho việc Thần thức sau khi xả bỏ thân xác, được nhờ thần lực của Đức Phật A Di Đà (Phật lực) đưa về Cực Lạc. Tuy thế giới Cực Lạc cách xa thế giới chúng ta mười tỷ cõi Phật, xa xôi không thể tưởng tượng nổi, nhưng chỉ trong tích tắc đã tới, đây là tốc độ ý niệm, siêu vượt tốc độ ánh sáng thông thường.

\*\*\*

Trong ba bộ kinh Tịnh Độ: Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ (Đại kinh), kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật (Quán kinh), kinh Phật Thuyết A Di Đà (Tiểu kinh), đều có miêu tả tỉ mỉ về thế giới Cực Lạc:

Thế giới Cực Lạc rộng lớn trang nghiêm, mặt đất bằng phẳng, toàn bằng vàng ròng, được trang sức bằng vô số châu báu, ánh sáng, hương thơm, vi diệu đẹp lạ, khí hậu ôn hòa, mát mẻ thoải mái, không có bốn mùa nóng lạnh, khiến lòng người khoan khoái, nhẹ nhàng.

Thế giới Cực Lạc nơi đâu cũng thấy cung điện, lầu quán, giảng đường, tinh xá, hoặc ở trên mặt đất, hoặc ở trên không trung, đều do mọi thứ báu vật tự nhiên mà thành, do các loại ngọc báu, chuông báu giảng phủ, đẹp đẽ tráng lệ, vi diệu tốt cùng.

Thế giới Cực Lạc có ao bảy báu, dưới đáy ao toàn bằng cát mịn vàng, thêm bậc bên bờ ao được trang nghiêm bằng các loại châu báu, trong ao đầy ắp nước tám công đức, vị như cam lộ. Trên mặt nước nở rộ hoa sen nhiều màu nhiều sắc, lớn như bánh xe của Chuyển Luân Thánh Vương, mùi hương thanh khiết vi diệu. Ở thế giới khác nếu có một người niệm Phật, thì trong ao bảy báu sẽ mọc lên một đóa hoa sen, người đó sau khi vãng sinh Cực Lạc, sẽ hóa sinh trong đóa sen này.

Bốn phía thêm bậc, có các hàng cây báu tỏa hương thơm ngào ngạt, trên cây phủ bởi lưới bằng các loại châu báu. Mọi người muốn thấy rõ cảnh tượng của mười phương chư Phật, đều có thể hiện ra trong các cây báu, rõ ràng y như soi gương. Gió nhẹ thoảng qua, các cây báu và lưới báu vang lên âm thanh vi diệu, giống như trăm nghìn loại nhạc trời cùng lúc diễn tấu, khiến cho người nghe tự nhiên khởi tâm niệm Phật, niệm

Pháp, niệm Tăng.

Có nhiều loài chim đẹp lạ, màu sắc rực rỡ đậu trên cây báu, do Đức Phật A Di Đà biến hóa ra. Tiếng hót của chim là tiếng giảng Phật pháp mà mọi người muốn nghe, khiến cho mọi người phát tâm hoan hỷ, hăng hái niệm Phật.

Thế giới Cực Lạc thường có nhạc trời vang trong hư không, tiếng nhạc hòa nhã, khiến người nghe xong, đều phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Hoa trời đẹp lạ từ trên không trung, bay xuống nở rộ ngày đêm không dứt. Các loài hoa này, màu sắc rực rỡ, mùi hương nức mũi, khiến mọi người ngửi thấy đều được tăng trưởng công đức thù thắng không thể nghĩ bàn. Mỗi sáng tinh sương, mọi người đựng đầy các lẵng hoa tươi đẹp, chỉ trong khoảnh khắc đi đến vô lượng các thế giới khác, để cúng dàng các Đức Phật cõi đó.

Thế giới Cực Lạc là một thế giới xa rời tối tăm, mặt đất, lầu gác, chúng sinh, hoa sen, v.v..., tất cả mọi thứ đều phát ra ánh sáng, không cần mặt trời mặt trăng chiếu rọi; thế giới Cực Lạc là thế giới xa rời ô uế, vạn vật đều do vô lượng hương báu hợp thành, hương thơm ngào ngạt lan tỏa khắp các thế giới trong mười phương.

Thế giới Cực Lạc nơi nơi đều thấy hoa sen báu

lớn, Đức Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí ngồi trên đài sen, giảng thuyết pháp vi diệu. Mọi người được đích thân nghe pháp và hoan hỷ.

Mọi người ở thế giới Cực Lạc đều có thân hình và tướng mạo giống Đức Phật A Di Đà, sắc thân vàng ròng, kim cương bất hoại, thọ mạng vô lượng, quang minh vô lượng, trí tuệ thông suốt, biện tài vô ngại, đầy đủ thần thông, ‘có thể nắm giữ hết thấy thế giới trong lòng bàn tay’, nghe pháp tùy theo ý thích, quan sát các thế giới khác tùy theo ý thích, đi đến cõi khác hoằng pháp độ sinh tùy theo ý thích.

Y phục, thức ăn, thức uống, đồ dùng, v.v... vừa nghĩ đến thì có ngay, muốn mặc y phục thì ‘y phục đẹp đẽ vừa vặn tự nhiên trên thân’, muốn ăn uống thì ‘trăm món thức ăn, thức uống tự nhiên đầy đủ’, tất cả những cảnh tốt đẹp, tuy khiến cho người thân tâm khoan khoái, nhưng không ai sinh tâm tham đắm.

Thế giới Cực Lạc không những không có việc ác, ngay cả danh từ ác cũng không nghe thấy. Mọi người thường tụ hội cùng các vị Đại Bồ Tát thượng thiện nhân, thân tâm chẳng còn buồn rầu khổ não, chỉ có vô lượng thanh tịnh hân hoan vui



sống.

▪ Muốn thoát khỏi sinh tử luân hồi thành Phật cứu độ chúng sinh nhanh nhất, chỉ có cách niệm Phật cầu vãng sinh về thế giới Cực Lạc, về môi trường tốt nhất để có đủ điều kiện tu học một đời thành Phật.



*Tu hành vốn vì thoát “sinh tử”  
“Tử sinh” chưa thoát hiểm nguy thay  
Muốn thoát “tử sinh” nên niệm Phật  
Niệm Phật nhất định về Phương Tây.*

(Đại sư Đàm Loan)

# NÓI THÊM VỀ NHÂN QUẢ

Phật dạy “*vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” nghĩa là tất cả mọi thứ đều trống rỗng, đều là giả hợp, không bền, không cố định, không thật có, chỉ có nghiệp nhân quả là còn mãi. Ví như cái thân chúng ta rõ ràng đang sống, đang nhìn thấy, mà xét kỹ thì cũng chỉ là giả tạm, vì ta hãy lắng lòng mà suy tưởng sẽ thấy ngay rằng, trước khi ta chưa sinh ra và đến sau mấy mươi năm nữa, khi ta bỏ cái thân xác này thì làm gì có cái thân ta; còn Thần thức chúng ta tuy không thấy hình thể, nhưng lại là thứ thật có và tồn tại mãi mà không ai biết đến.

Từ vô thủy luân hồi đến kiếp sống hiện tại, chúng sinh tạo ra vô số nghiệp bắt nguồn từ ý thức, thể hiện qua ngôn ngữ, hành động; và rồi những nghiệp này được tích lũy, lưu trữ, huân tập vào Thần thức, như vậy Thần thức phải mang theo nghiệp nhân quả mà trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi.

Những nghiệp tạo ra từ các kiếp trước gọi là “túc nghiệp”, những nghiệp tạo ra trong kiếp sống hiện tại gọi là “hiện nghiệp”, và những nghiệp do ý niệm tạo ra lúc sắp lâm mệnh chung gọi là “cận

tử nghiệp”; những nghiệp này là một chuỗi nghiệp lực tạo thành “tổng báo nghiệp” (còn gọi là *dân nghiệp*) và “biệt báo nghiệp” (còn gọi là *mãn nghiệp*).

Mỗi lần sau khi thể xác chết đi, Thần thức sẽ theo tổng báo nghiệp tái sinh vào các cõi và chủng loại tương ứng trong Lục đạo luân hồi, rồi tùy theo biệt báo nghiệp mà sau khi sinh tới cõi đó, mỗi chúng sinh không giống nhau về hình tướng, trí tuệ, họa phúc, cũng như sự hưởng thụ trong cuộc sống khác nhau.

Ví dụ, Thần thức theo tổng báo nghiệp tái sinh làm người ở thế giới chúng ta, nhưng vì biệt báo nghiệp mà sinh ra ở các nơi khác nhau, hình dáng cao thấp đẹp xấu khác nhau, tính cách khác nhau, sức khỏe khác nhau; có người cả đời bình an không hoạn nạn, có người gặp tai ách triền miên, có người đang mạnh khỏe đột nhiên mắc bệnh hiểm nghèo, cuộc sống giàu nghèo sang hèn khác nhau, hưởng thụ khác nhau, tuổi thọ khác nhau, có người trọn vẹn mọi bề, có người gian truân đủ thứ, muôn hình vạn trạng khác nhau, vì trong biệt báo nghiệp có nhiều dạng nhân quả đan xen.

Mỗi chúng sinh mang theo nghiệp của tự thân mình gọi là “tự nghiệp”, trong đó các chúng sinh

mang theo một số nhiều hoặc ít loại nghiệp chung giống nhau mà có những báo ứng tương tự nhau gọi là “cộng nghiệp”.

Vì chịu ảnh hưởng của cộng nghiệp nên mới cùng sinh về làm gia đình quyến thuộc với nhau, như tổ tiên ông cha tích đức thì chiêu cảm được con cháu có phúc báo cùng về tụ hợp làm người một nhà để ân đền nghĩa trả, rồi vì cộng nghiệp mà sự nghiệp công đức con cháu tạo nên làm cho cha ông tiên tổ được rạng rỡ hiển vinh, “một người làm quan cả họ được nhờ”. Vì cộng nghiệp nên cùng chịu ảnh hưởng chung trong một xã hội để hưởng cuộc sống thanh bình hoặc cùng chịu chiến tranh loạn lạc, thiên tai, lũ lụt, v.v...

Tuy cùng ảnh hưởng cộng nghiệp, nhưng tự nghiệp khác nhau, ví dụ cùng sinh về làm con cháu một nhà nhưng hình tướng tuy có nhiều điểm chung giống nhau mà nhìn vẫn thấy khác, người thân của chúng ta chịu bệnh tật giày vò rất đau khổ, chúng ta rất muốn chia sẻ nỗi đau khổ đó với họ nhưng không làm được. Cùng trong đất nước chịu chung một cuộc chiến tranh, nhưng có người mất mạng, có người vẫn bình an.

Về thời gian báo ứng có: *hiện báo*, *sinh báo* và *hậu báo*. Những hành động tạo nghiệp trong

đời này được báo ứng ngay trong kiếp sống này gọi là “hiện báo”; nếu đến kiếp sống kế tiếp mới báo ứng thì gọi là “sinh báo”; còn báo ứng từ kiếp sống thứ ba trở đi đến rất nhiều kiếp sau mới báo ứng gọi là “hậu báo”.

Bất cứ một nghiệp “nhân” nào, khi “duyên” đến sẽ có “quả”, đến trăm nghìn kiếp đi nữa thì nghiệp gây tạo vẫn còn, khi nhân duyên đầy đủ thì báo ứng sẽ đến không sai. Có những trường hợp đáng chú ý phải hiểu rõ để tránh không bị hiểu lầm về luật nhân quả: Làm ác ở kiếp này mà vẫn được giàu sang, là vì kiếp trước đã từng làm phúc, cúng dàng, bố thí, tạo nhiều công đức lớn. Nhân ác ở kiếp này vì mới gieo nên chưa thành ra quả ác, trong khi nhân lành trong kiếp trước hay nhiều kiếp trước, vì đã gieo lâu, đã chín muồi, nên quả giàu sang phải trở. Cũng như vậy, ăn ở hiền lành mà vẫn cứ nghèo khó, hoặc luôn bị các điều khổ sở, hoạn nạn, v.v..., ấy là vì nhân lành mới gieo trong kiếp này mà thôi, nên quả lành chưa trở, còn bao nhiêu nhân ác kiếp trước đã gieo lâu rồi nên quả ác đã đến thời điểm chín muồi. Người xưa có câu: “*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì*”, nghĩa là việc lành hay việc ác đều có quả báo, chỉ khác



nhau đến sớm hay muộn mà thôi.

Có loại gọi là “năng hủy nghiệp”, là loại nghiệp cực ác được con người tạo ra trong các kiếp trước hay trong kiếp này, có cường độ rất mạnh có thể hủy đi tổng báo nghiệp một cách bất ngờ. Nó giải thích được là vì sao con người chết đột tử hay chết bất đắc kỳ tử như chết vì thiên tai, chết vì tai nạn, chết vì chiến tranh, v.v..., cuộc sống đột ngột chấm dứt. Năng hủy nghiệp tiêu hủy thân phận người ngay khi người đó đang sống bình thường. Kinh Phật thường ví con người sống như chiếc đèn dầu đang cháy, khi nào chiếc đèn cạn dầu, cháy hết bắc là lúc tuổi thọ của người ấy đã hết. Năng hủy nghiệp tác động như một cơn gió thổi tắt vụt ngọn đèn, tuy đèn còn nhiều dầu và chưa cháy hết bắc.

Có thứ gọi là “năng tiêu nghiệp”, là loại nghiệp tùy vào tình hình mà có thể tốt hay xấu. Chẳng hạn, một người được hưởng phúc báo, sống trong một gia đình giàu sang, nhưng người này không lo học hành, không giữ lối sống đạo đức, mà ngược lại chỉ biết ăn chơi trác táng, phá sản, rốt cuộc trở thành kẻ nghèo hèn. Nghiệp mà anh ta đã tạo ra như vậy là loại *năng tiêu nghiệp tiêu cực*. Ngược lại, có người sinh ra trong một

gia đình nghèo nàn, phải lao động cực khổ, nhưng anh ta cố gắng làm việc, học hành, sống lối sống đạo đức, giúp đỡ người khác. Kết quả, anh ta vươn ra khỏi cảnh nghèo, có uy tín có học vấn, được mọi người tôn trọng. Nghiệp mà người ấy tạo ra như vậy là *năng tiêu nghiệp tích cực*. Đành rằng giàu sang, nghèo hèn do nghiệp lành dữ từ các kiếp trước, nhưng nếu kiếp này phấn đấu lao động học tập, thì phận giàu sang càng tăng thêm, dẫu phận nghèo cũng dư giả. Cũng như tuổi thọ là do ba yếu tố quyết định: Thứ nhất, do nhân quả thiện ác tự mình tạo ra trong các kiếp trước và trong kiếp sống hiện tại; thứ hai, là do vệ sinh, ăn uống, rèn luyện thân thể; thứ ba, là do tâm trạng. Nếu ăn uống điều độ hợp vệ sinh, tư tưởng lạc quan vui vẻ thì tuổi thọ chắc chắn được tăng lên; nếu uống nhiều rượu, dùng các chất gây nghiện độc hại, ăn uống không điều độ, tư tưởng bi quan, thì cho dù nhân quả thiện lành từ kiếp trước đáng được hưởng tuổi thọ cao cũng phải giảm, thậm chí còn bị chết non.

Nói chung, kiếp sống hiện tại phần lớn bị chi phối bởi những nghiệp từ các kiếp trước, như có một định mệnh vô hình mà người ta thường gọi là “số mệnh”, chính là do những ý nghĩ, lời nói, việc

làm thiện hoặc ác của chính mình tạo nên từ các kiếp sống trong quá khứ, đến kiếp này báo ứng ra đa dạng tình huống tốt xấu đan xen.

Cần chú ý, nghiệp là thứ luôn biến đổi theo ý thức và hành động, cho nên những việc làm trong đời hiện tại có tác dụng chuyển biến nghiệp trong đời quá khứ. Người xưa nói “*đức năng thắng số*” nghĩa là sống nhân từ đức độ và tích cực làm việc thiện sẽ tạo ra duyên lành cho những nghiệp thiện từ kiếp trước kết thành quả lành, không để duyên xấu làm cho những nghiệp ác từ kiếp trước có điều kiện kết thành quả ác. Những nghiệp cực thiện trong đời này có thể dẹp tan được nghiệp ác trong quá khứ, bởi thế những người tích thiện tạo nhiều công đức, có khi gặp tai họa lớn mà qua khỏi một cách mau nhiệm. Cảm Ứng Thiên dạy: “*Họa phúc vô môn, duy nhân tự triệu; thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình*”, nghĩa là: họa hay phúc không tự nhiên đến nhà ai cả, chính là do người tự rước vào; điều thiện hay điều ác đều báo ứng như bóng theo hình. Như vậy, rõ ràng vận mệnh do chính mình sắp đặt, chứ không phải do ông Trời định đoạt.

Trong Kinh Nhân Quả Ba Đời, Đức Phật chỉ rõ 46 trường hợp báo ứng tiêu biểu trong muôn

hình vạn trạng nghiệp báo nhân quả, rồi kết luận bằng bốn câu kệ:

*Muốn biết “nhân” đời trước,  
Xem sự hưởng đời nay.  
Muốn biết “quả” đời sau,  
Xem việc làm kiếp này.*

Kiếp này chúng ta may mắn được sinh làm thân người, lại gặp được Phật pháp, tin sâu pháp môn Tịnh Độ, ngoài việc thực hành niệm Phật cầu vãng sinh Tây Phương, chúng ta hãy nỗ lực vun bồi công đức, tạo nhiều duyên lành để cuộc sống hiện tại càng thêm tươi đẹp:

*Nhất nhân tác phúc, thiên nhân hưởng,  
Độc thụ khai hoa, vạn thụ hương.*

Nghĩa là: một người làm phúc, nghìn người đều được lợi lạc; một cây trổ hoa, muôn cây xung quanh đều được thơm lây.



# PHÁP TU

Pháp tu pháp cũng dễ dàng,  
Ngày ngày khi sớm tảng tang dậy ngồi,  
Chắp tay Tây hướng lạy rồi,  
“A Di Đà Phật” một lời niệm lên,  
Lần tràng niệm một vài nghìn,  
Ba câu Bồ Tát niệm liền ba hơi,  
Một văn phát nguyện bạch rồi,  
Vãng Sinh chú lại tụng lời vài trăm,  
Tụng rồi đứng dậy chăm chăm,  
Tam Quy tam khấu, Hòa Nam tạ lúi.  
Trọn ngày khi đứng khi ngồi,  
Một câu niệm Phật nhớ lời chớ quên,  
Buổi hôm lại niệm vài nghìn,  
Một lòng tín hướng, Phật liền chứng cho.

## GIẢI NGHĨA

**Pháp tu pháp cũng dễ dàng**  
**Ngày ngày khi sớm tảng tang dậy ngồi**  
**Chắp tay Tây hướng lạy rồi**  
**“A Di Đà Phật” một lời niệm lên**

Pháp môn niệm Phật là pháp vừa đơn giản dễ  
tu, ai cũng tu được, vừa chắc chắn thành tựu giải



thoát, không như các pháp tu Thiền, tu Mật, v.v... vừa khó tu vừa khó thành tựu, phải là bậc có căn cơ cao mới kham nổi, mà kết quả thì chưa chắc đã thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Căn cứ theo lời kinh văn trong cuốn này, thì đây là khóa trình niệm Phật hằng ngày do Thiền sư Tính Định tổng hợp các bài trong quyển Tu Trì Pháp Môn của bộ Long Thư Tịnh Độ Văn mà lập ra.

Hằng ngày sáng sớm thức dậy, vệ sinh sạch sẽ, chắp tay hướng về phía Tây lễ bái. (Hoặc trước ban thờ, trước ảnh tượng Phật, thắp hương lễ bái đều được. Phía Tây chỉ mang ý nghĩa tâm hướng về Tây Phương, chứ trên phương diện địa lý thì thế giới Cực Lạc nằm về phía Tây là so với toàn thế giới Sa Bà. Trái Đất ta đang sống chỉ là một nơi rất nhỏ bé trong thế giới Sa Bà, lại luôn xoay chuyển, nên khi đứng trên Trái Đất không thể xác định được phương vị thế giới Cực Lạc).

Rồi niệm “A Di Đà Phật”.

Trước tiên niệm từ ba câu đến vài chục câu sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” để bày tỏ sự quy mệnh (nguyện đem thân mạng gửi gắm nương nhờ Đức Phật A Di Đà cứu độ), xong chuyển sang niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”.

“Nam Mô A Di Đà Phật” là phiên âm từ tiếng Phạn (Namo Amitabha Buddhaya) sang chữ Hán (南無阿彌陀佛) rồi đọc theo âm Hán Việt. Có nhiều nghĩa. “Nam Mô” là: kính lễ, quy kính, quy y, quy mệnh, tin theo..., “Phật” là giác ngộ, là trí tuệ. “A Di Đà” là vô lượng thọ, là vô lượng quang, là vô lượng công đức, nên Phật A Di Đà còn có tên là Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Quang. Một câu “A Di Đà Phật” là pháp giới tạng thân, đã bao gồm vô lượng vô biên danh hiệu Phật, Bồ Tát, tổng trì tất cả thần chú, bao quát tất cả tam tạng kinh điển, thống lĩnh tám vạn bốn nghìn pháp môn, được xưng dương là “Vạn Đức Hồng Danh”. Bốn chữ “A Di Đà Phật” gọi là Hồng danh hoặc Phật hiệu, trong tâm luôn nhớ được Phật hiệu gọi là giữ được “chính niệm”, lại không có tạp niệm xen vào gọi là “tịnh niệm”.

### **Lần tràng niệm một vài nghìn**

Cứ niệm suốt câu “A Di Đà Phật”, vừa lần tràng hạt vừa niệm, niệm mười câu thì lần một hạt, niệm từ một nghìn đến vài nghìn câu, hoặc quy định thời gian khoảng từ 15 phút đến 60 phút, hoặc lâu hơn, tùy theo công việc nhàn rỗi hay bận rộn của mỗi người. Có thể lần tràng hạt hoặc ngồi tĩnh tọa không cần lần tràng hạt, quan

trọng là dốc lòng thành kính, để tâm chú ý vào câu danh hiệu Phật, không nghĩ ngợi lung tung, niệm to tiếng, niệm khe khẽ, niệm kim cương (niệm động môi lưỡi), hoặc mặc niệm (niệm thầm trong tâm) đều được, niệm nhanh hoặc chậm đều phải rõ ràng rành mạch từng câu từng tiếng, miệng niệm, tai nghe, tâm tưởng nhớ, niệm cho rõ, nghe cho rõ, nhớ cho rõ.

Niệm sáu chữ hoặc niệm bốn chữ đều được. “Nam Mô” là động từ, bày tỏ kính lễ, quy mệnh, “A Di Đà” là danh từ riêng, “Phật” là danh từ chung. Nếu chỉ niệm ba chữ A Di Đà thì không cung kính, giống như người dưới gọi thẳng tên bậc trưởng bối, nếu thêm từ “thầy” hoặc “ông”, ... thì đủ sự kính trọng khi xưng hô. Vậy nên, niệm bốn chữ “A Di Đà Phật” cũng đủ sự cung kính với danh hiệu của Ngài. Trong kinh dạy rất rõ “chấp trì danh hiệu”, danh hiệu chính là bốn chữ “A Di Đà Phật”. Niệm bốn chữ đơn giản dễ niệm, cũng chính là để đến lúc lâm chung, khi thần trí mịt mờ còn dễ nhớ mà niệm được. Cách niệm bốn chữ đã từng được các bậc thầy tổ từ xưa đến nay chỉ dạy, từng thực hành khi trợ niệm cho người lâm chung được vãng sinh. Từ đời các cụ ngày xưa vẫn niệm, gặp nhau là “A Di Đà Phật”,

nên mọi người cứ yên tâm mà y giáo phụng hành, đừng lo rằng niệm bốn chữ là bất kính, chỉ cốt sao trong tâm chí thành cung kính là được, dù niệm câu sáu chữ hoặc niệm câu dài hơn mà không thành tâm, không tin tưởng cũng chẳng tác dụng.

Gần đây nước ta xuất hiện thêm cách niệm “A Mi Đà Phật” (theo các nguồn thông tin thì cách này khởi đầu từ Hòa thượng Thích Trí Tịnh). Từ xưa nước ta vẫn niệm “A Di Đà Phật” là đọc theo chữ Hán 阿彌陀佛, cùng chữ này mỗi nước, thậm chí mỗi vùng có âm đọc khác nhau, nên trên thực tế có nhiều dạng âm thanh niệm Phật, điều này không trở ngại gì, cốt sao trong tâm hướng về Đức Phật giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc, một lòng tín nguyện là được cảm ứng với Phật.

### **Ba câu Bồ Tát niệm liền ba hơi**

Khi ngừng niệm Thánh hiệu “A Di Đà Phật”, quỳ lạy một lạy rồi chuyển sang niệm ba Thánh hiệu Bồ Tát, mỗi Thánh hiệu niệm một hơi hoặc niệm ba lần xong lạy một lạy theo thứ tự sau:

- *Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.*
- *Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.*
- *Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.*

菩薩戒法名性定演音

河內監門安宅村 闡法寺藏板

大慈菩薩發願全偈

十方三世佛。阿彌陀第一。九品度衆生。威  
德無窮極。我今大皈依。懺悔三業罪。凡有  
諸福善。至心用回向。願同念佛人。感應隨  
時現。臨終西方境。分明在目前。見聞皆精  
進。共生極樂國。見佛了生死。如佛度一切。



## Một văn phát nguyện bạch rồi

Văn phát nguyện có nhiều bài, câu thơ tuy không đề cập nội dung, nhưng trong bộ Long Thư Tịnh Độ Văn chỉ có một bài kệ của Bồ Tát Đại Từ và bài kệ được Thiền sư Tính Định cho khắc cuối bản Ngũ Vương Kinh Diễn Âm (xem ảnh trang bên). Bài kệ này, ta quen gọi là Sám Thập Phương, vì câu đầu đọc theo chữ Hán là “Thập phương tam thế Phật”. Toàn bộ bài kệ gồm mười sáu câu, nguyên văn tụng âm Hán Việt như sau.

Đại Từ Bồ Tát Phát Nguyện Toàn Kệ:

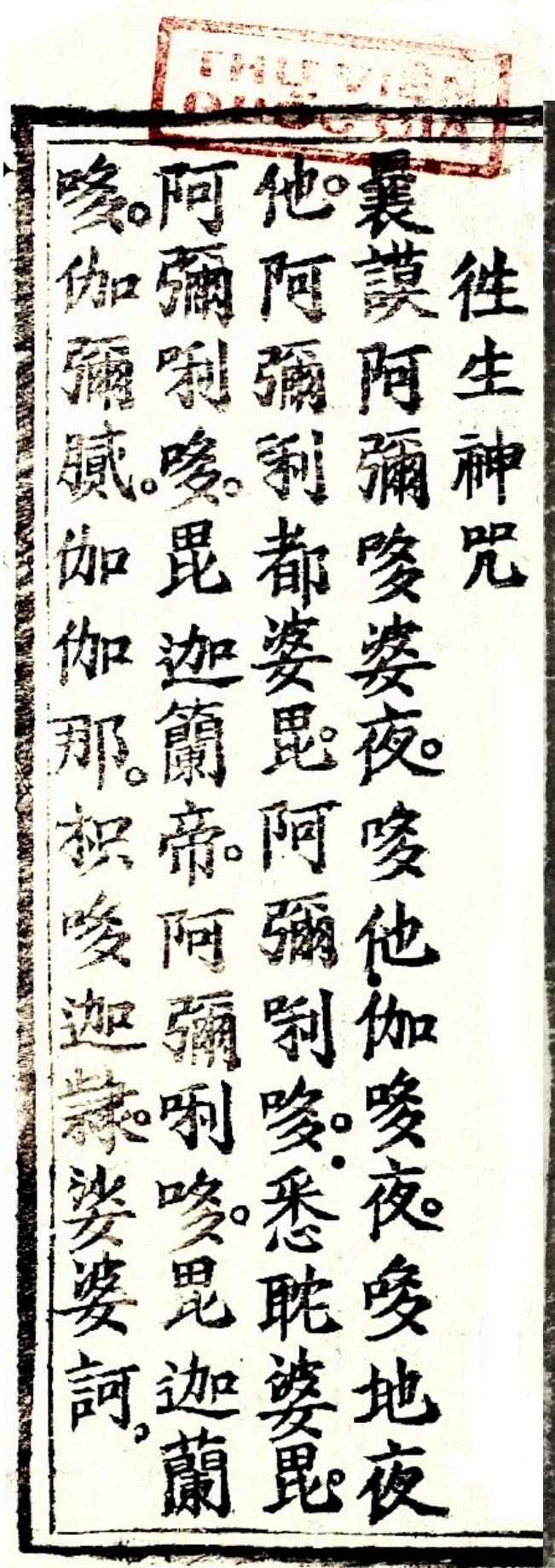
*Thập phương tam thế Phật,  
A Di Đà đệ nhất.  
Cửu phẩm độ chúng sinh,  
Uy đức vô cùng cực.  
Ngã kim đại quy y,  
Sám hối tam nghiệp tội.  
Phàm hữu chư phúc thiện,  
Chỉ tâm dụng hồi hướng.  
Nguyện đồng niệm Phật nhân,  
Cảm ứng tùy thời hiện.  
Lâm chung Tây Phương cảnh,  
Phân minh tại mục tiền.  
Kiến văn giai tinh tiến,  
Cộng sinh Cực Lạc quốc.*

*Kiến Phật liễu sinh tử,  
Như Phật độ nhất thiết.*

Dịch nghĩa tiếng Việt:  
 “Mười phương ba đời Phật,  
 A Di Đà bậc nhất.  
 Chín phẩm độ chúng sinh,  
 Uy đức không cùng tận.  
 Con nay đại quy y,  
 Sám hối tội ba nghiệp.  
 Có bao nhiêu phúc lành,  
 Dốc lòng đem hồi hướng.  
 Nguyên cùng người niệm Phật,  
 Cảm ứng hiện tùy thời.  
 Lâm chung cảnh Tây Phương,  
 Hiện rõ ràng trước mắt.  
 Thấy nghe đều tinh tiến,  
 Đều sinh về Cực Lạc.  
 Thấy Phật thoát sinh tử,  
 Như Phật độ tất cả”.

Trong đó trích ra bốn câu, Long Thư Tịnh Độ Văn gọi là Phát Nguyên Kệ:

“Nguyên cùng người niệm Phật,  
 Đều sinh về Cực Lạc.  
 Thấy Phật thoát sinh tử,  
 Như Phật độ tất cả”.



Tụng toàn bài, tụng xong lạy một lạy.

## Vãng Sinh chú lại tụng lời vài trăm

Tiếp theo niệm chú Vãng Sinh. Bài chú được Thiền sư Tính Định cho khắc cuối bản Xuất Gia Công Đức Kinh Diễn Âm (xem ảnh), nội dung gồm 59 chữ phiên âm như sau.

Vãng Sinh Thần Chú:

“*Năng Mô A Di Đà Bà Dạ, đá tha già đá dạ, đá địa dạ tha, A di lị đô bà tỳ, A di lị đá, tát đam bà tỳ, A di lị đá, tỳ ca lan đế, A di lị đá, tỳ ca lan đá, già di nhị, già già na, chỉ đá ca lệ, sa bà ha*”.

Bài chú có tên đầy đủ là “Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Vãng Sinh Tịnh Độ Chân Ngôn”, nghĩa là “Chân ngôn nhỏ tắt cả gốc rễ nghiệp chương, vãng sinh về Tịnh Độ”. Kinh chép: “Người tụng chú này, Đức Phật A Di Đà luôn trụ trên đỉnh đầu người đó, không để cho oan gia làm hại, hiện đời yên ổn, lúc thọ mạng hết được vãng sinh theo ý nguyện. Nếu niệm đủ hai mươi vạn biến thì mầm Bồ Đề phát sinh, niệm ba mươi vạn biến thì chẳng bao lâu sẽ được gặp Đức Phật A Di Đà”. Trong Long Thư Tịnh Độ Văn, ngoài việc chú trọng niệm danh hiệu Phật ra, còn rất coi trọng bài chú này, khuyên người làm cha mẹ, khi con cái còn nhỏ, lúc chưa đi học, hãy dạy con mỗi ngày vừa niệm Phật, vừa niệm từ năm trăm đến một nghìn biến chú Vãng Sinh, sau một hai năm niệm đủ ba mươi vạn biến, sẽ tránh được nạn oan gia, cả đời yên ổn. Trong bài, Thiền sư Tính Định dạy mỗi thời khóa niệm vài trăm biến. Trên đây phiên âm theo cách tụng từ xưa tại miền Bắc, nước ta hiện có vài cách phiên âm, ai quen niệm theo cách nào thì cứ niệm theo cách đó.

Thực ra câu đầu bài chú là danh hiệu Phật A Di Đà: Nã Mồ A Di Đà Bà Dạ chính là Nam Mô A Di Đà Phật (Nã Mồ là Nam Mô, A Di Đà

là A Di Đà, Bà Dạ là Phậ Đà tức là Phậ; do các dịch giả dùng chữ Hán khác nhau để phiên âm tiếng Phạn, nên khi đọc sang âm Hán Việt tuy có những âm không giống nhau mà ý nghĩa vẫn như nhau). Những câu tiếp theo bài chú là lời tán dương công đức của Phậ A Di Đà. Chung quy vẫn là niệm Phậ, vả lại, niệm danh hiệu Phậ được mười lợi ích lớn (xem bài Thập Chung Thắng Lợi Diễn Âm trang 45), sự lợi ích cũng như niệm chú Vãng Sinh, công đức như nhau mà dễ nhớ dễ niệm, dù người kém trí cũng niệm được, nên chư tổ đặc biệt chú trọng niệm “A Di Đà Phậ”, đặc biệt là đề đến lúc lâm chung dễ dàng giữ được chính niệm. Hiện nay trong các thời khóa niệm Phậ, nếu có niệm chú Vãng Sinh thì thường niệm ba biến, nên ta có thể niệm từ ba biến đến vài trăm biến, tùy theo điều kiện công việc và sở thích của mỗi người, chú trọng niệm Phậ là chính, niệm chú là phụ trợ.

### **Tụng rồi đứng dậy chăm chăm**

### **Tam Quy tam khấu, Hòa Nam tạ lúi**

Niệm xong chú Vãng Sinh, đứng dậy chấp tay, tụng ba câu Tự Quy, tụng xong mỗi câu đập đầu sát đất lạy một lạy (khấu).

Tụng âm Hán Việt như sau:



- Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sinh thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.

- Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải.

- Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

Hoặc tụng nghĩa Việt:

- Con quy Phật rồi, nguyện cho chúng sinh thấu hiểu đạo lớn, phát tâm vô thượng.

- Con quy Pháp rồi, nguyện cho chúng sinh thông thuộc kinh tạng, trí tuệ như biển.

- Con quy Tăng rồi, nguyện cho chúng sinh hòa hợp đại chúng, hết thảy không ngại.

Tụng xong, xướng:

- Hòa Nam Thánh Chúng

Nghĩa là “lạy các bậc Thánh”, vừa xướng lên đồng thời đập đầu lạy tạ ba lạy rồi lui ra. Vậy là xong một thời khóa tu buổi sáng.

## **Trọn ngày khi đứng khi ngồi**

### **Một câu niệm Phật nhớ lời chớ quên**

Ngoài ra, suốt ngày, trong tất cả mọi lúc, ở mọi nơi, trong mọi oai nghi đi đứng nằm ngồi, dù đang làm bất cứ việc gì, ăn cơm, mặc áo, lao động, thể thao, v.v..., chỉ cần trong khi không giao tiếp với người khác, không dùng đầu óc tính toán,

đều luôn nhớ niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”, niệm to, niệm nhỏ hay niệm thầm đều được, lúc đang nằm hoặc ở nơi không sạch sẽ thì niệm thầm để tránh mất đi sự cung kính, nhưng lúc có việc khẩn cấp, dù đang ở bất cứ đâu đều niệm lớn tiếng.

## **Buổi hôm lại niệm vài nghìn Một lòng tín hướng, Phật liền chứng cho.**

Thời khóa buổi tối (buổi hôm) thực hành giống như thời khóa buổi sáng. Cốt sao, từ đây cho đến lúc chết, một lòng “tín nguyện”, thực hành niệm Phật mong cầu vãng sinh Tây Phương không thay đổi, thì chắc chắn đến lúc mệnh chung Đức Phật A Di Đà sẽ đến đón, đó là yếu quyết vãng sinh. Gương niệm Phật vãng sinh xưa nay nhiều không kể xiết, có người báo trước ngày giờ vãng sinh, có người ngồi xếp bằng an nhiên vãng sinh, có người đứng mà vãng sinh; có người được thấy Phật cùng Thánh chúng phóng quang tiếp dẫn, nhạc trời, hương lạ xuất hiện, có người sau khi hỏa thiêu xuất hiện rất nhiều xá lợi đủ màu. Đặc biệt có những bậc chân tu, suốt đời chỉ niệm Phật, sau khi vãng sinh để lại nhục thân kim cương bất hoại, tồn tại trong môi trường tự nhiên. Phật pháp nhiệm mầu không thể nghĩ bàn, không

thể dùng trí tuệ phàm phu, lý luận khoa học để giải thích được. Niệm Phật đã chẳng khó khăn, chẳng tốn kém, mà ngay hiện tại khiến cho loài người càng thêm hiền hậu lương thiện, thân tâm an vui. Hễ ai thật thà một lòng thành kính tin tưởng thì tự nhiên được lợi ích không thể nghĩ bàn.

\*\*\*

Khóa trình niệm Phật xưa nay có nhiều cách thiết lập, trên đây là phương pháp của Thiền sư Tính Định căn cứ từ bộ luận Long Thư Tịnh Độ Văn mà lập ra. Đây là một bộ kỳ thư Phật giáo được Quốc học Tiến sĩ thời Nam Tống là Cư sĩ Vương Nhật Hưu chọn lọc những điểm quan trọng từ nhiều bộ kinh truyện Phật giáo trong Tạng kinh mà biên soạn thành mười quyển, được lưu hành rộng khắp đến nay. Cư sĩ Vương Nhật Hưu khi vãng sinh thấy Phật đến đón, đứng thẳng như cây trồng mà hóa. Nước ta khắc ván in bộ Long Thư từ thời Lê, được vua Lê Hy Tông ban chiếu cho Thiền sư Chân Nguyên thực hiện việc khắc in tại chùa Quỳnh Lâm vào năm Vĩnh Thịnh thứ bảy, tức năm Tân Mão (1711). Thiền sư Tính Định rút lấy những điểm tinh yếu từ bộ Long Thư Tịnh Độ Văn, soạn theo thể thơ lục bát, dễ tụng đọc, dễ nhớ, gần gũi với quần chúng nhân dân.

Đây chỉ là một cách lập khóa trình tu niệm ở nước ta thời xưa, còn nhiều khóa trình khác đều do các bậc cao đức thiết lập, tuy nội dung có sự khác biệt đôi chút, nhưng chung quy đều chú trọng đến việc niệm Phật là chính.

Phía sau in hai khóa trình căn cứ theo Đại sư Ấn Quang và Cư sĩ Lý Bình Nam dạy, đơn giản và đầy đủ lễ nghi, là Khóa Trình Niệm Phật Hằng Ngày Trước Ban Thờ (trang 218) và Khóa Trình Niệm Phật Thông Dụng Hằng Ngày (trang 230). Mọi người có thể tùy ý thực hành tụng niệm theo các bài trong sách này, hoặc cứ tụng niệm theo bài mình đang trì tụng, cốt sao giữ tâm lòng thành kính, dành nhiều thời gian niệm Phật.

Ngoài ra, có thể tụng thêm các kinh: A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Địa Tạng, v.v... Nếu có thời gian thì nghiên cứu các bộ kinh sách Tịnh Độ như Long Thư Tịnh Độ Văn, An Sĩ Toàn Thư, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, Đường Về Cực Lạc (HT Thích Trí Tịnh soạn), Niệm Phật Thập Yếu, Phật Học Tinh Yếu (HT Thích Thiên Tâm soạn), Tịnh Độ Thập Yếu (Hán: 淨土十要), Kỳ Lộ Chỉ Quy (Hán: 歧路指歸), đọc bộ Khuyên Người Niệm Phật của Cư sĩ Diệu Âm, v.v...

Nếu quá mức bận rộn thì cứ thành tâm hằng ngày sớm tối dành vài phút niệm Phật cũng quý.

Cuộc đời vô thường, mạng sống mong manh, cái chết có thể ập đến bất cứ lúc nào không lường trước được, một khi chết đi, rất khó được thân người trở lại, nên chúng ta đừng chần chừ, dù còn bận rộn với việc đời, việc nhà, thì cũng cần phải tranh thủ dành thời gian niệm Phật, không kể tuổi tác, càng niệm Phật sớm ngày nào càng quý. Nếu vững tâm, tin sâu, nguyện thiết, hành chuyên, không hồ nghi, không tu xen tạp, tu không gián đoạn, niệm đến thuần thục, chỉ nhất tâm cầu về Tây Phương Cực Lạc, thì ngay trong lúc sống đã được dự phần ở cõi Phật, gọi là “bình sinh nghiệp thành”, khi xả bỏ báo thân, dù chết trong bất cứ tình trạng nào cũng vẫn được vãng sinh.

Gieo “nhân” niệm Phật sẽ nở “hoa” vãng sinh và kết “quả” thành Phật. Luôn nhớ, ta niệm Phật là vì sự nghiệp vãng sinh Tây Phương, thoát ly sinh tử luân hồi, để sớm thành Phật có đủ năng lực cứu độ khắp chúng sinh.



*Thật vì “sinh tử”  
Phát tâm Bồ Đề  
Dùng tín nguyện sâu  
Trì danh hiệu Phật.*

(Đại sư Triệt Ngộ)



# NÓI VỀ PHÁP THẬP NIỆM

Thập Niệm nghĩa là Mười Niệm. Pháp Thập Niệm được áp dụng theo ba cách:

- Thập Niệm Môn: là pháp “niệm Phật mười hơi” do Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức (964 - 1032), một cao tăng thời Tống phát minh.
- Thập Niệm Pháp Môn: là pháp “niệm Phật mười câu” do Tiến sĩ Vương Nhật Hưu (110? - 1173), một bậc đại cư sĩ thời Tống phát minh.
- Thập Niệm Ký Số: nghĩa là “mười niệm nhớ số”, là cách niệm Phật để dễ chuyên tâm, do Đại sư Ấn Quang (1862 - 1940) là Tổ thứ 13 của tông Tịnh Độ phát minh.

\*\*\*

Phương pháp “niệm Phật mười hơi” do Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức căn cứ theo lời nguyện “Thập Niệm Tất Sinh Nguyên” (mười niệm tất vãng sinh) của Đức Phật A Di Đà, được chép trong kinh Vô Lượng Thọ mà phát minh, chủ trương niệm Phật nương vào hơi thở để nhiếp tâm. Nguyên là phần Thập Niệm Môn trong bài Vãng Sinh Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyên Nhị Môn. Ngài dạy mỗi sáng sớm đứng chấp tay hướng về phía Tây, niệm bốn chữ ‘A Di Đà Phật’

mười hơi, mỗi hơi trước tiên hít vào sâu rồi vừa thở nhẹ ra vừa niệm ra tiếng cho đến hết hơi, sau khi niệm đủ mười hơi thì hồi hướng. Nguyên bài hồi hướng của Từ Vân Sám Chủ là một bài văn, ngày nay gọi là Từ Vân Sám Chủ Tịnh Độ Văn, ta quen gọi là Sám Nhất Tâm (*Nhất tâm quy mệnh Cực Lạc thế giới...*).

Thời sau, Cư sĩ Vương Nhật Hưu dạy phương pháp Thập Niệm đơn giản hơn nữa, “niệm Phật mười câu”, được ghi trong sách Long Thư Tịnh Độ Văn. Mỗi sáng sớm chấp tay hướng về phía Tây niệm mười câu ‘Nam Mô A Di Đà Phật’ sáu chữ để bày tỏ tấm lòng quy y với Phật, xong niệm bốn câu kệ của Bồ Tát Đại Từ như sau:

*“Nguyện cùng người niệm Phật,  
Đều sinh về Cực Lạc.  
Thấy Phật thoát sinh tử,  
Như Phật độ tất cả”.*

Đến thời cận đại, Đại sư Ấn Quang dạy kết hợp niệm sáu chữ ‘Nam Mô A Di Đà Phật’ mười hơi theo phương pháp của Từ Vân Sám Chủ, rồi đọc bốn câu kệ ngắn gọn theo sách Long Thư Tịnh Độ Văn. Phật tử nước ta sáng tối thực hành Khóa Lễ Niệm Phật Mười Hơi theo cách này, được in ở cuối sách Kinh Chú Thường Tụng.

Năm 1994, Pháp sư Tịnh Không đề xướng thực hành pháp “niệm Phật mười câu” mỗi ngày chín lần: sáng vừa ngủ dậy (1), trước khi dùng cơm ba bữa (3), trước và sau khi làm công việc hai buổi sáng chiều (4), và tối trước khi đi ngủ (1), niệm bốn chữ hoặc sáu chữ tùy ý. Gọi là “Giản Yếu Tất Sinh Thập Niệm Pháp” (pháp mười niệm cốt yếu đơn giản tất sẽ vãng sinh), nhằm *Phật hóa gia đình*. Ngày nay được phổ biến ở nhiều nơi.

Các cách niệm Phật này rất đơn giản, chỉ cần thực hành hằng ngày, tín nguyện suốt đời không thay đổi, thì đến lúc lâm chung chắc chắn được vãng sinh, có điều chỉ được vãng sinh về phẩm vị thấp, nhưng tuy vãng sinh về phẩm vị thấp nhất cũng đã thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Đây là các pháp phương tiện, dành cho người rất bận rộn, không có thời gian nào rảnh rỗi để thực hành thời khóa, là điểm đặc sắc của pháp môn Niệm Phật, chỉ có pháp môn Niệm Phật mới độ được khắp chúng sinh (phổ độ chúng sinh).

\*\*\*

Về phương pháp dễ dễ chuyên tâm trong khi niệm Phật, tuy các bậc cổ đức các thời trước dạy nhiều cách, nhưng căn cơ người thời sau ngày càng yếu kém, tâm thường tán loạn khó tập trung, Đại sư Ấn Quang, một cao tăng thời cận đại, hiện thân của

Bồ Tát Đại Thế Chí, đã dạy cách Thập Niệm Ký Số (mười niệm nhớ số), Ngài dạy trong lá thư trả lời Cư sĩ Cao Thiệu Lân như sau:

“Nếu niệm Phật tâm khó chuyên chú, thì nên nhiếp tâm niệm khản thiết, tâm sẽ tự nhiên có thể chuyên chú. Cách nhiếp tâm không gì hơn chí thành khản thiết. Tâm chẳng chí thành, muốn nhiếp tâm cũng chẳng được. Nếu đã chí thành, nhưng vẫn chưa chuyên tâm, thì hãy nên lắng tai nghe kỹ; chẳng luận là niệm ra tiếng hay niệm thầm, mỗi niệm đều phải từ tâm khởi, tiếng từ miệng thoát ra, âm thanh lọt vào tai (khi niệm thầm, miệng chẳng động, nhưng trong ấy vẫn có âm thanh). Tâm và miệng niệm được rõ ràng, tách bạch; tai nghe cho rõ ràng, phân minh. Nhiếp tâm như thế vọng niệm sẽ tự dứt.

Nếu sóng vọng tưởng vẫn còn trào dâng thì dùng ngay pháp Thập Niệm Ký Số, dốc toàn bộ sức lực của tự tâm đặt vào mỗi câu Phật hiệu thì vọng muốn khởi cũng chẳng đủ sức...

Thập Niệm Ký Số là, khi niệm Phật, từ câu thứ nhất đến câu thứ mười, mỗi câu phải niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng. Niệm hết mười câu, lại niệm từ câu thứ nhất đến câu thứ mười, không được niệm đến câu hai mươi, ba mươi. Niệm câu nào nhớ câu ấy, không được lần chuỗi, chỉ dựa

vào tâm để nhớ. Nếu thấy khó nhớ cả mười câu thì chia ra làm hai đoạn: từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn khó nhớ, có thể chia thành ba đoạn: từ câu thứ nhất đến câu thứ ba, từ câu thứ tư đến câu thứ sáu và từ câu thứ bảy đến câu thứ mười. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, niệm như vậy thì vọng niệm sẽ không có cơ hội xen vào, lâu ngày tự nhiên sẽ được nhất tâm bất loạn”.

Lưu ý: Khi nhớ số chỉ nhớ bằng tâm, không nhớ bằng âm thanh số đếm, không được ‘A Di Đà Phật 1’, ‘A Di Đà Phật 2’..., không dựa vào lần chuỗi hoặc bấm đốt ngón tay, v.v... để nhớ, cứ niệm ‘A Di Đà Phật A Di Đà Phật...’ nối liền tự nhiên, không liên quan đến hơi thở, không quy định mỗi hơi 10 câu, hay 5 câu, 3 câu, hoặc 4 câu.

Niệm ra tiếng to hay nhỏ cũng được (gọi là “minh trì”, cách này chỉ niệm được khi thở ra). Niệm thầm trong tâm cũng được (gọi là “mặc trì”). Hoặc động môi lưỡi niệm như nói thầm cũng được (gọi là “kim cương trì”). Hai cách sau, thở ra hít vào đều niệm được, niệm niệm nối nhau không ngắt quãng. Có thể thay đổi các cách trong khi niệm.



# HỘ NIỆM

Gọi người bè bạn đến nơi,  
Bảo rằng niệm Phật giúp tôi đây cùng,  
Nghe người hộ niệm thung dung,  
Với mình cùng niệm dạ không mê gì,  
Bên Tây, Phật thấy niệm trì,  
Kim đài âm nhạc phan kỳ lai nghinh.

Người nào chưa niệm xưa nay,  
Đến khi hấp hối niệm ngay mười lời,  
Bấy giờ Phật cũng đến nơi,  
Ngân đài đón rước lên vời hoa sen.

\*\*\*

Nghi thức niệm Phật trợ niệm lúc lâm chung do Đại sư Thiện Đạo, bậc cao tăng thời Đường, căn cứ theo phương pháp trong kinh Phật phát minh đề xướng, được chư tổ sư đại đức đời sau phát dương. Pháp này được gọi là “sức chung” hoặc “trợ niệm”, nước ta còn gọi là “hộ niệm”.

“Hộ niệm” chính là lúc mà người bệnh không còn chữa trị thuốc thang được nữa, thọ mệnh đã hết, khi sắp kết thúc mạng sống, mời người khác đến giúp đỡ hộ niệm Phật, dùng công đức niệm Phật tiễn họ đi hết khoảng thời gian cuối cùng

trên con đường của đời người, để cho họ thật an lạc, tự do tự tại vãng sinh về cõi Phật. Như vậy bất kể là người còn sống hay đã chết, cả hai đều được an lạc.

Đây là phương pháp ứng dụng kinh Phật một cách cụ thể, chính xác, hữu hiệu và trực tiếp cứu độ người lâm chung vãng sinh, có công năng mâu nhiệm giống như “điểm sắt thành vàng”, là “đại cứu tinh” cho tất cả chúng sinh trong thời Mạt pháp, cứu giúp kẻ phạm phu đầy tội chướng, một đời giải thoát sinh tử luân hồi thành Phật.

Với pháp môn Niệm Phật, đặc biệt là nhờ vào pháp hộ niệm, việc vãng sinh về thế giới Cực Lạc làm Thánh còn dễ hơn rất nhiều so với việc được tái sinh trở lại nhân gian làm người.

\*\*\*

Qua đoạn thơ trên cho thấy, nước ta vốn đã thực hành phương pháp hộ niệm từ xa xưa, vốn đã từng tổ chức hộ niệm trong dân chúng, nhưng có lẽ do suốt nhiều thập kỷ chiến tranh nên bị sao nhãng, có chăng chỉ còn trong một số chùa chiền trợ niệm các bậc tăng ni. Mãi đến khoảng năm 2000 trở về đây mới được khôi phục và phát triển rộng rãi, khởi đầu từ Cư sĩ Diệu Âm Minh Trí áp dụng theo nghi thức trợ niệm trong Tịnh Tông Học Hội. Đến nay, khắp các tỉnh thành đều có các

chùa, các đạo tràng lập ra Ban Hộ Niệm, gồm những thành viên giàu kinh nghiệm, luôn sẵn sàng trợ niệm giúp người lúc lâm chung niệm Phật vãng sinh trên tinh thần hoàn toàn thiện nguyện, tự mang theo thức ăn chay, không ăn uống của tang gia, không nhận tiền thù lao.

\*\*\*

Người suốt đời niệm Phật, quan trọng nhất là khi chấm dứt mạng sống vẫn giữ tín nguyện, nhớ niệm được danh hiệu ‘A Di Đà Phật’, tức là giữ được chính niệm. Người tu đạt tới trình độ niệm Phật thật thuần thục mới có thể tự tại vãng sinh. Còn ngoài ra, trong khoảnh khắc ra đi, sắc thân tứ đại chia lìa, vô cùng đau khổ, rất khó giữ được chính niệm, lúc ấy rất cần có người bên cạnh an ủi nhắc nhở, niệm Phật cho họ nghe. Ở đâu có tiếng niệm Phật thì có Phật quang (ánh sáng Phật) chiếu tới, nên khi mọi người niệm Phật bên cạnh người sắp chết, chính là cầu Phật gia trì giúp họ khơi dậy danh hiệu Phật, luôn giữ được chính niệm niệm Phật, tâm không điên đảo, trong tâm có Phật là được vãng sinh.

Rất nhiều người, tuy cả đời chưa biết niệm Phật, cuối đời mắc bệnh vô phương cứu chữa, nhờ thiện duyên được Ban Hộ Niệm khai thị,

hướng dẫn, trợ niệm giúp họ, nhờ bản thân chí thành tín nguyện niệm Phật, nhờ gia đình tin tưởng giúp đỡ, mà họ được hưởng sự an lạc ngay trong lúc đang bệnh, thần trí tỉnh táo, thân bớt đau khổ, khi ra đi vui vẻ niệm Phật vãng sinh. Đa số người vãng sinh đều để lại tướng lành, sau khi chết mười mấy tiếng đồng hồ, khi thể xác đã lạnh thấu mà vẫn mềm mại, tươi nhuận như lúc còn sống, mà lẽ ra theo quy luật tự nhiên thì thân xác cứng đơ, đây là cảm ứng nhiệm mầu rõ ràng nhất càng khiến cho mọi người an tâm niệm Phật cầu vãng sinh. Tuy nhiên có người thân xác cứng, nhưng họ vẫn vãng sinh, nếu đủ tín nguyện giữ được chính niệm.

Vãng sinh về với Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là sự thật hiển nhiên, không có gì ngờ vực, cũng không thể lý giải, tất cả đều nhờ vào bi nguyện cứu độ chúng sinh của Đức Phật A Di Đà, nhờ công đức không thể nghĩ bàn của câu danh hiệu “A Di Đà Phật”.

Pháp niệm Phật trợ niệm giúp người lâm chung vãng sinh là pháp cao diệu nhất, chỉ Tịnh Độ tông trong Phật giáo Đại thừa mới có được. Nhưng trợ niệm chỉ là pháp bổ cứu, vì có rất nhiều lý do khiến lúc lâm chung không có cơ hội

được trợ niệm, nên điều quan trọng là thường ngày tự bản thân chúng ta phải tinh tiến tu tập thì đến khi từ già cõi đời mới có nhiều hy vọng được vãng sinh. Dù trong đời thông minh tài trí, làm được hàng trăm việc lớn lao, sự nghiệp lẫy lừng, quyền cao chức trọng, giàu sang danh giá, nhưng đến lúc chết đi chỉ riêng một việc thoát khỏi luân hồi không làm được, thì coi như đã sống uổng phí một kiếp người. Lúc sống tu nhân tích đức, niệm Phật thật tốt, lúc lâm chung được người thân và bạn lành trợ niệm thì chắc chắn được vãng sinh, càng tích nhiều công đức niệm Phật thì khi vãng sinh phẩm vị càng cao.

\*\*\*

“Sinh Tử sự đại”, ai sinh ra làm người rồi cũng sẽ đến một ngày phải chết, lúc lâm chung là thời điểm vô cùng trọng đại, là sự kiện quan trọng nhất trong đời người, kiếp tương lai đi về đâu được quyết định chủ yếu trong thời điểm này. Lúc lâm chung, nếu được người thân bạn lành niệm Phật trợ niệm giúp cho được thuận lợi vãng sinh, thì đó là một đại thiện duyên.

Vấn đề lâm chung và phương pháp trợ niệm đại khái như sau.

### 1- Diễn biến quá trình lâm chung:



- Lâm chung: còn gọi là “tương tử”, nghĩa là “sắp chết”, là quãng thời gian từ lúc bắt đầu hấp hối, rồi tắt thở, tim ngừng đập, sau đó tám thức dần dần thoát ra, thể xác lạnh dần, nhưng Ý thức vẫn hoạt động, vẫn còn cảm nhận, thân xác rất đau đớn. Thời gian lâm chung nhanh chậm tùy theo mỗi người, không cố định.

- Lâm mệnh chung: còn gọi là “cận tử”, nghĩa là “gần chết”, là khoảng thời gian rất ngắn cuối giai đoạn lâm chung, thể xác sắp lạnh hết, Thần thức sắp rời khỏi. Lúc này Ý thức đã mất, với người bình thường thì tâm không làm chủ được nữa, tâm điên đảo tán loạn, cận tử nghiệp hiện hành, bao nhiêu chủng tử nghiệp trong A Lại Da thức từ vô thủy kiếp, lúc thiện lúc ác, thay nhau hiện hành, Thần thức rơi vào trạng thái “loạn tâm vị”.

- Mệnh chung: mạng hết, chính là “tử” được nói đến trong từ “sinh tử”, nghĩa là “chết”, diễn ra ngay sau lúc lâm mệnh chung, khi thể xác lạnh hoàn toàn, Thần thức rời khỏi thể xác. Theo Phật giáo lúc này mới gọi là chết, còn lúc tắt thở, tim ngừng đập chưa phải là chết.

2- Sau khi mệnh chung, có bốn loại sức mạnh dẫn Thần thức tái sinh:

- Theo nghiệp nặng mà đi (tùy trọng): Người

lúc sống tạo ra các nghiệp thiện to lớn hoặc nghiệp ác nghiêm trọng, khi chết sẽ theo nghiệp đó tái sinh, nghiệp thiện thì sinh về đường lành, nghiệp ác thì sinh về đường ác.

- Theo thói quen mà đi (tùy tập): Người lúc sống không có nghiệp thiện ác nào trọng đại, nhưng có thói quen ưa thích đặc biệt nào đó, sau khi chết sẽ theo thói quen này mà tái sinh, về đường lành hoặc đường ác tùy theo tính chất tốt xấu của thói quen đó.

- Theo tâm nguyện mà đi (tùy nguyện): Người lúc sống có ‘tín, nguyện’ sâu dày, một lòng niệm Phật cầu sinh Cực Lạc, lâm chung niệm Phật, niệm niệm không dứt, tâm niệm thuần thực, lúc lâm mệnh chung được Đức Phật A Di Đà cùng hàng Thánh chúng hiện thân trước mặt, từ bi gia hộ, khiến người đó tâm không điên đảo, trong lòng vui mừng hớn hở, chính niệm rõ ràng, nhất tâm bất loạn, đến lúc mệnh chung, trong tích tắc vãng sinh Tịnh Độ. Hoặc người tu hành có chí nguyện sinh trở lại nhân gian tiếp tục tu hành sẽ đầu thai trở lại làm người. Hoặc tín đồ các tôn giáo, các tín ngưỡng, nguyện cầu về thiên đàng, về với thần linh họ tôn thờ, v.v... Trong các tâm nguyện, duy nhất chỉ có người niệm Phật vãng sinh mới thoát khỏi luân hồi, mới thật sự an lạc, thật sự giải thoát.

- Theo niệm hiện tại mà đi (tùy niệm):

+ Người lúc sống không có nghiệp thiện hay ác nào trọng đại, không có thói quen ưa thích gì đặc biệt, cũng không có tâm nguyện cầu sinh về nơi đâu. Trước lúc lâm mệnh chung, đặc biệt nghĩ đến một cảnh giới nào đó, như chuyên nhất suy ngẫm về đạo lý thiện, hướng về Tam Bảo,... sẽ sinh về cõi trời hoặc cõi người; nếu bị đụng chạm vào thân xác, hoặc ồn ào khó chịu sẽ sinh khởi ý niệm sân hận, hoặc nghe tiếng khóc than mà quyến luyến gia đình con cháu, hoặc tham tiếc tài sản, hoặc sợ chết, thì thường đọa vào ba đường ác.

+ Nếu người lúc sống, dù không học Phật tu hành, dù là kẻ đã từng gây ra tội ác, nhưng khi lâm chung có người trợ niệm, khéo dẫn dắt tâm niệm họ niệm ‘A Di Đà Phật’, họ một lòng hướng thiện, tín nguyện niệm Phật, trước lúc lâm mệnh chung giữ được chính niệm, sẽ được Phật A Di Đà từ bi phóng quang cứu độ, khiến cho họ lúc lâm mệnh chung tâm không điên đảo, không rơi vào trạng thái loạn tâm vị, duy trì chính niệm nhất tâm bất loạn, mệnh chung liền vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Đây gọi là “lâm chung nghiệp thành”.

+ Một niệm cuối trước lúc lâm mệnh chung là quan trọng nhất, có thể thay đổi hướng tái sinh do nghiệp nặng, do thói quen, do tâm nguyện lúc sống.

Tuy phân ra bốn loại trên, nhưng chung quy đều là theo Nghiệp mà tái sinh, vì tất cả mọi kết quả tạo tác từ thân, miệng, ý đều tạo thành nghiệp. Thói quen, tâm nguyện là nghiệp có sẵn. Niệm hiện tại trước lúc lâm mệnh chung tạo ra nghiệp mới: tâm nghĩ đến điều lành tạo ra nghiệp thiện; tâm sân hận, tham luyến, sợ chết tạo ra nghiệp ác; tâm tín nguyện niệm Phật tạo ra nghiệp thanh tịnh (tịnh nghiệp).

3- Sau khi tắt thở, Thần thức rời khỏi thể xác nhanh hay chậm mỗi người mỗi khác, liên quan đến nghiệp lực. Người có nghiệp cực thiện hoặc cực ác sẽ rời xác rất nhanh, người nghiệp cực thiện sẽ sinh lên cõi trời, người nghiệp cực ác sẽ bị đọa vào địa ngục. Hạng phổ thông bình thường, Thần thức rời thể xác chậm hơn, có khi chỉ vài ba tiếng, có khi kéo dài tới 24 tiếng, lâu nhất là hai ngày, nhưng thông thường chỉ khoảng từ 8 tiếng đến 12 tiếng đồng hồ.

Đặc biệt, người lúc sống nhất tâm niệm Phật, lâm chung mong cầu Phật tiếp độ, hoặc người tu Thiền chứng quả giải thoát, sẽ biết trước giờ chết, thân không bệnh khổ, tâm không phiền não, vui vẻ niệm Phật hoặc nhập định mà rời xác rất nhanh.

Những trường hợp Thần thức rời khỏi thể xác rất nhanh kể trên, có khi vừa tắt thở, thân chưa kịp lạnh, Thần thức đã thoát ra rồi.

Nhưng chúng ta người trần mắt thịt, không thể nhìn thấy mà biết được lúc nào Thần thức rời khỏi xác, vì thế thời gian trợ niệm được quy định tối thiểu 8 tiếng đồng hồ sau khi tắt thở, trợ niệm được 12 tiếng mới thăm hơi ấm thì càng tốt. Nếu điều kiện thuận lợi có thể trợ niệm qua 24 tiếng mới khâm liệm là an toàn nhất.

Lúc lâm chung, người sắp chết tin sâu, nguyện thiết, một lòng niệm Phật, toàn tâm toàn ý cầu sinh Cực Lạc, đó là “nhân tự lực”, Đức Phật A Di Đà cùng với Vạn Đức Hồng Danh của Ngài có thể khiến cho chúng sinh vãng sinh Cực Lạc là “duyên tha lực”, cộng với sự trợ giúp của mọi người xung quanh cũng là “duyên tha lực”. Khi nhân duyên đầy đủ thì được vãng sinh.

Ba sức mạnh không thể nghĩ bàn khiến cho lúc lâm mệnh chung một niệm vãng sinh gồm ba lực: Một là Phật lực, xuất phát từ tâm đại từ đại bi, thệ nguyện cứu độ chúng sinh của Đức Phật A Di Đà. Hai là Tâm lực, xuất phát từ tâm thể thanh tịnh vốn đồng với chư Phật, tâm lượng rộng lớn bao trùm khắp hư không, tâm đầy đủ mười pháp giới của chúng sinh. Ba là Pháp lực do người sắp chết tin sâu nguyện thiết, chí thành niệm Phật, lúc lâm mệnh chung giữ được chính niệm mà cảm ứng đạo giao. Ba sức mạnh này cùng dung hợp một niệm trong



câu Hồng danh A Di Đà Phật, lúc mệnh chung liền được vãng sinh.

4- Những trường hợp đặc biệt, niệm Phật được vãng sinh, tu Thiền chứng quả, người có công phu Thiền định, người có nghiệp cực thiện và người có nghiệp cực ác, thì lúc lâm mệnh chung không xảy ra trạng thái loạn tâm vị, khi Thần thức rời khỏi thể xác liền đi ngay.

Còn lại, những người phổ thông bình thường, hoặc người thường ngày niệm Phật, nhưng đến lúc lâm chung lại sợ chết, hoặc do người xung quanh làm phiền mà mất chính niệm; hoặc người được trợ niệm nhưng không đủ tín nguyện, thần trí mê muội không niệm Phật nổi, không được vãng sinh. Lúc lâm mệnh chung, Thần thức sẽ rơi vào trạng thái loạn tâm vị, các nghiệp thiện ác nhiều đời nhiều kiếp thay nhau hiện hành, chỗ tái sinh chưa quyết định dứt khoát, nên chưa tái sinh ngay được. Khi Thần thức thoát ra khỏi thể xác (thể xác này gọi là thân “tiền hữu”), lúc chưa tái sinh vào thân đời sau (thân “hậu hữu”), tức thời hình thành một thân trung gian gọi là thân “trung hữu”, thân này là một loại linh chất nương nhờ vào thể khí nhỏ bé do năm âm vi tế tạo thành, nên cũng gọi là thân “trung âm”, dân gian thường gọi là “vong linh”, “hương linh”. Thân trung âm có linh thông, thân nhẹ bay trên hư

không rất nhanh, xuyên qua tường vách núi non không bị trở ngại, biết được ý nghĩ của người khác, mắt nhìn rất xa thông suốt mọi vật cản, tai nghe rất thính, tuy lang thang ở nơi rất xa, nhưng một khi có tiếng gọi tên mình liền đến ngay trước mặt. Người sống không thấy được thân trung âm, còn thân trung âm thấy được cả những sự vật mà người sống không thấy được. Thân trung âm ăn hương liệu để tự nuôi sống, chúng không thuộc bất cứ một cõi sống nào, khi có đủ nhân duyên chín muồi thì tái sinh.

Thời gian tồn tại của thân trung âm không cố định, có khi tái sinh ngay, có khi chỉ qua một hai ngày thì tái sinh, có khi một hai tuần, tối đa là bảy tuần (49 ngày) quyết định tái sinh vào thân đời sau. Trong 49 ngày có thể tái sinh bất cứ lúc nào, nếu chưa gặp cơ duyên tái sinh thì mỗi tuần (bảy ngày) chết đi rồi sinh trở lại thân trung âm khác (vì vậy mà có tục lệ cúng tuần, cúng tứ cửu, trở thành một truyền thống tín ngưỡng Phật giáo). Tuần thường được tính như sau: ví dụ Thần thức thoát ra khỏi thể xác, chết trong ngày Thứ Hai, thì đến ngày Chủ Nhật đầu tiên là tuần đầu, rồi Chủ Nhật kế tiếp là tuần thứ 2, v.v... cho đến Chủ Nhật lần thứ 7 là tuần cuối.

Sau then chót đầu tiên là trợ niệm lúc lâm chung,

thì trong suốt 49 ngày, gia đình tập trung niệm Phật trước bàn linh, tránh tuyệt đối không sát sinh, làm các việc thiện, phóng sinh, tu phúc, cúng dàng Tam Bảo để hồi hướng siêu độ cho người mất là then chốt thứ hai. Nếu Thần thức đã vắng sinh thì tăng cao phẩm vị, nếu đang trong giai đoạn thân trung ấm sẽ có hy vọng được vắng sinh về với Phật, hoặc chí ít cũng được tái sinh trong cõi lành, đời sau nhờ nhân duyên được nghe danh hiệu A Di Đà Phật mà sớm được giải thoát.

Đối với việc độ tử, tuy có nhiều phương pháp nhưng không có phương pháp nào bằng pháp niệm Phật hộ niệm, lại rất dễ thực hành. Nhưng để được vắng sinh phải do chính người sắp chết tín nguyện niệm Phật, mọi người trợ niệm chỉ là giúp cho người sắp chết giữ được chính niệm.

\*\*\*

Muốn tìm hiểu kỹ về pháp hộ niệm, hãy đọc cuốn Hành Trang Cho Ngày Cuối, do dịch giả Thích Thiện Phước dịch từ cuốn Sức Chung Tu Tri (飭終須知), được Pháp sư Thích Thế Liễu căn cứ từ hai quyển Sức Chung Tân Lương (飭終津梁) và Nhân Sinh Chi Tối Hậu (人生之最後) rồi biên soạn bằng văn bạch thoại chữ Hán từ năm 1954, nội dung rất cụ thể, chi tiết, dễ hiểu, dễ thực hành, trước khi lưu thông phổ biến khắp nơi, sách được các bậc

cao tăng đại đức đương thời xét duyệt, mỗi nhà đều có thể căn cứ theo để tự thực hành trợ niệm cho người thân lúc lâm chung. Đọc thêm các sách: Sự Kiện Quan Trọng Nhất Trong Đời Người (Hán: 人生最大的一件事) do Cư sĩ Dư Định Hy soạn; Ý Nghĩa Và Quy Tắc Trợ Niệm (Hán: 助念之意義與規矩) do Lão cư sĩ Lý Bình Nam soạn; Tại Sao Phải Làm Phật Sự (Hán: 為甚麼要做佛事) do Pháp sư Thích Thánh Nghiêm soạn; đọc chương X trong cuốn Niệm Phật Thập Yếu do Hòa thượng Thích Thiện Tâm soạn; và đọc các sách soạn theo lời dạy của Cư sĩ Diệu Âm như Hộ Niệm Yếu Lục, Để Hiểu Thấu Hành Đúng Pháp Hộ Niệm; v.v...

\*\*\*

### **Gia đình khi có thân nhân lâm chung chú ý:**

Đối với việc báo hiếu cha mẹ, trả nghĩa người thân, không gì quan trọng bằng việc giúp cho cha mẹ người thân được vãng sinh về nước Phật, thoát khỏi sinh tử luân hồi, đây là việc đại hiếu đại nghĩa. Khi cha mẹ người thân còn sống, hãy khuyên nhủ họ niệm Phật; khi bệnh nặng, đến lúc lâm chung cần chú ý:

- Trước khi tắt thở, không được gọi hỏi, khóc lóc, tỏ ra đau thương trước mặt người bệnh, chỉ khéo an ủi động viên, khuyên người bệnh an tâm niệm Phật, một lòng cầu vãng sinh Tây Phương.

- Khi đã tắt thở, không được di chuyển, giữ khoảng cách không đến gần, tuyệt đối không được đụng chạm vào thân xác.

- Giữ không gian xung quanh yên tĩnh, tránh dịch chuyển bàn ghế, đồ đạc gây ồn ào.

- Mọi người giữ trật tự, chỉ thành tâm niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”. Người nhà niệm Phật và thay nhau lay Phật. Khi đã tắt thở càng không được có tiếng khóc, chỉ niệm Phật và thêm phóng sinh. Ngoài ra trong lúc lâm chung không tụng kinh và làm các nghi thức cúng lễ khác.

- Không định trước giờ nhập quan. Điểm này rất quan trọng, vì không thể biết trước khi nào Thần thức rời khỏi thể xác, tùy theo tình hình thực tế sẽ định sau. Thời gian trợ niệm tối thiểu từ 8 tiếng đến 12 tiếng đồng hồ. Nếu điều kiện cho phép, có thể niệm Phật suốt 24 tiếng sau khi tắt thở rồi mới làm các việc hậu sự là an toàn nhất.

- Thức cúng dùng đồ chay, kiêng hành tỏi. Trong lúc người bệnh lâm chung và suốt 49 ngày sau khi mất, gia đình không được tự giết mổ hoặc nhờ người khác giết mổ sinh mạng động vật làm cỗ đãi khách, điều này rất có hại cho tương lai của người mất. Người khó ăn chay có thể mua thịt cá ngoài chợ đã làm sẵn về chế biến.



Khi người bệnh không còn chữa trị thuốc thang được nữa, tốt nhất, gia đình nên đồng lòng mời Ban Hộ Niệm đến trợ giúp.

Trong trường hợp không mời được Ban Hộ Niệm, gia đình có thể tự niệm Phật trợ niệm cho người thân trong những ngày cuối đời.

Thiết lập một bàn thờ Phật, trải tám vải vàng, đặt trên bàn hoặc treo trên tường một tấm hình Phật A Di Đà, bày thanh bông hoa quả, nước trong, đèn nến, hương thơm. Đồng thời treo một hoặc vài hình Phật ở chỗ người bệnh có thể nhìn thấy, các hình Phật giống nhau cao chừng hơn 1 mét.

Khi chưa lâm chung, mỗi ngày gia đình tập trung niệm Phật hai thời vào buổi sáng và buổi chiều, mỗi thời khoảng 1 tiếng đồng hồ. Khéo léo khuyên người bệnh tin tưởng Phật pháp, không sợ chết, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, không suy nghĩ gì khác nữa, chỉ nghĩ nhớ đến “A Di Đà Phật”, tha thiết mong cầu được vãng sinh, nếu mệnh chưa tận thì càng nhanh bình phục, nếu mệnh đã tận thì được vãng sinh về nước Phật. Đối với người chưa hiểu rõ pháp môn Tịnh Độ, hãy nói cho biết về nỗi khổ sinh tử luân hồi, giảng cho nghe về Đức Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc, khiến người bệnh quyết lòng niệm Phật cầu vãng sinh.

Đến khi bệnh đã chuyển nặng, bước vào giai đoạn lâm chung thì thay phiên niệm Phật suốt, cho đến sau khi tắt thở tối thiểu từ 8 tiếng đến 12 tiếng đồng hồ, khi thân xác đã lạnh thấu mới được tắm rửa thay quần áo và làm các việc hậu sự.

▪ Nghi thức niệm Phật trợ niệm như sau:

Đối trước bàn thờ Phật, mọi người dốc lòng thành kính đứng chấp tay cùng niệm và lay Phật:

**Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.** (*Ba lần, ba lay*).

Tiếp theo, một người đọc dẫn từng câu trong lời phát nguyện để người bệnh đọc theo, đọc ba lượt (khi người bệnh đã nhớ thì tự phát nguyện):

- **Nam Mô A Di Đà Phật.**

- **Đệ tử con là ... .. tuổi.**

- **Xin Phật đón con về Tây Phương Cực Lạc.**

Rồi tất cả cùng niệm suốt bốn chữ **A Di Đà Phật**, một người niệm bắt nhịp cho mọi người niệm theo, hoặc niệm theo đài. Âm thanh cần không cao không thấp, không nhanh không chậm, từng tiếng rành rọt, từng câu rõ ràng, khiến cho từng tiếng từng câu thấu qua tai, lọt vào tâm người bệnh. Người bệnh niệm theo được thì càng tốt, nếu không thể niệm theo thì lắng nghe mọi người niệm cũng được. Nếu người bệnh thường

ngày có tu trì, quen niệm sáu chữ, hoặc quen niệm “A Mi Đà Phật” thì trợ niệm theo cách họ đã quen. Niệm xong, tụng bài hồi hướng:

**Trợ niệm công đức lớn vô cùng,  
 Bao nhiêu phúc đức xin hồi hướng,  
 Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm,  
 Sớm về nước Phật Vô Lượng Quang.  
*Thập Phương Tam Thế Nhất Thiết Phật,  
 Nhất Thiết Bồ Tát Ma Ha Tát,  
 Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.* (Lạy ba lạy).**

Đây là nghi thức trợ niệm rất đơn giản, chỉ cần gia đình hết lòng thành kính, người bệnh một lòng tín nguyện, chắc chắn được vãng sinh.

Nếu mời được Ban Hộ Niệm, gia đình phải tuân theo sự hướng dẫn của vị trưởng ban.



*“Người Phật tử, bất luận trong lúc bình thường tụng bao nhiêu kinh, niệm bao nhiêu câu chú, đến lúc lâm mệnh chung, trong số các chủng tử xuất hiện, thì duy nhất chỉ có bốn chữ ‘A Di Đà Phật’ mới có tác dụng, mới có thể giúp cho được vãng sinh. Lời này vô cùng quan trọng, mọi người cần phải luôn luôn ghi nhớ một cách sâu sắc”.*

(Lão cư sĩ Lý Bình Nam)

# **KHÓA TRÌNH NIỆM PHẬT HẰNG NGÀY TRƯỚC BAN THỜ**

Mỗi ngày thực hành hai thời khóa, khóa sáng lúc vừa ngủ dậy, khóa tối trước khi đi ngủ, hoặc tùy công việc mà định thời gian cho phù hợp. Rửa tay, đánh răng súc miệng, thân thể trang phục sạch sẽ gọn gàng, không uống rượu, không ăn ngũ tân (tỏi, hành, hẹ, kiệu, hành tây). Có điều kiện thì dâng hoa quả thức chay, không thuận tiện chỉ cần dâng một chén nước tinh khiết lên ban thờ, đốt đèn nến, thắp hương là được. (Hương-nước-đèn biểu trưng cho Góí-Định-Tuệ). Vừa châm hương vừa khẽ đọc bài Nguyên Hương để tỏ lòng thành kính và ý chí tu học cầu giải thoát vững chắc như sau (đọc theo chữ in đậm):

**Nguyên đem lòng thành kính,  
Gửi theo đám mây hương,  
Phảng phất khắp mười phương,  
Cúng dàng ngôi Tam Bảo.  
Thề trọn đời giữ đạo,  
Theo tự tính làm lành,  
Cùng pháp giới chúng sinh,**

**Cầu Phật từ gia hộ.  
Tâm Bồ Đề kiên cố,  
Chí tu học vững bền,  
Xa bề khổ nguồn mê,  
Chóng quay về bờ Giác.**

Bề khổ nguồn mê là ví Lục đạo luân hồi trong Tam Giới (ba cõi), cụ thể là, nơi chúng ta đang sống là bề khổ. Bờ Giác là cõi Phật, ở đây chỉ thế giới Cực Lạc, nơi chúng ta cầu vãng sinh. Tu học đạo phải thật lòng thành kính, phát tâm Bồ Đề kiên cố, tinh tiến không trễ nải mới được cảm ứng đạo giao. Tâm Bồ Đề là tâm giác ngộ, mong muốn cứu độ chúng sinh, chỉ khi thành Phật mới có đủ năng lực cứu độ mọi loài, nên khi nguyện vãng sinh cần phát tâm “trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sinh”.

Phật là đấng đại từ đại bi, nếu chưa lập riêng ban thờ Phật, chúng ta có thể thỉnh một tấm hình Đức Phật A Di Đà về treo hoặc đặt trang trọng trên cao giữa ban thờ gia tiên để lễ Phật hằng ngày thì rất tốt, hương linh gia tiên cũng được nhờ ơn Phật siêu độ.

*Trước tiên quỳ, chắp tay khấn cầu Phật hiện diện chứng minh gia trì như sau:*



**Nam Mô A Di Đà Phật. (Ba lần).**

**Hôm nay là sáng (hoặc tối) ngày... tháng... năm...**

**Đệ tử con là... xin kính lạy Đức Phật Thích Ca, kính lạy Đức Phật A Di Đà, xin Phật từ bi ai mẫn, cầu thập phương Tam Bảo gia trì, cầu chư Phật Bồ Tát hộ niệm, cầu chư Thánh hiền Thiên Long thiện thần hộ Pháp, cầu chư Phật chư tôn giảng phó gia đường rủ lòng từ bi thương xót gia hộ cho đệ tử con lễ bái, niệm Phật, nguyện cầu, được công đức viên mãn.**

**Nam Mô A Di Đà Phật. (Dập đầu lạy).**

*Khấn tiếp để thỉnh mời chư vị bản gia tôn thần và chư tiên linh cùng tới nghe và niệm Phật như sau:*

**Nam Mô A Di Đà Phật. (Ba lần).**

**Con kính thỉnh Thần linh Thổ địa**

**Long mạch Táo quân chư vị bản gia tôn thần. Con kính thỉnh các cụ Tổ tiên, Cao tăng tổ khảo, Cao tăng tổ tỷ, (ông, bà, cha, mẹ đã khuất), nội ngoại gia tiên chư vị hương linh. Con thành tâm kính thỉnh chư vị lai đáo linh đường trợ pháp cho con, cùng niệm A Di Đà Phật nguyện cầu vãng sinh Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ.**

**Nam Mô A Di Đà Phật.** *(Dập đầu lay).*

*Đứng chấp tay niệm:*

**Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo.**

*(Niệm một lần, dập đầu lay một lay).*

Nghĩa là: Con chí thành kính lễ quy y ba ngôi báu Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo, thường trụ trong khắp mười phương.

**Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** *(Niệm một lần, dập đầu lay một lay).*

Nghĩa là: Con chí thành kính lễ quy y bậc thầy của con, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

## **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.**

*(Niệm một lần, dập đầu lạy một lạy).*

Nghĩa là: Con chí thành kính lễ quy mệnh Đức Phật A Di Đà đại từ đại bi ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đến đây, nếu tụng kinh thì nối vào đoạn này, từ xưa các cụ thường tụng Phật Thuyết A Di Đà Kinh âm Hán Việt được in trong quyển Chư Kinh Nhật Tụng, nay nên tụng theo bản dịch nghĩa Việt là Phật Nói Kinh A Di Đà được in trong quyển Kinh Chú Thường Tụng. Trong sách này có sẵn bản diễn âm, ta có thể lật về tụng tất cả bản Di Đà Kinh Diễn Âm (từ trang 23 đến trang 53). Hoặc tụng từ câu “Nam Mô Phật Đại Di Đà” (trang 23) đến câu “Liên hoa thượng phẩm nghìn thu rõ ràng” (trang 37), là đoạn kinh toát yếu ý nghĩa chính của tất cả kinh luận Tịnh Độ. Thỉnh thoảng tụng bản Nhân Quả Diễn Âm (từ trang 55 đến trang 99).

Khi tụng kinh xong thì tụng ba biến chú Vãng Sinh (trang 187).

Nếu không tụng kinh chú thì chuyển luôn sang niệm Phật, niệm Phật là chính.

*Tiếp theo quỳ chấp tay niệm:*

**Nam Mô A Di Đà Phật.**

*Niệm vài chục câu, hoặc niệm mười hơi.*

*Xong ngồi xuống niệm bốn chữ:*

**A Di Đà Phật.**

*Niệm 15, 30, hoặc 60 phút (có thể đặt đồng hồ hẹn giờ), hoặc niệm hết một tuần hương, hoặc lâu hơn tùy ý. Niệm xong quỳ lạy.*

Niệm to, niệm nhỏ, niệm động môi lưỡi, hoặc niệm thầm trong tâm đều được, cốt sao chăm chú đến câu niệm, không nghĩ ngợi lung tung, niệm rõ ràng từng câu từng chữ, miệng niệm, tai nghe, tâm tưởng nhớ. Cần giữ nguyên hoặc tăng thời gian, không giảm bớt.

Tư thế: Ngồi già phu theo hai cách, ngồi kết già (hai chân đan chéo lên nhau, bàn chân nọ đặt trên đùi chân kia) hoặc ngồi bán già (chân nọ đặt lên chân kia), chân trái bên trên gọi là thế “hàng ma”, chân phải bên trên gọi là thế “cát tường”, hai bàn tay chồng lên nhau đặt dưới rốn, thế hàng ma thì tay trái đặt trên, thế cát tường thì tay phải đặt trên, hai ngón tay cái chạm vào nhau gọi là “định ấn”, Đầu và cột sống phải thẳng, mũi và rốn thẳng một đường, mắt hơi khép. Nếu không ngồi già phu được thì ngồi xếp bằng, khi mỏi có thể thay đổi tư thế.

*Quy, chấp tay niệm ba Thánh hiệu Bồ Tát:*  
**Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.**

*(Niệm ba lần, dập đầu lạy một lạy).*

Nghĩa là: Con chí thành kính lễ Bồ Tát Quán Thế Âm (cũng đọc là Quan Thế Âm).

**Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.**

*(Niệm ba lần, dập đầu lạy một lạy).*

Nghĩa là: Con chí thành kính lễ Bồ Tát Đại Thế Chí.

Hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí là đệ tử hầu cận bên Đức Phật A Di Đà, Quán Âm bên tay trái, Thế Chí bên tay phải. Ba thầy trò được xưng là Tây Phương Tam Thánh. Người niệm Phật lúc lâm chung, hai vị Bồ Tát này cùng với Đức Phật A Di Đà đồng thời đến tiếp dẫn về Tây Phương. Niệm Phật xong phải niệm danh hiệu và lễ bái hai vị.

**Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.**

*(Niệm ba lần, dập đầu lạy một lạy).*

Nghĩa là: Con chí thành kính lễ tất cả các bậc Bồ Tát Thanh Tịnh ở cõi Tây Phương Cực Lạc.

Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát là tất cả những vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc đều rất thanh tịnh. Ba chữ Đại Hải Chúng ngụ ý các vị Bồ



Tát ấy nhiều như nước biển. Sớm muộn gì ta cũng sẽ làm bầu bạn với các vị Bồ Tát ấy, vì thế cần phải niệm và lễ bái các vị.

Đến đây tùy ý, có thể tụng thêm bài kệ của Bồ Tát Đại Từ theo nghĩa Việt (trang 186).

*Quý, chấp tay niệm Kệ Hồi Hương:*

**Nguyện đem công đức này,  
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ.  
Trên đền bốn ơn nặng,  
Dưới cứu ba đường khổ.  
Nếu có ai thấy nghe,  
Đều phát tâm Bồ Đề.  
Hết một báo thân này,  
Đồng sinh về Cực Lạc.**

*(Niệm xong, dập đầu lạy)*

Bốn ơn nặng: Cha Mẹ, Thầy Tổ, Tam Bảo, Tổ Quốc.

Ba đường khổ: súc sinh, ngã quý, địa ngục.

Tám câu kệ này có hai tầng ý nghĩa lớn:

- Tầng thứ nhất: Chúng ta niệm Phật là để cầu sinh về Tây Phương, chứ chẳng phải vì cầu công

danh, phú quý hay tất cả những điều tốt đẹp của thế gian.

- Tầng thứ hai: Chúng ta niệm Phật là để cứu độ hết thảy chúng sinh thoát ly biển khổ, chứ chẳng phải vì riêng bản thân mình.

Bất luận là niệm Phật, tụng kinh hay làm bất cứ điều lành gì đều luôn giữ tâm lòng như thế, hồi hướng như thế. Có như vậy mới là người học Phật phát tâm Bồ Đề chân chính.

*Quỳ, chắp tay niệm Tam Tự Quy:*

**Con quy Phật rồi, nguyện cho chúng sinh thấu hiểu đạo lớn, phát tâm vô thượng. (Dập đầu lạy).**

**Con quy Pháp rồi, nguyện cho chúng sinh thông thuộc kinh tạng, trí tuệ như biển. (Dập đầu lạy).**

**Con quy Tăng rồi, nguyện cho chúng sinh hòa hợp đại chúng, hết thảy không ngại. (Dập đầu lạy).**

*Quỳ chắp tay khấn nguyện:*

**Nam Mô A Di Đà Phật. (Ba lần).**

**Con cầu Phật từ bi cứu độ, khi mãn phần, xin Phật đón con về Tây Phương Cực Lạc, để trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sinh.**

**Con thành tâm sám hối tất cả mọi tội lỗi nghiệp chướng từ bao đời bao kiếp đến nay, con xin vâng lời chư Phật dạy: không làm việc ác, làm các việc lành, thanh tịnh ý mình, thật thà niệm Phật, cầu sinh Tây Phương.**

**Con nguyện đem tất cả mọi công đức đều xin hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc, trang nghiêm cõi Tịnh Độ, xin hồi hướng tới chư vị bản gia tôn thần cùng chư hương linh, vong linh, gia tiên, cứu huyền thất tổ, hồi hướng tới chư vị oan gia trái chủ, kẻ oán người thân trong nhiều kiếp số, hồi hướng tới cha mẹ,**

**sư trưởng, thân bằng, quyến thuộc trong đời này và trong nhiều đời nhiều kiếp trước, hồi hướng tới tất cả chúng sinh trong khắp các pháp giới.**

**Cầu cho tất cả mọi người trong đời hiện tại đều được thân tâm thường an lạc, tội chướng tật bệnh tiêu trừ, căn lành tăng trưởng, phúc tuệ trang nghiêm. Cầu cho tất cả mọi người đã khuất đều được vãng sinh Tây Phương Tịnh Độ.**

**Cầu cho âm siêu dương thái, cầu cho thế giới hòa bình, tất cả chúng sinh đều được độ thoát.**

**Nguyện tất cả đều tin sâu Phật pháp, cùng trợ pháp cho nhau, đều phát nguyện vãng sinh Tây Phương, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, đến khi mãn phần được Phật từ bi tiếp độ.**

**Nguyện con và tất cả đều được  
vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực  
Lạc Tịnh Độ, cùng thành Phật đạo.**

*(Dập đầu lay).*

*Đứng chấp tay niệm:*

**Nam Mô A Di Đà Phật. (Ba lần).**

**Nam Mô:**

**Thập Phương Tam Thế Nhất Thiết  
Phật,**

**Nhất Thiết Bồ Tát Ma Ha Tát,**

**Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.**

*(Dập đầu lay ba lay, rồi xá ba xá).*

*(Xong khóa lễ).*

(Ý nghĩa câu này là: con kính lay quy mệnh  
Đức Phật A Di Đà, con kính lay quy y tất cả Phật  
Bồ Tát ở ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai khắp  
mười phương trong vũ trụ, xin độ cho tất cả  
chúng sinh tu học khai phát trí tuệ rộng lớn, cùng  
được giải thoát, giác ngộ thành Phật).

Ngoài ra trong mọi lúc, ở mọi nơi, khi đầu óc  
không tính toán, không giao tiếp, cứ thầm niệm  
bốn chữ ‘A Di Đà Phật’ cho thuần thực, cho in  
sâu vào trong tâm, luôn nhớ không để lãng quên.



# **KHÓA TRÌNH NIỆM PHẬT THÔNG DỤNG HẰNG NGÀY**

Khóa trình ngắn gọn này dành cho tất cả mọi người. Thắp hương niệm trước điện Tam Bảo, trước ban thờ gia tiên, trước hình tượng Phật. Hoặc ngồi ở bất kỳ nơi nào sạch sẽ (không cần thắp hương), cứ thành tâm hướng về phía Tây. Ngày hai thời sáng tối, lễ bái, tụng niệm ra tiếng hoặc niệm thầm như sau:

- **Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo.** *(Niệm một lần, lễ một lạy).*
- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** *(Niệm một lần, lễ một lạy).*
- **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.**  
*(Niệm một lần, lễ một lạy).*
- **Nam Mô A Di Đà Phật.** *(Niệm ba lần).*

Con cầu Phật từ bi cứu độ, khi mãn phần, xin Phật đón con về Tây Phương Cực Lạc, để trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sinh. *(Lễ một lạy).*

*Chuyển niệm bốn chữ: **A Di Đà Phật.***

*(Niệm 15 phút, 30 phút, 60 phút tùy ý. Niệm xong lễ một lạy).*

- **Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.**

*(Niệm ba lần, lễ một lạy).*

- **Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.**

*(Niệm ba lần, lễ một lạy).*

- **Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.** *(Niệm ba lần, lễ một lạy).*

- **Nguyện đem công đức này,  
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ.  
Trên đền bốn ơn nặng,  
Dưới cứu ba đường khổ.  
Nếu có ai thấy nghe,  
Đều phát tâm Bồ Đề.  
Hết một báo thân này,  
Đồng sinh về Cực Lạc.**

*(Niệm xong lễ ba lạy). (Xong khóa lễ).*

Ngoài ra trong mọi lúc, ở mọi nơi, khi đầu óc không tính toán, không giao tiếp, cứ thầm niệm bốn chữ ‘A Di Đà Phật’ cho thuần thục, cho in sâu vào trong tâm, luôn nhớ không để lãng quên.



**TÍN - NGUYỄN - HÀNH**  
**NHẤT HƯỚNG CHUYÊN NIỆM**  
**A DI ĐÀ PHẬT**

# LỜI TRI ÂN

**Chư Kinh Diễn Âm** là bộ kinh Phật được cao tăng nước ta là Thiền sư Thích Tính Định chọn những điểm tinh yếu từ các bộ kinh Tịnh Độ chữ Hán rồi soạn dịch sang chữ Nôm cuối thế kỷ XIX theo thể thơ lục bát, văn phong giản dị, nghĩa lý cô đọng. Bộ kinh là di sản văn hóa đặc sắc của dân tộc ta hiện lưu giữ trong Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Nguyên cả bộ kinh gồm tám quyển. Trong đó, **Đại Di Đà Kinh Chính Văn Trì Niệm Trích Yếu Diễn Âm** (gọi lược là Di Đà Kinh Diễn Âm, gọi tắt là Kinh Di Đà) và **Nhân Quả Chư Kinh Trích Yếu Diễn Âm** (gọi lược là Nhân Quả Diễn Âm, gọi tắt là Kinh Nhân Quả) là hai bản kinh quan trọng nhất, mang đầy đủ giáo nghĩa Tịnh Độ, được in chung trong một cuốn.

Nội dung **Chư Kinh Diễn Âm** bao quát đủ pháp lành thế gian và xuất thế gian. Bất cứ ai, chẳng phân biệt giàu nghèo, sang hèn, học vấn, hễ thực hành theo lời dạy trong kinh thì tâm tính càng hiền thiện nhân hậu, cuộc sống càng yên vui tốt đẹp, nhất là trong tương lai được vãng sinh về nước Phật, thoát khỏi thế giới sinh tử luân hồi.

Nhận thấy giá trị quý báu như thế, vào một ngày lành mùa Vu Lan năm Canh Tý (Dương lịch 2020 - Phật lịch 2564), đệ tử trong tâm thái vui mừng khôn xiết, phát tâm phiên dịch kinh văn hai bản kinh quan trọng là Di Đà và Nhân Quả trong bộ **Chư Kinh Diễn Âm** từ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ, đồng thời căn cứ theo lời Phật ý Tổ trong các bộ kinh luận viết thêm chú thích và giải thích rộng thêm nghĩa kinh, mong sao giúp cho người đọc dù chưa từng biết Phật pháp cũng có thể lĩnh hội được.

Sau khi hoàn thành, bản thảo được nhà Hán Nôm học lão thành Nguyễn Khắc Bảo, Lão Cư sĩ Diệu Âm Minh Trị, nhà báo lão thành Lê Trung Đản góp ý hoàn thiện; được Hòa thượng - Tiến sĩ Thích Gia Quang, Tiến sĩ Bùi Hữu Dược, Tiến sĩ Lê Tâm Đắc viết lời giới thiệu.

Để bản kinh quý của tiền nhân được truyền bá rộng rãi, đệ tử cùng các Phật tử, thiện tín chung tay đóng góp tịnh tài xuất bản và biếu tặng đến với người hữu duyên.

Nay bản kinh được xuất bản, từ đáy lòng chân thật, đệ tử xin thành kính đỉnh lễ Tam Bảo mười phương; thành kính tri ân Thiền sư Thích Tính Định cùng các bậc tiền hiền đã có công soạn dịch



và lưu truyền bản kinh báu cho hậu thế; thành kính tri ân các bậc cao tăng và thiện tri thức đã giúp cho bản dịch được hoàn thành và giới thiệu bản kinh đến với khắp tăng ni, Phật tử, thiện tín nước nhà; tùy hỷ công đức các Phật tử, thiện tín đã chung tay đóng góp tịnh tài in ấn, giúp cho bản kinh đến với đông đảo người dân Việt khắp nơi.

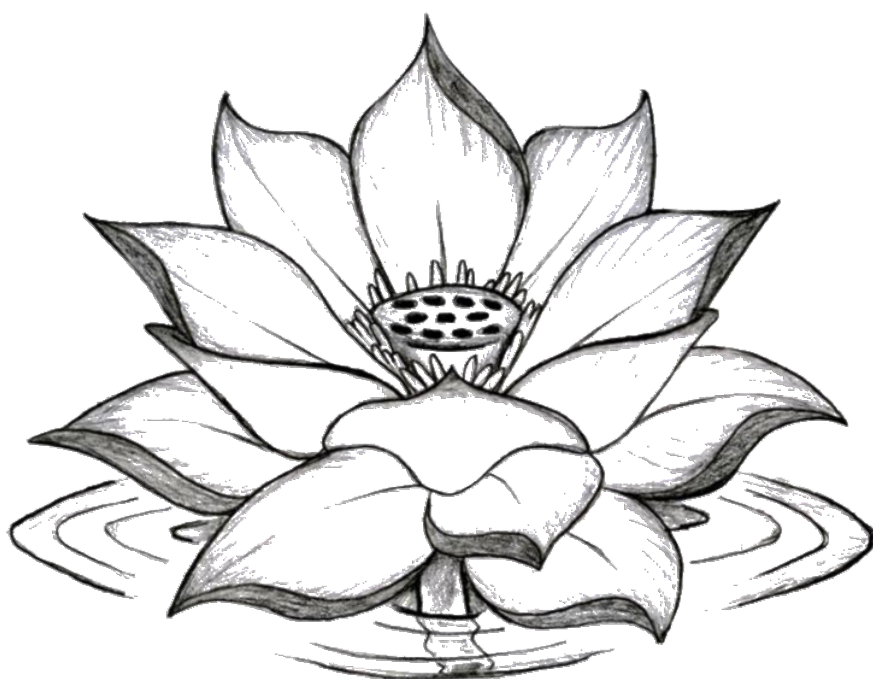
Nguyện ước người người đọc bản kinh này đều phát khởi tâm Bồ Đề, rộng truyền pháp môn Tịnh Độ, để tương lai Sa Bà trở thành Cực Lạc, cõi Nhân Gian thành cõi Niết Bàn.

*Ngày lành tháng Trọng Đông năm Canh Tý  
Đệ tử Học Phật kẻ thủ cần bạch!*



**Nguyện đem công đức này  
Hồi hướng về khắp cả  
Đệ tử và chúng sinh  
Đều trọn thành Phật đạo**

**Bây giờ ta giữ thân ta  
Hồi tâm tưởng Phật Di Đà niệm siêng  
Tâm ta là đất trồng sen  
Miệng ta là nước tưới liên tốt xanh  
Sớm khuya hai buổi tinh thành  
Như ôm trái núi như canh đồng vàng  
Lại thêm khuyên bảo hộ hàng  
Niệm trì ấn tống thời càng phúc thêm**



---

Đệ tử Học Phật chí tâm đỉnh lễ Thập phương Tam Bảo  
Nguyện Pháp Bảo lưu thông, lợi lạc chúng sinh vô tận!

---

Mọi góp ý xin gửi về: [kinhphattinhdo@gmail.com](mailto:kinhphattinhdo@gmail.com)



**NAM MÔ HỘ PHÁP TẠNG BỒ TÁT**

# **CHỮ KINH DIỄN ÂM**

## **(KINH DI ĐÀ & KINH NHÂN QUẢ)**

**Thiền sư Thích Tính Định diễn âm**  
**Cư sĩ Nguyễn Văn Quyền (Đệ Tử Học Phật)**  
**Phiên dịch chú thích**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**  
53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội  
ĐT: (024) 37822845 - Fax: (024) 37822841  
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

**Giám đốc**

**ThS. Nguyễn Hữu Có**

**Biên tập: Vũ Văn Hiếu**

**Sửa bản in: Nguyễn Văn Quyền**

**Trình bày: Nguyễn Văn Quyền**

**Đơn vị liên kết: Ông Nguyễn Văn Quyền**

**Địa chỉ: Thôn Xuân La, xã Phương Dục  
huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội**

---

In 5.000 bản, khổ 14,5x20,5 cm, tại Công ty TNHH In-TM&DV Nguyễn Lâm.

352 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, Q Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Số ĐKXB: 50-2021/CXBIPH/02-01/TG. Mã ISBN: 978-604-61-7395-3

QĐXB: 24/QĐ-NXBTG ngày 19 tháng 01 năm 2021

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2021

埃麻印送迢超  
經尼艾卷朋時廚羈  
佛浪施法空澄  
閉廚珠寶空朋啞經

**Ai mà ấn tổng đưa đi**  
**Kinh này một quyển bằng thì nghìn trăm**  
**Phật rằng thí pháp không chừng**  
**Muôn nghìn châu báu không bằng lời kinh**



ISBN: 978-604-61-7395-3



9 786046 173953

KINH SÁCH ẤN TỔNG